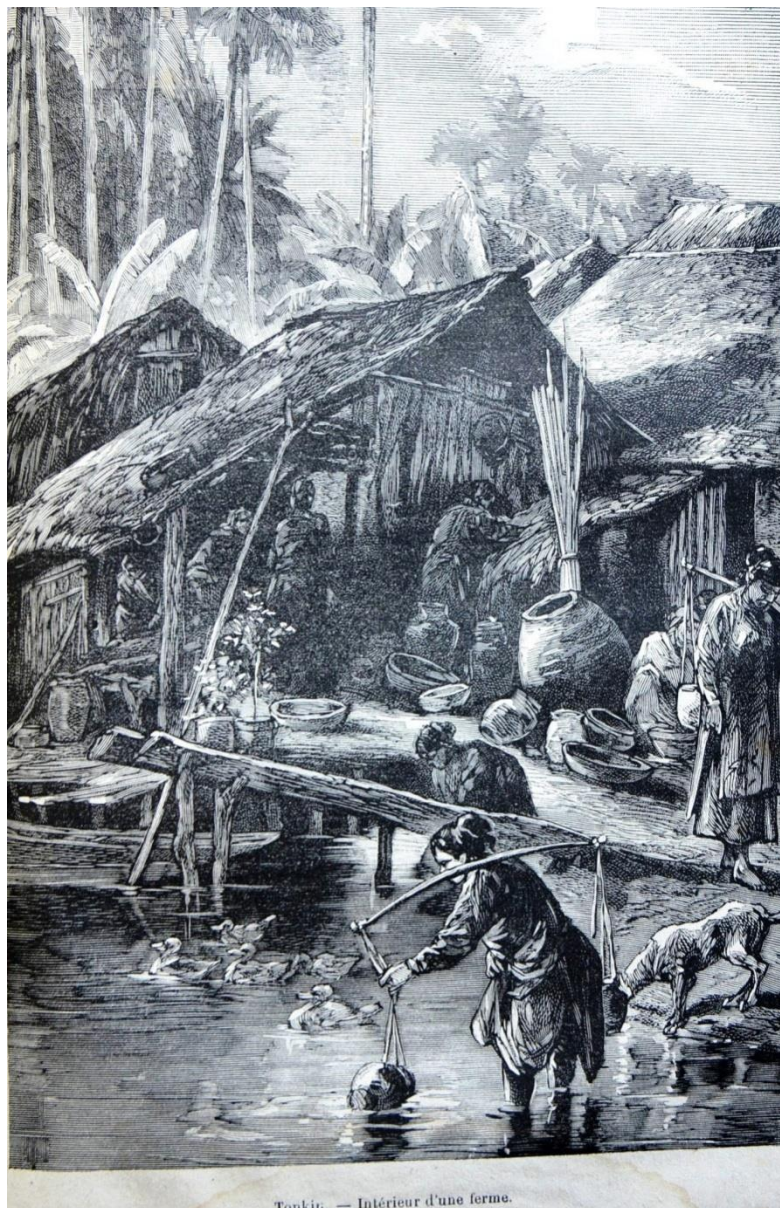


NỀN Y HỌC, Y TẾ VÀ VỆ SINH Ở VIỆT-NAM TIỀN BÁN THẾ KỶ THỨ 20

Tác giả: Ngô Thị Quý Linh



Tonkin. — Intérieur d'une ferme.

Tonkin – Intérieur d'une ferme.
L. Huard, *La Guerre du Tonkin*, 1890

Người Việt từ thế kỷ thứ 19 trở về trước thường tin rằng bệnh tật là do giới “vô hình” hoặc “siêu hình” gây ra. Người ta tin rằng bệnh tật sinh ra vì chạm vía, tà ma yêu quái, thần thánh quở phạt, gặp năm sung tháng hạn, động chạm mồ mả, không đúng phong thủy, bị trừ ếm, bị bỏ bùa, v.v... Cũng vì nghĩ như thế cho nên các cách chữa bệnh tùy theo trường hợp mà tìm cách trấn áp. Ví dụ trẻ sơ sinh có người dữ vía tới thăm mà khóc không ngừng, người nhà phải đốt vía, dùng lá nón mê hoặc cây chổi cũ vừa đốt vừa đọc câu chú đuổi vía dữ. Người mẹ mới sinh con mà bị băng huyết cũng cho là vì gặp vía dữ. Trường hợp hay thấy là dùng tàn hương nước thải cho người bệnh uống. Những người bị bệnh đi nhờ các ông đồng bà cốt cầu xin thần linh cấp bùa để đeo hoặc cho bùa để người bệnh đốt hòa với nước thải rồi uống. Nếu cho rằng bệnh vì tà ma yêu quái thì người mình lo sửa lễ cúng vàng mã, hương hoa, xôi rượu, hoặc mời thầy trừ tà ma trị quỷ. Có một số bệnh dùng phương pháp cổ truyền như đánh gió, xông, bôi dầu nóng, chườm, dùng lá cây, thuốc nam hoặc thuốc bắc để chữa trị. Thuốc nam là các lá cây có sẵn ở Việt Nam đã được dùng chữa một số bệnh như bó xương, rắn cắn, chó dại, sốt rét, đi tả, đầy bụng; thuốc bắc là những phương thuốc được cho rằng là do các danh y Trung-Hoa như Hoa Đà, Biển Thước soạn ra và truyền lại. Bệnh chia ra hai loại nội thương và ngoại cảm. Cách định bệnh gồm có vọng (quan sát), vấn (nghe), vấn (hỏi), thiết (bắt mạch).

Vị danh y Hải-thượng Lãn-ông Lê Hữu Trác (1720-1791) nghiên cứu y học thời đó để tự chữa bệnh cho mình, nhờ đó đã để lại cho đời sau bộ sách “Y-tông Tâm-lĩnh”. Bộ sách của ông được nhiều nhà làm thuốc dùng đến. Thời Minh-Mệnh (1820-1840) có ông Trạch Viên người Bắc-Ninh, thời Tự-Đức (1847-1883) có ông Đỗ Văn Tuyền người Hưng-Yên nổi tiếng danh y. Sang đến đầu thế kỷ thứ 20, cách chữa bệnh bằng thuốc nam vẫn còn được dùng. Năm 1939, Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ, người khai sáng Phật-giáo Hòa-Hảo, trị bệnh bằng nước lã, bùa uống bằng giấy báo hay giấy vàng, thuốc bằng lá cây (xoài, ổi, mít, bưởi, v.v...) hoặc bông (bông trang, bông vạn thọ) hoặc rễ (rễ tranh, rễ chòi-mòi).

學醫東亞

Muốn nghiên-cứu khoa thuốc

đ-đóng, nên mua ngay :

Sách thuốc Việt-Nam.	3 \$ 50
Tính các vị thuốc.	3 00
Khoa thuốc xứ nóng.	2 00
Khoa chữa phổi.	1 00
Khoa chữa mắt.	1 00
Khoa chữa trẻ con.	0 80
Ngoại khoa.	1 00
Sinh lý học.	1 00

giá quyền lớn 0 \$ 69, nhỏ 0 \$ 30.

Hỏi : M. Nguyễn-xuân-Dương
Lạc long 22 Tientsin Hanoi.

ĐÁ ĐÓNG THÀNH BỘ :

Việt-Nam dược-học

*của ông Phó đốc-Thành trong bộ biên tập hội
Y-Học Trung-Kỳ soạn*

*Ông Phó đốc Thành, quản lý vịnh viễn hội
Y-Học Trung-kỳ, là một nhà chuyên khảo cứu về
thuốc Nam đã mấy chục năm nay, có 8000
bào ta không mấy người là không biết tiếng
Nay ông đem những sự kinh nghiệm viết ra bộ*

Việt-Nam dược-học

*này thật là một sự ích lợi cho quốc-dân ta
không phải là nhỏ vậy, nhất là lúc đương khan
thuốc như lúc này.*

*Sách soạn theo phương pháp thực hành để
phòng khi cấp cứu, ai coi đó cũng có thể chữa
được. Và lại những cây mà ông nghiên cứu toàn
là những cây mà ta thường thấy gần gũi ở chung
quanh mình ta cả.*

**Thật là một bộ sách cần thiết cho
mọi người và mọi gia-đình**

*mỗi bộ... 6 \$ 00 thêm cước gửi... 0 \$ 60
Mười lĩn hòa 'giáo-người' hết... 1 \$ 00
Thư và nhũn mua sách xin gửi về cho :*

Nhà in Mai-Lĩnh Hanoi

Ngày nay hãy còn tài liệu cho biết các bệnh dịch từng xảy ra ở Việt-Nam mà người Việt không biết làm sao chữa trị, vẫn chỉ nghĩ là do “âm binh”, yêu ma.

Năm 1849 ở các tỉnh Nam-kỳ như An-Giang, Thất-Son, Bến-Tre phát bệnh dịch tả. Làng nào cũng có người nhiễm bệnh. Hương chức làng làm lễ “tổng gió”, lấy gà heo làm lễ cúng.

“Bây giờ bệnh dịch lan tràn dữ dội. Đầu trên xóm dưới chết. Đau một giây một giờ rồi chết. Mà chết nhiều không kịp chôn. Thiên hạ hoảng sợ. Bè tống ôn tống gió bênh bồng đầy sông. Ngoài đường vắng người đi. Ban đêm chó không dám sủa. Mà thỉnh thoảng có vài tiếng chó sủa thì người ta tưởng tượng là có âm binh về. Hễ nghe tiếng lộp cộp là ón da gà, biết rằng trong xóm có một nắp quan tài vừa đầy lại.” (Nguyễn Văn Hào, *Sấm Truyền Đức Phật Thầy Tây An*)

Vì chưa có Tây y và chưa có chích ngừa, không hiểu biết về vệ sinh nên 4/10 dân chúng chết vì bệnh dịch.

Hậu bán thế kỷ thứ 19, khi người Pháp đến, dân chúng hãy còn rất dè dặt với cách chữa trị Tây phương, nhất là cách dùng kim để chích thuốc. Họ đồn nhau “chích chết”, cho nên khi cần chích ngừa bệnh dịch tả hay những bệnh thiên thời, họ cố trốn tránh.

Cùng với tổ chức về hành chánh, giáo dục và kinh tế, dịch vụ y-tế tại Đông-dương nhận được sự quan tâm của giới chức trách. Ở các thành phố lớn, sau khi chiếm Đông-Dương, các y sĩ đầu tiên là những quân-y-sĩ. Tuy nhiên nhiệm vụ ưu tiên của họ là phục vụ các quân binh, các đơn vị và các quân y viện, và số lượng ít ỏi y sĩ đó không thể cung cấp nổi dịch vụ y tế cho hai mươi triệu dân Đông-Dương. Để chữa trị bệnh, người dân Đông-Dương chỉ nhờ vào các ông lang ta hay tàu. Công chức hay dân thuộc địa (Pháp-kiều) nếu có bệnh cần chữa trị thường phải đi cả ngày đường hay có khi mất 48 tiếng đồng hồ, qua bao nhiêu sông lạch, đường đất mới đến được quân y viện. Nếu bị bệnh cần cấp cứu ngay thì bệnh nhân chỉ có thể trông đợi vào thiên nhiên hay là sức lực của chính họ.

Người dân Việt lúc đó chưa có hiểu biết căn bản về khoa học, chưa biết là vi trùng sinh sôi nảy nở trong môi trường thiếu vệ sinh và gây ra bệnh tật. Những món ăn của người Việt lúc ấy như thịt trâu bò ăn tái, thịt lợn luộc chần, tiết canh vịt, ... từ gia súc và gia cầm nuôi ở nhà, hoặc cua ốc, cá tôm bắt ngoài ruộng, không qua sự khám xét của sở vệ-sinh y-tế về thực phẩm, nên ăn vào có thể bị nhiễm ký sinh trùng gây bệnh nơi người. Thức ăn nấu xong, không đậy đậy kỹ, không có tủ lạnh mà cất, để ruồi bâu nên thức ăn bị nhiễm vi trùng. Cả làng có một cái ao mà việc giặt giũ, tắm rửa, vo gạo, rửa rau, v.v..., việc gì cần đến nước cũng lấy nước từ ao. Nước uống, thường không biết là cần phải đun sôi hay lọc nước. Quần áo tốt thì không giặt, chỉ phơi ngoài nắng rồi cất vào rương hòm. Tóc thường để dài, đàn ông thì búi tó, đội khăn bịt ra ngoài, đàn bà Bắc-kỳ thì cuộn tóc trong khăn, vấn tròn trên đầu rồi để đuôi gà rủ xuống, phụ nữ Nam-kỳ và Trung-kỳ bới tóc như đàn ông Bắc-kỳ. Việt-Nam là xứ nóng, ẩm, mồ hôi ra nhiều, chậm gội đầu thì đầu tóc hôi hám, không năng chải thì chấy làm tổ trong tóc.

Việt-Nam là xứ nhiệt đới, mưa nhiều, nơi nào nước đọng là có chỗ cho muỗi sinh sôi nảy nở gây bệnh sốt rét. Đi vào rừng, thấy suối nước mà uống rồi bị bệnh chết thì người dân cho là tại sơn lam chướng khí, không biết rằng lá rụng, cây rừng có thể thôi chất độc vào trong nước.

Về nhà ở, đa số chật hẹp. Nhà ở thành thị, nơi phố xá đông đúc, nhà hẹp bề ngang và dài bề dọc nên phải xây thêm gác, tầng dưới để ở, tầng gác để bàn thờ và chứa đồ đạc. Nhà ở đã chật hẹp, lại thêm vừa buôn bán vừa ở, nên càng chật chội hơn. Chỗ ngủ, chỗ ăn, nấu nướng quanh quẩn ở cùng một nơi. Nhiều khi chủ nhà cho thuê, năm bảy gia đình ở chung một căn. Mỗi gia đình chần riêng một cái phên hay treo cái màn chỗ nằm để giữ sự cách biệt. Phần nhiều nhà ở nhà què lợp lá gồi hoặc cỏ gianh, rom rạ, nhà khá giả mới lợp ngói. Nhà có năm sáu hàng cột, chia làm ba gian, gian giữa để bàn thờ, gian bên cạnh làm buồng ngủ thì che kín, bốn bề ít cửa, bít bùng, không thoáng khí. Các phòng không phân biệt cách sử dụng, một phòng vừa là chỗ ăn chỗ ngủ, làm việc ngồi chơi tiếp khách cũng tại một nơi. Do đó, việc dọn dẹp, giữ vệ-sinh rất khó.

“Các nơi nhà què, nhiều nhà nào trở nào chạm, chẳng qua chỉ để cho dện [nhện] dễ trắng [chăng] võng, kê lăm giường lăm phản, chẳng qua chỉ cho mối xông đất, mái tụp hụp như chuông ngựa, buồng kín bít như buồng tắm, chẳng qua chỉ để cho chuột bọ rúc rích ra vào, góm ghê bản thiu, như thế thì sao cho sạch sẽ được.” (Phan Kế Bính, *Việt Nam Phong Tục*, 1915)

Nói về công việc thì đời sống người nhà què làm ruộng rất cực khổ. Khi tát nước, khi làm cỏ, lúc nào cũng *đầu đội trời chân đạp đất*, trên trời nắng chang chang, xém cả da thịt, dưới chân dầm trong nước, lom khom cặm cùi ở giữa nơi đồng ruộng mênh mông, không bóng cây. Mùa đông, trời rét lạnh căm, không đủ áo mặc cho ấm, trời mưa thì chỉ có áo toi, không đủ chống lại cái lạnh rét mưa dầm. Trẻ con cũng phải theo cha mẹ để phụ giúp, chăn trâu chăn bò, mò cua bắt ốc, thiếu dinh dưỡng vì không ăn uống đủ.

Thức ăn của người dân đa số là cơm với cà muối, rau muống luộc chấm tương, may mắn hơn thì có canh tôm nấu bầu bí hay canh cua nấu khoai sọ. Những lúc trước mùa gặt, hầu hết dân què ăn củ hoặc cháo với rau mọc quanh nhà. Gạo là một thứ thực phẩm xa xỉ mà họ chỉ có được sau mùa gặt khi mà giá gạo thấp nhất. Các thức ăn như bắp, củ mì, khoai lang, khoai môn là thực phẩm chính suốt năm. Hầu hết dân làng chỉ ăn hai bữa một ngày. Bữa ăn của họ thường thiếu chất đạm, thỉnh thoảng được bồi bổ bởi ít cá con, tôm, tép, cua, còng, rạm. Vì thiếu chất đạm, họ còn phải ăn thịt chó, nhộng, ốc, ếch, hén, rươi, v.v... Sau những mùa gặt, vợ chồng ra đồng nhặt mót hạt thóc rơi rớt, củ khoai còn sót đem về ăn. Thức ăn mua cho gia đình thường là gạo đen, gạo hẩm, rau già héo, buồng chuối xanh, quả mít xanh. Ngày giỗ tết mới ăn thịt cá. Đối với người dân què, “nhịn đói là lẽ thường, ăn no là một sự bất thường”. (Hoàng Đạo, *Bùn Lầy Nước Động*, 1938) Cũng vì đói mà họ không thể sống cho sạch sẽ vệ sinh, không giữ được sức khỏe cho họ và gia đình, không biết đến những sinh thú ở đời.

Đầu thế kỷ thứ 20, theo điều tra và thống kê thì tuổi thọ trung bình của người dân què Việt-Nam vào khoảng 25, 26 tuổi, vào lúc mà người ấy có thể có sức lực đóng góp nhiều nhất cho xã hội và gia đình. Bệnh tật, sự chết yểu ảnh hưởng rất lớn đến tương lai dân tộc, mà bệnh tật, chết yểu chỉ vì “mê muội”, không được học không được biết để bảo vệ mạng sống.

Nhờ vào các cố gắng phổ biến hiểu biết y tế và vệ sinh của chính quyền và giới hữu trách, dân chúng dần dần tin tưởng vào y khoa Tây phương, nhất là giới tân học. Nếu bị đau ốm, họ đến bác sĩ chứ không để cho các “ông lang ta” chữa. Nếu có sinh con thì họ tìm đến các bà đỡ tốt nghiệp trường thuốc Đông-Dương.

Sự tin tưởng vào y khoa Âu Tây có thể hiểu được nhờ công cuộc phát triển y tế công cộng của chính phủ thuộc địa tại Đông-Dương. Vấn đề vệ sinh và phòng ngừa bệnh được phát triển dần vào các vùng quê. Mỗi phủ hay huyện có một người y tá trong nom về y tế và vệ sinh. Con số tử vong vì bệnh đậu mùa và dịch tả giảm đi rất nhiều.

Nhà thương đầu tiên ở Nam-kỳ là nhà thương Chợ-Quán do các giáo sĩ thành lập năm 1862 với sự hỗ trợ tài chánh của các nhà tư sản Nam-kỳ. Dần dần với sự hiểu biết về y học Tây phương gia tăng, nhiều nhà thương được thành lập: nhà thương Triều Châu (1885), Hôpital indigène de Cochinchine (1900), Y viện Quảng-Đông (1903), nhà thương Drouhet (1908) – đặt theo tên của Frédéric Drouhet là thị trưởng Chợ-Lớn – , Bảo sanh viện Chợ-Lớn (1909), Maternité Indochinoise-Bảo sanh viện Đông-Dương (1937), ...

Bác sĩ Drouhet lập Hội Bảo-sanh Chợ-Lớn năm 1901: “Association Maternelle de Cholon”. Cũng năm này, có lớp đầu tiên dạy làm cô đỡ. Năm 1902, Hội Bảo-sanh Chợ-Lớn lập một nơi trú ngụ cho trẻ em bệnh và bị bỏ rơi. Năm 1903, bác sĩ Déjean khám miễn phí cho bệnh nhân bản xứ Nam-kỳ ngay tại phòng mạch tư của ông.

Từ năm 1871, dân Nam-kỳ bị bắt buộc phải chủng ngừa đậu mùa bằng phương pháp Jennerian. Năm 1908, toàn thể dân Đông-Dương được chủng ngừa miễn phí.



CHOLON – L’Hôpital Indigène

Năm 1891, Viện Pasteur tại Sài-Gòn được thành lập với sự điều hành của bác sĩ Albert Calmette, và Viện Pasteur ở Nha-Trang năm 1895 do bác sĩ Alexandre Yersin điều hành. Việc chủng ngừa đã ngăn chặn sự lan tràn của các bệnh dịch và công trình y tế công cộng đã giúp được phương cách phòng chống bệnh sốt rét. Để chữa trị bệnh tật, chính phủ lập ra bệnh viện,

những trại chữa bệnh phong (cùi). Để ngăn ngừa bệnh tật, chính phủ chú ý vào công tác vệ sinh, giữ gìn sạch sẽ thành phố, nhà ở, lọc nước uống, chăm sóc trẻ con từ khi lọt lòng mẹ để tránh những bệnh tật nguy hiểm cho hài nhi.

Thập niên 1900, chính phủ bảo hộ cho mở nhà thương đầu tiên dành cho người dân bản xứ ở Hà-Nội: Hôpital indigène du Protectorat. Năm 1911, chính phủ cho thành lập bệnh viện ở Cống Vọng để thu nhận và điều trị bệnh nhân bị bệnh truyền nhiễm.

Năm 1905, toàn quyền Paul Beau và bác sĩ thanh tra (médecin-inspecteur) Grall lập nền tảng cho việc tổ chức y tế cho người bản xứ: “Assistance Médicale Indigène” (AMI), một hệ thống tổ chức y tế miễn phí phục vụ các công chức và người bản xứ. Lúc này, chỉ riêng Nam-kỳ đã có 72 cơ sở y tế như nhà thương, bảo sanh viện.

Một nghị-định ban hành năm 1905 cho thành lập “Ủy-ban khuyến-cáo thượng-đẳng về vệ-sinh”: “Conseil supérieur d’hygiène”. Ủy ban này có nhiệm vụ khuyến cáo vị toàn-quyền về tất cả các vấn đề liên quan đến y tế, vệ sinh và bảo vệ sức khỏe của dân chúng Đông-Dương. Ủy ban này gồm có vị toàn-quyền là người chủ tọa, tổng thư ký và những thành viên của Ban Cố-vấn chính phủ, có thêm giám đốc Trường Y-Dược và trưởng ban dược-phòng quân-sự. Ủy ban có nhiệm vụ xác định những phương sách tổng quát để ngăn ngừa sự lan truyền các bệnh dịch, tuyên bố việc sử dụng công cộng những nguồn nước có thể dùng để ăn uống, hoặc là việc phá sập một bất động sản nào, v.v...

Nghị định ngày 27-6-1914 cho phép thành lập bên cạnh vị toàn-quyền “Cơ quan thanh tra các Sở Vệ-sinh và Y-tế”: “Inspection générale des Services Sanitaires et Médicaux” do giám-đốc Sở Vệ-sinh quản trị với chức vụ Tổng Thanh-tra các Sở Vệ-sinh và Y-tế: Inspecteur Général des Services Sanitaires et Médicaux. Vị tổng thanh-tra này được một bác sĩ và hai thư ký phụ tá, có nhiệm vụ trông chừng công việc của các sở vệ sinh và y tế tại Đông-Dương và giúp toàn-quyền trong việc thực hiện mọi vấn đề liên quan đến vệ sinh và bảo đảm y tế công cộng: trợ giúp về y tế, canh chừng vệ sinh vùng duyên hải, các bệnh viện thuộc mọi ngành chuyên môn, v.v... Vị tổng thanh-tra có quyền kiểm soát về kỹ thuật các trung tâm y khoa, các viện bào chế và các trung tâm giáo dục y học đang có ở Đông-Dương ngoại trừ các Viện Pasteur ở Sài-Gòn và Nha-Trang. Trong thập niên 1930, ở Đông-Dương có bốn viện Pasteur: Hà-Nội, Sài-Gòn, Nha-Trang, Đà-Lạt.

***Viện Pasteur Đông-Dương : “Institut Pasteur de l’Indochine” –**

Ở Đông-Dương có hai viện nghiên cứu về vi trùng học, có trách nhiệm chuẩn bị việc sản xuất các loại thuốc chủng ngừa và huyết thanh, giữ trách nhiệm nghiên cứu về các loại vi trùng gây bệnh dịch cho người, các loại vi trùng gây bệnh cho gia súc và gia cầm, và các nghiên cứu về canh nông hóa học (chimie agricole), đồng thời tìm cách ngăn ngừa các bệnh nhiễm trùng và các bệnh dịch. Viện Pasteur Nha-Trang do bác sĩ Yersin điều hành; Viện Pasteur ở Sài-Gòn do bác sĩ Calmette phụ trách. Toàn-quyền Đông-Dương và bác sĩ Roux, giám đốc Institut Pasteur de Paris, cùng thỏa thuận việc giao hai Viện Pasteur ở Đông-Dương cho Institut Pasteur de Paris điều hành và gọi chung bằng tên Viện Pasteur Đông-Dương: “Institut Pasteur de l’Indochine”. Viện Pasteur Paris điều hành viện Nha-Trang từ năm 1904 và viện Sài-Gòn từ năm 1905. Viện

Pasteur Paris trả tiền cho mọi chi phí về lương bổng nhân viên, về vật liệu cần cho việc nghiên cứu, về bất động sản được sử dụng làm cơ sở cho Viện Pasteur. Bù lại, Viện Pasteur Paris được quyền sử dụng mọi thuốc chủng ngừa và huyết thanh do hai viện Sài-Gòn và Nha-Trang sản xuất. Viện Pasteur Nha-Trang phải có ít nhất một người giám đốc điều hành, hai nhà nghiên cứu vi trùng học, một người chuyên môn về hóa học và một cộng tác viên ở phòng thí nghiệm; ở Sài-Gòn, phải có một người giám đốc điều hành và một nhà chuyên môn về hóa học. Tất cả các nhân viên này đều phải là người Âu vì trong giai đoạn này chưa có người bản xứ chuyên môn về những ngành này.

Ngoài các nhân viên của Viện Pasteur đã kể trên, còn cần có một thú y sĩ được cử làm thanh tra các Sở thú y tại Đông-Dương. Những người đi thực tập để giúp việc chủng ngừa trong năm xứ Đông-Dương phải đi thực tập một năm trong đó họ phải theo học khóa lý thuyết và thực hành sáu tháng. Các thú y sĩ phụ tá cũng như các thú y sĩ thanh tra cũng đều phải đến học tại Viện Pasteur Nha-Trang như một phần của chương trình tập sự.

Viện Pasteur ở Sài-Gòn có bốn phòng thí nghiệm để tìm hiểu, nghiên cứu và thực hiện những thử nghiệm liên quan đến vi trùng học ở người, vi trùng học ở thú vật, sinh lý hóa học và trùng phát những vụ chế tạo thực phẩm gian dối, tìm hiểu và thử nghiệm việc trồng cây cao su. Viện Pasteur Nha-Trang chuyên lo việc sản xuất các huyết thanh chống bệnh dịch và các loại huyết thanh cũng như thuốc chủng ngừa dành cho ngành thú y, đồng thời tìm hiểu về các loại cây cỏ được dùng làm thuốc đang được trồng ở cơ sở Hòn-Bà. Bác sĩ quân y Calmette được nhà bác học Louis Pasteur của Viện Pasteur Paris gửi sang Việt-Nam năm 1891 để thành lập một viện sản xuất thuốc chủng ngừa bệnh trái mùa và bệnh chó dại. Nhà bác học Pasteur là người đã tìm ra vi trùng bệnh dịch tả (cholera) ở gà, và các vi trùng gây ra bệnh dịch tả được sắp loại và mang tên là *Pasteurella*. Năm 1886, ông cũng làm ra được thuốc chủng ngừa bệnh chó dại và chữa trị khỏi bệnh cho vài trăm người. Cả hai bệnh dịch tả và chó dại là hai căn bệnh thường rất hay gặp ở Việt-Nam.

Năm 1894, khi bệnh dịch hạch phát ra ở Trung-Hoa, bác sĩ Yersin được gửi sang bên đó và ông đã tìm ra vi trùng bệnh dịch hạch, được đặt theo tên ông là *Yersinia pestis*. Năm 1895, khi Viện Pasteur ở Nha-Trang được thành lập thì bác sĩ Yersin làm giám đốc Viện. Ông tận tụy làm việc ở Viện Pasteur suốt cuộc đời ông. Ông chỉ rời Viện trong khoảng thời gian từ năm 1902 đến năm 1904 khi ông được toàn-quyền Paul Doumer chỉ định làm hiệu-trưởng Trường Y Dược ở Hà-Nội.

Năm 1915, vào khoảng tháng 4 tháng 5, bệnh dịch hạch phát ra ở châu thành Tân-An. Bệnh dịch bắt đầu từ chợ Tân-An. Nơi đây dân chúng sống đông đúc, chật chội, không giữ vệ sinh nên gặp bệnh truyền nhiễm thì bệnh lan nhanh, không ngày nào không có người chết. Chính quyền địa phương dùng các phương pháp phòng ngừa, trị bệnh và tẩy uế. Ai bệnh nặng thì được vãng đến “nhà thương lá” (lazaret), một nơi biệt lập để khỏi lây cho người khác. “Nhà thương lá” là căn nhà cất bằng lá gần bến đò, xa châu thành một cây số. Bệnh nhân nằm dưỡng bệnh, nếu bệnh nặng mà qua đời thì được đem ra chôn ở ruộng gần đó. Chợ Tân-An bị cấm nhóm chợ, trường học đóng cửa, hơn nửa tháng sau đời sống mới trở lại bình thường.

Năm 1919, chính phủ cho mở một nhà thương chữa bệnh tâm trí ở Biên-Hòa, năm 1927 một trung tâm chăm sóc trẻ em, năm 1929 một trung tâm ngăn ngừa các bệnh hoa liễu. Năm 1934, một hội nghị về trẻ em được tổ chức tại Sài-Gòn để thu thập những ý kiến về việc bảo vệ trẻ em và nghĩ ra những luật lệ bảo vệ trẻ em.

Bệnh lao là một căn bệnh nan y đối với người dân Việt lúc bấy giờ. Nhiều người Việt mắc chứng bệnh này. Nhà văn Vũ Trọng Phụng mất khi mới 27 tuổi vì bệnh lao. Nhà văn Thạch Lam cũng qua đời vì bệnh lao ở tuổi 32.

Năm 1921, bác sĩ Albert Calmette cùng thú y sĩ Camille Guérin nhận diện ra vi trùng bệnh lao nên vi trùng lao được đặt tên là “Bacille Calmette-Guérin” (BCG). Vì bệnh lao là một căn bệnh nan y và nguy hiểm ở Việt-Nam nên bệnh này đã được chính phủ và y giới chú ý để tìm cách phòng ngừa.

Bác sĩ Angier, giám đốc nhà thương Chợ-Quán, đã tìm hiểu về bệnh lao và các bệnh khác thường thấy ở Việt-Nam như bệnh phù thũng (béribéri), bệnh đau mắt, những căn bệnh tâm thần. Bệnh lao được chính phủ thuộc địa - bảo hộ quan tâm và năm 1922 trao cho bác sĩ Calmette tại Viện Pasteur Sài-Gòn việc lập ra một sở y tế vệ sinh và một chương trình phòng chống bệnh lao. Năm 1923, bác sĩ Guérin và bác sĩ Lalung Bonnaire làm tờ tường trình về bệnh lao ở Nam-kỳ đọc trong hội nghị về các bệnh nhiệt đới ở Viễn-Đông. Sau khi đã có một số tường trình về cách truyền bệnh của bệnh lao ở Việt-Nam, thống-độc Nam-kỳ bác sĩ Cognacq hoạch định một chương trình chống bệnh lao với sự phụ giúp của các nhà vi trùng học, y sĩ, thú y sĩ, chuyên gia về vệ sinh, thanh tra các trường học và giới thức giả địa phương. Hội đồng nghiên cứu về việc chống bệnh lao: - trực tiếp như khuyến khích cách chữa trị sớm, ngăn ngừa việc lây bệnh; - gián tiếp qua việc áp dụng vệ sinh, cải thiện dinh dưỡng, chống việc sử dụng các chất độc hại cho cơ thể như thuốc phiện, rượu. Chương trình chống bệnh lao được thực nghiệm trong giới học sinh ở Chợ-Lớn. Họ được đi chụp quang tuyến phổi, khám tai mũi họng để tìm bệnh lao. Học sinh nào bị lao sẽ được báo cho gia đình biết để chữa trị. Chính phủ cho thành lập một nhà dưỡng bệnh lao, giúp đỡ tài chánh cho các gia đình có người bệnh, xây dựng tại các bệnh viện những khu vực dành cho người bị lao.

Ở Bắc-kỳ, việc chống bệnh lao được giao cho bác sĩ Le Roy des Barres. Chính phủ cho mở một nhà thương chuyên trị bệnh lao. Ở Huế, bác sĩ Normet, giám đốc cơ quan y tế chính phủ, được giao việc phòng chống bệnh lao. Chẩn y viện Pierre Pasquier khám và chăm sóc những người bị bệnh lao.

Từ cuối năm 1924, thuốc chủng bệnh lao BCG bắt đầu được dùng ở Nam-kỳ. Theo thống kê của Viện Pasteur, năm 1924 chỉ sử dụng có 250 liều, đến năm 1933 là 114 050 liều. Bác sĩ Calmette đã hài lòng khi nhìn thấy việc áp dụng hiệu quả của thuốc chủng ngừa bệnh lao BCG ở Việt-Nam.

Sốt rét là một bệnh rất thường thấy ở vùng rừng núi Việt-Nam và những xứ khác ở Đông-Dương là những xứ nhiệt đới, nóng, mưa nhiều, cây rừng rậm rạp. Vì bệnh sốt rét có những ảnh hưởng tai hại đến sức khoẻ chung và đời sống kinh tế cho nên chính phủ phải bài trừ nạn sốt rét bằng các công cuộc khai quang, lấp ao, đào rãnh nước, v.v...

Từ năm 1909, giới tư bản Pháp bắt đầu khai thác những vùng đất đỏ mênh mông ở Nam-kỳ và Cao-mên. Sau thế chiến I (1914-1918), việc trồng cao su phát triển ở phía Nam-kỳ. Tuy nhiên, tử suất và bệnh tật rất cao ở đồn điền vì điều kiện vệ sinh tồi tệ, y tế thiếu thốn, dinh dưỡng không đủ và vì khí hậu ẩm thấp và nóng của vùng nhiệt đới khiến cho bệnh sốt rét hoành hành nhất là trong vùng đất đỏ. Theo khảo sát của Viện Pasteur Sài-Gòn thì vùng đất đỏ có một số loại muỗi truyền những loại sốt rét rừng nguy hiểm nhất. Ba phần tư số phu chết ở đồn điền là do sốt rét.

Emile Girard, chủ đồn điền Suzannah và phó chủ tịch Hiệp hội Các Chủ Đồn Điền Cao Su Đông-dương, “Syndicat des Planteurs de Caoutchouc de l’Indochine” (SPCI), rất quan tâm đến việc diệt trừ bệnh sốt rét và muốn trừ khử hoàn toàn bệnh sốt rét tại đồn điền. Theo lời khuyên cáo của bác sĩ Noël Bernard làm việc tại Viện Pasteur, Girard cho phát thuốc quinine đến tất cả các phu. Nhưng bệnh sốt rét vẫn tồn tại, số phu bị sốt rét vẫn cao. Girard cho khai quang tất cả những bụi cây mọc chung quanh các dòng nước để không cho muỗi có chỗ sinh sản. Số phu nhiễm trùng giảm xuống 50%. Việc này được trình lên thống-đốc Nam-kỳ. Bác sĩ Laurent Gaide, phụ trách về các dịch vụ y tế, được giao trách nhiệm bàn thảo với bác sĩ Bernard để tìm ra giải pháp diệt trừ bệnh sốt rét dưới sự hướng dẫn của Viện Pasteur. Giữa thập niên 1920, bệnh sốt rét bùng lên trong các đồn điền vùng đất đỏ mà tệ nhất là đồn điền Bù-Đốp nằm sâu trong vùng đất đỏ. Đồn điền Bù-Đốp có số phu tử vong lên đến 45% trong một năm (1927). Do sự bùng phát bệnh sốt rét tại các đồn điền, các chủ đồn điền phải hợp tác với chính phủ thuộc địa và các chuyên gia của Viện Pasteur để giải quyết. Năm 1928, hãng Michelin yểm trợ tài chánh cho Viện Pasteur để tìm cách chống bệnh sốt rét. Viện Pasteur cho người đi đến các nơi muỗi sinh đẻ để lấy mẫu muỗi về và phân loại. Vào năm 1928 các nhà sinh vật học thấy rằng hầu như tất cả các loại muỗi *Anophèle* đều có thể lan truyền bệnh sốt rét qua ký sinh trùng *Plasmodium falciparum*. Viện Pasteur đề nghị các chủ đồn điền làm cách nào giữ cho chung quanh đồn điền được khô ráo, đừng để vũng nước đọng là nơi muỗi *Anophèle* sinh sản. Một số chủ nhân đồn điền đồng ý sử dụng mùng màn ngăn muỗi và phát quinine cho phu.

Bác sĩ Yersin đã tuyên chọn giống cây *Cinchona*, thích hợp với khí hậu cao nguyên, để sản xuất thuốc quinine trị bệnh sốt rét. Nhờ các đồn điền ở Dran và Djiring, các nhà máy ở Pháp đã sản xuất được 65 tấn sulfate quinine, khoảng 11% tổng số sản lượng quinine trên thế giới vào năm 1931.



Viện Pasteur Hà-Nội



TONKIN – Hanoi – Ecole de Médecine

***Trường Y-học Dược-học**

Năm 1898, bộ Quốc-dân Giáo-dục và Thuộc-địa (ministère de l'Instruction publique et des Colonies) cử giáo sư Edouard Jeanselme của trường Y khoa Paris (Faculté de Médecine de Paris) sang Đông-Pháp để tìm hiểu về vấn đề y tế nơi đây và nhất là để tìm cách kiềm chế bệnh phung (hủ). Sau hai năm làm việc từ 1898 đến 1900 tại Đông-Dương, với sự hỗ trợ của toàn-quyền Paul Doumer, Jeanselme nhận thấy bệnh phung hoành hành ở Á-châu cùng với một số bệnh khác như bệnh phù thũng, giang mai (syphilis), các đợt bệnh dịch tả, bệnh sốt rét và bệnh đậu mùa mà nạn nhân hầu hết là trẻ con. Giáo sư Jeanselme đã làm tờ tường trình trong đó ông kết luận việc cần thiết đào tạo các y sĩ bản xứ bằng cách thành lập trường Y khoa dưới sự hướng dẫn của các giáo sư Pháp và nhấn mạnh là các giáo sư Pháp trước khi sang Đông-Dương cần được huấn luyện kỹ càng về hai môn vi trùng học và ký sinh trùng học.

Bác sĩ Nguyễn Lưu Viên trong hồi ký của ông “Vài kỷ niệm của một cựu sinh viên trường thuốc Hà Nội” đã kể là giáo sư Henri Gaillard, hiệu trưởng rồi khoa trưởng Y khoa, là một giáo sư chuyên về môn ký sinh trùng học ở Paris. Giáo sư Gaillard là người dạy môn ký sinh trùng học và vi trùng học cho sinh viên năm thứ ba trường Y Hà-Nội. Căn văn phòng hành chánh của giáo sư Gaillard có một phòng thí nghiệm ký sinh trùng trong đó có những lồng nuôi muỗi truyền bệnh sốt rét. Điều này chứng tỏ việc ngăn ngừa và chữa trị các bệnh nhiễm trùng ở Việt-Nam lúc bấy giờ là mối quan tâm của y giới và chính phủ thuộc địa.

Năm 1902, trường Y-học Dược-học - tên gọi nôm na là Trường Thuốc - được thành lập, đào tạo y-sĩ bản-xứ (médecin indigène), y-sĩ trợ-tá và dược-sĩ. Ngoài mục đích thực tiễn là phục vụ dân chúng, việc thành lập trường Y-học Dược-học còn có mục đích chính trị mà toàn-quyền

Paul Douner đã xác nhận: mở trường Y-học Dược-học là “một trong những cách hữu hiệu nhất và danh dự nhất cho sự xâm nhập của chúng ta.” Những công tác y tế sẽ thu phục nhân tâm một cách chắc chắn hơn trong công cuộc bình định thuộc địa.

Người đảm nhận chức vụ giám đốc đầu tiên của trường Y-học Dược-học là bác sĩ Alexandre Yersin, đã nổi danh trong giới y khoa hoàn cầu sau khi tìm ra vi trùng dịch hạch *Yersinia pestis*. Khoa trưởng Đại học Y khoa ở Paris, giáo sư Paul Brouardel, tuyển chọn hai bác sĩ trẻ Armand Degorce chuyên môn nội khoa và bác sĩ phẫu khoa Adrien Leroy des Barres sang dạy sinh viên. Cả hai đều là cựu nội trú các bệnh viện ở Paris, là những bác sĩ xuất sắc có khả năng chuyên môn rất cao của trường Đại học ở Paris. Jean-Baptiste Capus, y sĩ của đoàn quân thuộc địa, phụ trách môn cơ-thể-học.

Muốn vào học trường Y-học Đông-Dương, học sinh phải có bằng thành chung, ít nhất là 18 tuổi và lớn nhất 25 tuổi. Muốn học ra y-sĩ bản-xứ hay làm bà mụ, học sinh còn được xét dựa trên tiêu chuẩn lý lịch cá nhân và đạo đức.

Niên học đầu tiên, 105 thí sinh đến ghi tên. Họ được chính phủ trả tiền ăn ở và chi phí cho chuyến đi ra thăm thủ-phủ Thăng-Long – Hà-Nội. Sự tuyển mộ rất khó khăn. Sau bốn năm học, chỉ có hai sinh viên tốt nghiệp.

Để chuẩn bị cho các sinh viên theo kịp các lớp học chuyên môn, thời gian bốn tháng từ tháng 10 đến tháng giêng được dành để dạy các môn số học (arithmétique), vật lý, hóa học, địa lý, khoa học tự nhiên và văn phạm. Sau tháng giêng, có một kỳ thi để nhận các sinh viên vào năm thứ nhất y khoa. Tháng sáu năm 1903, 11 sinh viên thi đỗ và được tiếp tục học lên, đồng thời 12 sinh viên học lớp dự bị được nhận vào trường.

Các môn học của trường Y gồm có Pháp-văn, căn bản về cơ-thể-học, về sinh-lý-học, căn bản ngắn gọn về động-vật-học, thực-vật-học, khoáng-chất, hóa-học và vật-lý. Các môn học này do giáo sư của trường giảng dạy. Học để làm bà mụ chỉ cần biết tiếng Pháp. Chương trình trường Y là bốn năm, của bà mụ và thú-y-sĩ là hai năm.

Niên học của các sinh viên trường Y bắt đầu vào ngày 1 tháng Mười và chấm dứt ngày 15 tháng Sáu. Ba năm đầu sinh viên học lý thuyết và thực hành theo một chương trình nhất định. Các môn học lâm sàng được tổ chức tại nhà thương bản xứ Hà-Nội (Hôpital indigène d’Hanoi). Năm thứ tư, sinh viên được chỉ định thực tập tại một bệnh viện, một y viện, một nhà thương trị bệnh cùi, hay một cơ sở y tế tương tự. Mỗi cuối năm học, sinh viên phải qua một kỳ thi, vừa viết vừa vấn đáp; nếu đỗ mới được học tiếp lên. Nếu thi hai kỳ không đậu, sinh viên sẽ bị nghỉ học. Vào năm thứ tư, sinh viên sẽ phải qua một kỳ thi đã được ấn định, rồi ra trước hội đồng giám khảo thi vấn đáp. Nếu thi đỗ, sinh viên sẽ được cấp bằng y-sĩ bản-xứ, “diplôme de médecin indigène”. Tám bằng y-sĩ bản-xứ được viết bằng hai thứ tiếng: la-tinh và chữ Hán, do giám-đốc của trường chuẩn bị và có chữ ký của toàn-quyền.

Sau khi tốt nghiệp y-sĩ bản-xứ hạng ba (troisième classe), người y-sĩ này có thể học tiếp tục để lên cấp hạng nhì và hạng nhất. Mỗi một cấp đòi hỏi ba năm đi nội trú (stage) dưới sự hướng dẫn của các bác sĩ Âu-Tây và sự theo dõi của các công-sứ tỉnh.

Lương bổng của các y-sĩ bản-xứ được trả như sau:

- Y-sĩ bản-xứ cấp ba.....1100 đồng bạc (piastres)

- Y-sĩ bản-xứ cấp hai.....1300 đồng bạc
- Y-sĩ bản-xứ cấp nhất.....1500 đồng bạc

Các thú-y-sĩ cũng được trả theo ba cấp: 500 đồng bạc, 700 đồng bạc, 900 đồng bạc.

Các bà mụ cũng được trả theo ba cấp: 240 đồng bạc, 300 đồng bạc, 360 đồng bạc.

Các y-sĩ và thú-y-sĩ bản-xứ vì có nhận học bổng của trường trong khi đi học, sẽ phải làm việc cho chính phủ mười năm sau khi tốt nghiệp. Trong trường hợp tự ý dời nhiệm vụ trước hạn kỳ mười năm thì y-sĩ đó phải bồi hoàn lại cho chính phủ số tiền học bổng nhận được trong thời gian đi học. Các y-sĩ cung cấp dịch vụ y khoa miễn phí cho dân chúng, kể cả việc chủng ngừa. Họ cần phải thông báo cho nhà chức trách biết nếu có bệnh dịch hay bệnh truyền nhiễm. Sự hiện diện của giới y-sĩ bản-xứ được trường Y-học Đông-Dương đào tạo rất hữu ích cho người dân bản xứ, nhất là trong một đất nước mà người dân không có một chút hiểu biết căn bản về việc trị bệnh theo Tây-y và thực hành vệ sinh.

Năm 1904, bác sĩ Yersin phải dời chức vụ hiệu trưởng trường Y và quay trở lại việc điều hành Viện Pasteur Nha-Trang và Sài-Gòn vì toàn-quyền Paul Beau và hiệu trưởng mới Charles Grall có một mục đích khác trong việc đào tạo y-sĩ bản-xứ. Bác sĩ Yersin lo ngại trường sẽ đào tạo ra những y sĩ mà khả năng không xứng với danh. Ông viết: “Avec les idées du Gouverneur actuel, il n’y a rien à espérer pour l’avenir des élèves qui sortiront de notre école. Ils sont condamnés à l’avance, de parti pris et sans jugement. On ne veut en faire que des infirmiers, ce que je ne pourrais accepter.”

Theo nghị định ngày 25-10-1904, các y sĩ tốt nghiệp sẽ mang chức y-sĩ phụ-tá (médecin auxiliaire), là những công chức của chính phủ.

Chương trình học gồm bốn năm, dạy theo chương trình ở Pháp: buổi sáng đến nhà thương học để hỏi bệnh, khám bệnh hoặc học giải phẫu; buổi trưa học lý thuyết ở trường; mỗi thứ năm có bài thi viết, mỗi trưa thứ bảy có buổi vấn đáp.

Trường được đặt ở một tòa nhà nguy nga trên đường Bobillot.

Sinh viên trường Thuốc đi thực tập tại nhà thương của trường: “Hôpital d’application de l’Ecole de Médecine”. Nhà thương này khi trước là nhà thương “Hôpital indigène de la Mission”, nay được chính phủ bảo hộ mua lại để sinh viên đi thực tập; năm 1919, nhà thương mang tên bác sĩ Yersin. Số bệnh nhân đến nhà thương gia tăng dần và nhà thương được chỉnh trang nhiều lần. Một dãy nhà được xây cất dành cho việc hộ sinh, sau này trở thành khu cơ-thể-học. Nhà thương Bạch-Mai được xây cất khi nhu cầu y tế gia tăng.

Các giáo sư trường Y-học lập Hội Y-phẫu Đông-Dương (Société médico-chirurgicale de l’Indochine) năm 1910, cùng lúc với tạp chí Y-khoa của Hội. Mục đích của Hội là loan truyền đến các thành viên trong y giới các khám phá khoa học trong việc nghiên cứu các vấn đề liên quan đến vệ sinh ở thuộc địa và các bệnh nhiệt đới.



Bulletin de la Société Médico-Chirurgicale
de l'Indochine

Trường Y trong thời toàn-quyền Albert Sarraut có dịp khởi sắc và phát triển. Nghị định ngày 20-7-1914 cho thành lập phân khu Dược. Nghị định ngày 7-6-1917 cho thành lập Bệnh viện thực hành về Mắt ở Hà-Nội: “Clinique Ophthalmologique de Hanoi” trong Trung Tâm Đào tạo Nhân khoa Đông-Dương: “Centre d’Enseignement Ophthalmologique de l’Indochine”.

Năm 1917, có nghị định mở Đại học Đông-Dương. Trường Y-học Dược-học đổi tên là trường Cao-đẳng Y Dược. Muốn vào học trường này, thí sinh phải có bằng cao-đẳng tiểu-học và qua một kỳ thi tuyển. Sinh viên phải học qua một năm chương trình dự bị giống như học trình ở Pháp gồm có các môn Khoa học tự nhiên (Sciences naturelles), Hóa học, Vật lý. Sau khi học xong bốn năm tại trường Cao-đẳng Y Dược, sinh viên được cấp bằng Y-sĩ Đông-Dương hoặc Dược-sĩ Đông-Dương.

Nghị định năm 1923 nâng tiêu chuẩn học y khoa và cho trường đổi tên là trường Y Dược Kiêm-bị: “École de Pleine Exercice de Médecine et de Pharmacie”. Trường Y Dược Kiêm-bị Đông-Dương đào tạo thêm cấp Y-sĩ và Dược-sĩ hạng nhất. Muốn vào học cấp này, thí sinh phải có bằng tú-tài; học xong bốn năm, sinh viên được cấp học bổng đi Pháp học thêm một năm. Các y sĩ phải sang Pháp trình luận án để trở thành Tiến-sĩ Y-khoa.

Niên khóa 1923-1924 trường có 120 sinh viên. Lúc này trường đã có đủ các khoa và các giáo sư giảng dạy về lý thuyết cũng như thực tập. Một ngành rất mới là ngành phóng xạ học hay quang tuyến học (radiologie), mới có ở Pháp từ đầu thế kỷ thứ 20 nhờ công trình nghiên cứu của hai khoa học gia nổi tiếng Pierre và Marie Curie, cũng xuất hiện ở trường Y Hà-Nội năm 1907, và một trung tâm trị liệu bằng quang tuyến cho ngành phóng-xạ liệu-pháp (radiothérapie) năm 1921.

Năm 1932, trường thu nhận sinh viên có bằng tú-tài bản-xứ hoặc bằng tú-tài Pháp dạy theo tiêu chuẩn tương đương với trường Y-khoa ở Pháp, có giáo sư từ Pháp sang dạy sinh viên. Trường không cấp bằng Y-sĩ và Dược-sĩ Đông-Dương nữa, chỉ cấp bằng Y-sĩ và Dược-sĩ hạng nhất. Thập niên 1930, các giáo sư của trường Y-học có các bác sĩ Charles Massias chuyên trách nội-khoa, bác sĩ Jacques Mayer May đảm nhận môn phẫu-khoa, bác sĩ Pierre Huard dạy môn cơ-thể-học và bác sĩ Bernard Joyeux dạy môn cơ-thể-học bệnh-lý. Năm 1933, bác sĩ Pierre Huard trở thành trưởng khu giải phẫu tại nhà thương Lanessan.

Năm 1936, sau khi bốn giáo sư của trường đi thi và đậu thạc-sĩ Y-khoa Đại-học Pháp thì trường Y-học được nâng lên thành Đại-học Y-khoa: “Faculté de Médecine”, để đào tạo tiến-sĩ Y-khoa tương đương với bằng tiến-sĩ Y-khoa ở Pháp. Học trình được thay đổi cho xứng với bằng cấp. Trường có thêm hai cơ sở mới là bệnh viện Robin (khởi đầu là bệnh viện Công-Vọng, sau đổi tên là bệnh viện Bạch-Mai) và Viện Cơ-thể-học và Y-luật-khoa: “Institut d’Anatomie et de Médecine Légale”.

Năm 1939, ban Nha-khoa được thành lập để đào tạo nha sĩ với chương trình học năm năm.

Năm 1941, trường Y Dược Kiêm-bị được đổi tên thành Đại học Hỗn hợp Y Dược: “Faculté mixte de Médecine et de Pharmacie”. Các kỳ thi mãn khóa vẫn có giáo sư từ Pháp sang làm chánh chủ khảo. Trong những năm về sau, Đại học Hỗn hợp Y Dược có các giáo sư thạc sĩ dạy môn Dược như P. Bonnet và E. Cousin, đại-tá quân y A. Rivoalen chuyên môn về bệnh lý học các bệnh nhiễm trùng (pathologie infectieuse), tướng quân y Botreau-Roussel, giám đốc y tế công cộng ở Đông-Dương, tướng quân y Genevray, giám đốc các Viện Pasteur Đông-Dương.

Các thể hệ y-sĩ bản-xứ, y-sĩ phụ-tá và y-sĩ Đông-Dương đã dần dần tạo được niềm tin của dân chúng. Họ là những người thực sự gieo truyền sự tin tưởng vào Tây-y.

Năm 1906, chỉ có hai y-sĩ bản-xứ tốt nghiệp. Đến năm 1930, có hơn 260 y-sĩ tốt nghiệp.

Năm 1906 có 224 y-tá. Năm 1930 có hơn 3 000 y-tá.

Về ngân sách y-tế, năm 1906, chi ra 1 200 000 đồng bạc, năm 1929 chi phí là 7 600 000.

Số bệnh nhân nhập viện năm 1906 là 43 000, năm 1929 là 223 000.

ĐÔNG-DƯƠNG

Bắt đầu từ 23 février tại trường Y-học Đông-dương sẽ khai giảng lớp dạy về bệnh ung thư. Các sinh-viên ở năm thứ sáu đều bắt buộc phải học lớp này. Các viên bác-sĩ và y-sĩ đều có thể xin theo học lớp này được.

Tri-Tân số 37, 4 Mars 1942

Sau đây là danh sách một số y sĩ tốt nghiệp trường Y-học Đông-Dương:

- Bác sĩ Lê Văn Chính (Hà-Nội), y sĩ phụ tá (médecin auxiliaire) 1907; y sĩ thuộc địa (médecin colonial) de l’Université de Paris 1910; tiến sĩ y khoa (docteur en médecine d’Etat) 1922.

- Y sĩ Lê Văn An (Thiên-Đức, Vĩnh-Long), y sĩ phụ tá (médecin auxiliaire) năm 1908.
- Y sĩ Cao Thiện Toàn (Rạch-Giá), y sĩ phụ tá (médecin auxiliaire) năm 1910.
- Y sĩ Phạm Văn Thuần (Quảng-Yên), y sĩ phụ tá (médecin auxiliaire) năm 1913.
- Y sĩ Phạm Gia Đệ (Xuân-Tảo, Hà-Đông), y sĩ Đông-Dương (médecin indochinois) năm 1918.
- Y sĩ Lê Đình Thám (Diên-Kỳ, Quảng-Nam), y sĩ Đông-Dương (médecin indochinois) năm 1918.
- Y sĩ Nguyễn Hữu Thi (Tourane), y sĩ Đông-Dương (médecin indochinois) năm 1922.
- Bác sĩ Hoàng Thụy Ba, tốt nghiệp y khoa ở Hà-Nội, trình luận án ở Paris, tiến sĩ y khoa năm 1927.
- Bác sĩ Đặng Vũ Lạc (Hành-Thiện, Nam-Định), tốt nghiệp y khoa ở Hà-Nội, trình luận án ở Paris, tiến sĩ y khoa năm 1927.
- Bác sĩ Trần Như Lâm (Rạch-Giá), tốt nghiệp trường Y ở Hà-Nội, sang Pháp học tiếp năm 1922, tiến sĩ y khoa ở Paris năm 1928, chuyên ngành khẩu-bệnh-học (stomatologie) tốt nghiệp Ecole Française de Paris năm 1926.
- Bác sĩ Vũ Ngọc Anh (Hà-Nội), tốt nghiệp y khoa ở Hà-Nội, trình luận án ở Paris, tiến sĩ y khoa năm 1928.
- Y sĩ Thân Trọng Phước (An-Đô, Thừa-Thiên), tốt nghiệp y sĩ hạng nhất (médecin de première classe) năm 1926.
- Y sĩ Trần Văn Hạnh (Long-Châu, Vĩnh-Long), y sĩ hạng nhất (médecin de première classe) năm 1932.
- Bác sĩ Cao Xuân Cầm (Thịnh-Mỹ, Nghệ-An), tốt nghiệp y khoa ở Hà-Nội, trình luận án ở Paris, tiến sĩ y khoa năm 1933.
- Bác sĩ Hoàng Cơ Bình (Đông-Ngạc, Hà-Đông), tốt nghiệp y khoa ở Hà-Nội năm 1933, trình luận án ở Paris, tiến sĩ y khoa năm 1937, chuyên ngành khẩu-bệnh-học (stomatologie) tốt nghiệp Ecole Française de Stomatologie de Paris.
- Nữ bác sĩ Hồ Vĩnh Ký nữ danh Nguyễn Thị Suong (Gò-Công), tiến sĩ y khoa Đông-Dương 1940.

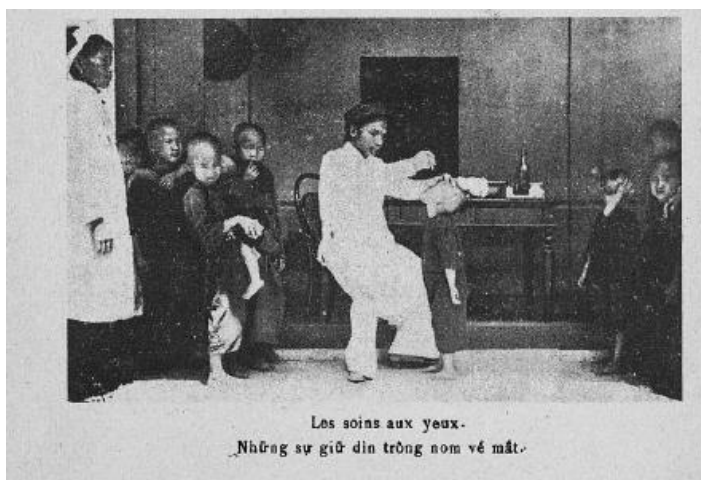
Những năm 1920 trở đi ở Bắc-kỳ có một tổ chức y tế của chính phủ bảo hộ có tên là “Brigade Mobile d’Hygiène et de Prophylaxie” (Đội Lưu Động Vệ Sinh và Phòng Ngừa). Hầu hết y sĩ mới ra trường đều được bỏ vào làm việc trong ngạch này với tư cách tập sự: *stagiaire*. Sau thời kỳ tập sự hai năm, y sĩ được vào ngạch thực thụ: *titulaire*, nếu có lỗi thì lại phải tập sự thêm một thời gian nữa. Cơ quan lưu động được đặt trụ sở ở các phủ, huyện lỵ. Trong ba, bốn tháng ở phủ, huyện, công việc hằng ngày của người y sĩ mới ra trường là phát thuốc, *giồng đậu* (chủng ngừa bệnh đậu mùa) tại chỗ hay đi khắp làng, xem xét vấn đề vệ sinh của dân chúng. Lúc đầu, trụ sở thường ở đình, chùa làng sở tại. Y sĩ và những người phụ tá như y tá, lao công cũng ở ngay đình, chùa hay tại một nhà tư trong làng.

Năm 1930 có khoảng 10 000 giường bệnh miễn phí trong các nhà thương công và hàng trăm bệnh xá tại các làng quê. Năm 1939 gần 400 y sĩ và 4 000 y tá và các bà đỡ phục vụ dân chúng trong lãnh vực y tế. Ngành y-tế xã-hội được thành lập để truyền bá và khuyên bảo dân chúng những điều thường thức về vệ sinh. Trường Thuốc và Tổng-hội sinh-viên các trường Cao-đẳng cũng có ban truyền bá vệ sinh và phổ thông y học đi về các làng để giúp người dân việc thực hành vệ sinh, khuyến khích chủng ngừa và chữa bệnh bằng tân-y-học.



*Những công-cuộc ché-trừ những bệnh rất nguy-hiêm.
Nhà thương trị bệnh đau-mắt ở Hanoi.*

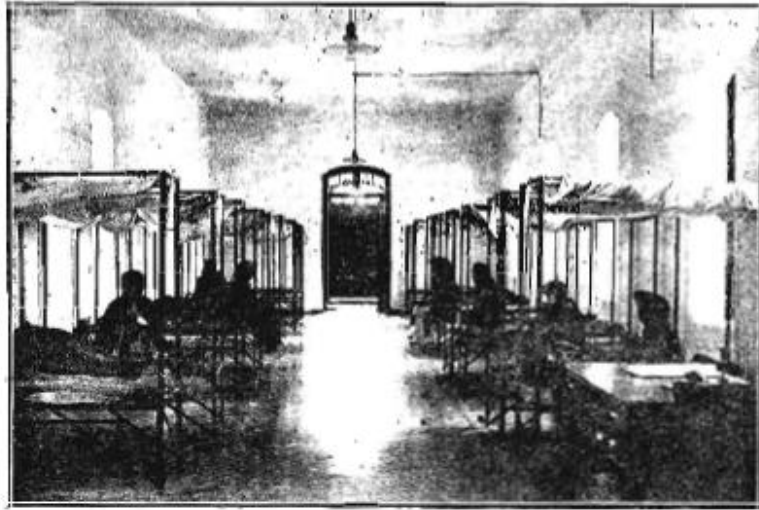
“Những công-cuộc ché-trừ những bệnh rất nguy-hiêm.
Nhà thương trị bệnh đau-mắt ở Hanoi.”



*Les soins aux yeux.
Những sự giữ gìn trông nom về mắt.*

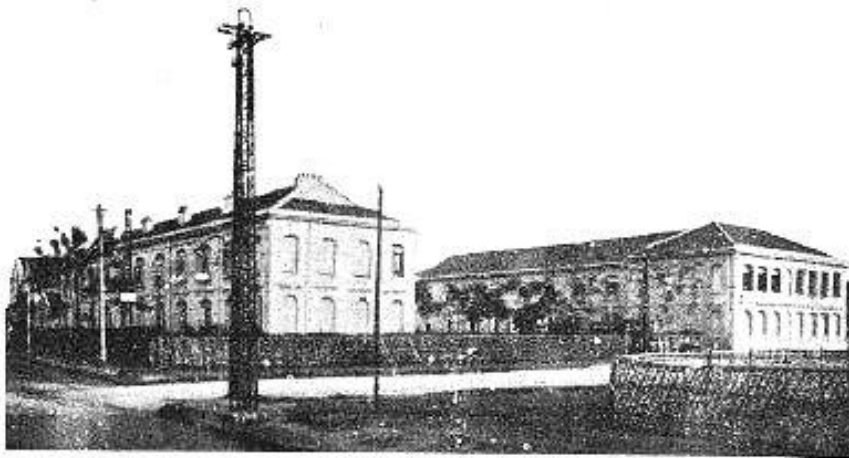
“Les soins aux yeux.
Những sự giữ gìn [gìn] trông nom về mắt.”
L'Indochine d'Hier et d'Aujourd'hui

Xứ Bắc-kỳ có rất nhiều người bị bệnh về mắt. Các nhà thương công có bác-sĩ chuyên môn chữa trị về mắt và khán-hộ chỉ dẫn cách phòng ngừa các bệnh về mắt.



Nhà thương tá ở Hanoi : một phòng các bệnh-nhân.

“Nhà thương tá ở Hanoi: một phòng các bệnh-nhân.”



Hanoi : La Clinique St Paul.
Hà-nội: Nhà thương Saint-Paul.

“Hà-nội: Nhà thương Saint-Paul”.
L'Indochine d'hier et d'aujourd'hui



“Luang-Prabang. Một nhà nghỉ mát ở nhà thương”.

L’Indochine d’hier et d’aujourd’hui

Henri Cucherousset, traduit par Vũ Công Nghi

Hà-Nội 1926

Năm 1922, chính phủ ban hành lệnh dạy thể thao trong các trường. Tập *Thể-dục chỉ-nam* của Nguyễn Quý Toàn được các thầy giáo các trường Pháp-Việt dùng để dạy học sinh.



*Những cách tập thể-thao để cho thân-thể khỏe mạnh thì trí-khôn mới tinh-khôn.
Cuộc tập thể-thao tại trường Thể-dục Hanoi.*

“Những cách tập thể-thao để cho thân-thể khỏe mạnh thì trí-khôn mới tinh-khôn.

Cuộc tập thể-thao tại trường Thể-dục Hanoi.”

Xứ Bắc-Kỳ Ngày Nay, Henri Cucherousset soạn, Trần Văn Quang dịch ra quốc-văn,

Editions de “L’ÉVEIL ÉCONOMIQUE, Hanoi 1924



Phong Hóa số 151, 31 Août 1935



Tri-Tân số 172, 23 Décembre 1944

Tân Văn Tuần Báo 18 Août 1934

Tiếng Dân 25 Décembre 1937



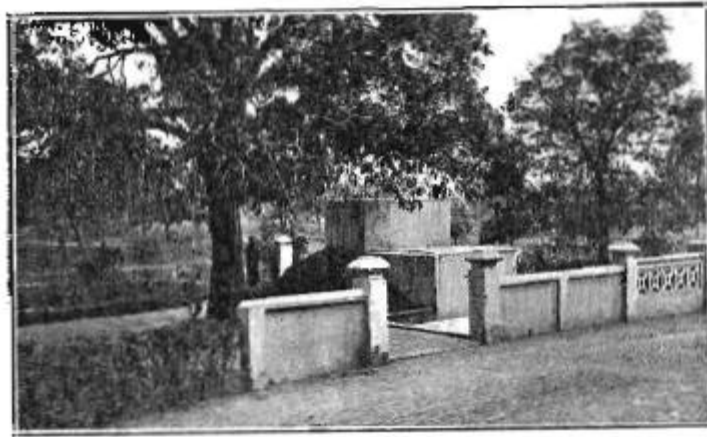
Phong Hóa số 51



*

Chính phủ đặt ra Sở Vệ-sinh và Y-tế để chăm lo sức khoẻ cho dân chúng. Một trong những nhiệm vụ của Sở Vệ-sinh và Y-tế là xem xét việc xây hoặc sửa nhà cho hợp với nguyên tắc: nhà mới xây không chật hẹp quá, không ẩm thấp và tối tăm. Ở thành phố, trước khi làm nhà hoặc sửa nhà, người chủ nhà phải đem kiểu nhà trình Sở Vệ-sinh, để kiểu nhà có hợp lệ mới được xây. Một trong những việc quan trọng của Sở là làm sao có nước sạch để ăn uống. Mỗi tỉnh dần dần đều có nhà máy lọc nước. Tại Hà-Nội, có một nhà máy bơm nước sông rồi lọc qua máy lọc, rồi mới phân phối cho dân chúng dùng. Tại Hải-Phòng, nước sông được bơm lên, đi qua một

khoảng cách 35 cây số mới đến được nhà máy lọc. Hà-Đông, một thành phố nổi tiếng về tơ lụa, Nam-Định, thành phố đông thứ ba ở Bắc-kỳ, có nhiều kỹ nghệ, cũng đều có nhà máy lọc nước.



Máy lọc nước ở Thanh-Liệt tỉnh Hà-Đông.

Máy lọc nước ở Thanh-Liệt tỉnh Hà-Đông.

Ở Nam-kỳ, châu thành Tân-An là một trong các châu thành có điện nước trễ nhất. Trước năm 1920, các con đường trong tỉnh lỵ được thắp bằng đèn dầu. Trong công sở, nhà người Pháp và các nhà khá giả người Việt dùng đèn manchon (mảnh-song). Kể từ năm 1920, mới có đèn điện thay thế đèn dầu. Về nước uống thì trước năm 1920, nơi chợ có một cái bể cao và rộng (citerne) để hứng nước mưa. Mỗi ngày, một toán tù nhân đến lấy nước chở đến nhà các công chức Pháp và Việt trong châu thành. Dân chúng lấy nước mưa hứng trong mái dầm để uống, còn tắm giặt thì dùng nước sông hoặc gánh nước từ một cái ao to gần trường học. Từ năm 1920, Công-ty Layne đến Tân-An đào giếng lấy nước mạch và đặt ống dẫn nước đến khắp nơi trong châu thành.

Năm 1897, toàn-quyền Paul Doumer đến Đông-Dương. Ông muốn biến đổi Hà-Nội, thủ đô Đông-Dương, thành ra một thành phố biểu tượng của văn minh. Việc đầu tiên ông dự định là thành lập hệ thống ống cống ngầm dẫn chất thải từ trong các nhà tư nhân khu phố Pháp để họ có thể sử dụng các cầu tiêu kiểu Tây phương. Không ai ngờ hệ thống ống cống ngầm này đã trở thành nơi trú ngụ và sinh sôi nảy nở của chuột. Vấn đề chuột trở nên nghiêm trọng vì không chỉ trở ngại cho việc vệ sinh mà chuột còn là nguyên nhân gây bệnh dịch hạch. Chính quyền Pháp cho phu đi bắt chuột nhưng số chuột nhiều đến nỗi phu làm không xuể. Chính quyền khuyến khích người dân bằng cách thưởng một hào cho mỗi đuôi chuột đem đến cho Sở Vệ-sinh. Nhưng chính phủ không ngờ là dân chúng bắt đuôi chuột để nộp rồi tha cho chuột chạy để chúng sinh sôi nảy nở ra và có thêm nhiều đuôi chuột đem nộp chính phủ lấy tiền thưởng. Nhiều người lại còn nuôi chuột, đem chuột từ nhà quê vào để bắt đuôi chuột nộp chính quyền và lấy tiền thưởng. Chính quyền Pháp thấy số lượng chuột thay vì giảm đi mà trái lại mỗi ngày mỗi tăng lên. Khi biết các mảnh khoé này, chính quyền Pháp bãi bỏ việc cho tiền thưởng. Năm 1906, bệnh dịch hạch phát ra ở Hà-Nội khiến cho gần 300 người chết, hầu hết là người Việt.

Từ đó, luật lệ thành phố bắt các nhà phải giữ gìn sân, thềm, cầu rửa, nhà vệ sinh luôn luôn sạch sẽ. Cảnh-sát rất nghiêm khắc đối với vấn đề vệ sinh chung, hễ chủ nhà vi phạm là bị phạt.

Theo nghị-định của thống-sứ Bắc-kỳ ngày 19-9-1905 và ngày 22-1-1907, việc vệ sinh thành phố Hà-Nội phải theo những điều lệ sau đây:

- Giữ nhà cửa sạch sẽ, thoáng khí, có ánh sáng chiếu vào, mỗi năm quét vôi một lần; sân lát đá, phải làm thế nào để cho nước mưa và nước đã sử dụng không bị đọng lại ở sân; rãnh ở trên mái làm rộng ra để nước chảy cho nhanh xuống cống thành phố; chuồng ngựa, trâu bò cũng phải giữ sạch sẽ;
- Nhà ở và buồng ngủ cần có cửa sổ theo kích thước ấn định; mỗi người ở trong nhà phải có một chỗ nằm riêng; nhà hay gác phải làm chiều cao 3 thước;
- Phải giữ cho mái nhà không bị dột;
- Trong nhà không được chứa thứ gì có thể gây ra hơi độc;
- Chân móng tường phải xây bằng gạch và đá;
- Sân để cho ánh sáng vào và thoáng khí, rộng ít nhất 30 thước vuông;
- Các nhà cho thợ ở trọ phải giữ sạch sẽ và trình Tiểu Hội-đồng vệ-sinh căn nhà đó chứa được bao nhiêu người; nhà trọ phải có môn bài và đề rõ số người được phép ở trọ và không được chứa quá số đó; “chuồng tiêu” (nhà vệ sinh) phải đủ dùng cho những người ở trọ;
- Không được đào hồ, ao trong thành phố; không được lấy bùn ở hồ, ao đem đổ gần nhà;
- Nước ăn, giếng, xây bể chứa nước có những quy định riêng;
- Có hội đồng riêng để kiểm soát nước ở các nhà hàng, tiệm ăn, hàng cơm, hàng rượu; hàng quán phải khai với tòa đốc-ly mới được mở;
- Người nào có bệnh truyền nhiễm phải đi ở một nơi riêng để khỏi lây nhiễm cho người chung quanh, hoặc vào nhà thương Bạch-Mai, hoặc vào nhà thương Tràng-Thị; nếu ở nhà riêng thì phải có y sĩ đến xem bệnh; những đồ dùng của người đau ốm phải đem đi tẩy uế, không được đổ vào nhà vệ sinh;
- Mỗi tuần một lần có một ngày chùng ngừa miễn phí do đốc-ly loan báo;
- Những người bị bệnh hay không bệnh mà qua đời ở nhà phải được mai táng theo những quy định riêng;
- Những nhà phúc đường nuôi những người vô gia cư, trẻ em vô thừa nhận, những người tàn tật, những người đau ốm cũng phải giữ vệ sinh và có Tiểu Hội-đồng vệ-sinh kiểm soát;
- Tất cả các nơi bán thực phẩm đều phải theo luật vệ sinh và có phái viên thường xuyên đến khám xét;
- Tất cả những người ở thành phố sáng nào cũng phải quét phố và ngõ ở trước cửa nhà mình, quét cả sân, lối đi, vườn, rãnh, v.v...; rửa cống ở quăng trước nhà; đổ rác vào một cái sọt để xe rác đến dọn đi; rác ở trong nhà, cơm thừa canh cặn, rác ở ngoài vườn không được đem ra đổ ở ngoài đường hay vớt xuống hồ ao trong thành phố.

Không được đồ mảnh sành, mảnh kính vỡ, mảnh gốm, chai vỡ hoặc thứ có mùi tanh hôi ra ngoài đường mà phải cho vào túi và đưa thẳng cho người phu dọn rác. Xe rác đi lấy rác từ 6 giờ đến 10 giờ sáng; khi xe đi qua thì có chuông báo;

- Không được làm ồn ào, nhộn nhạo, náo động vào ban đêm;
 - Cấm không được làm nhà bằng tre, lá để tránh cháy nhà;
- V.v...

Đối với người Việt, giữ vệ-sinh là một ý niệm mới trong việc bảo vệ cơ thể chống lại bệnh tật và phòng ngừa bệnh truyền nhiễm. Sau khi Nam-Định bị một trận dịch tả lớn, dân chúng nơi đây đã hiểu về sự hữu ích của việc phòng ngừa và Nam-Định thành ra một thành phố rất vệ-sinh để phòng chống bệnh dịch tả. Quan sở tại tỉnh Nam-Định truyền lệnh cho hàng phố nhà nào cũng phải quét vôi mỗi tuần một lần. Một thời gian sau này, dân chúng vẫn giữ lệ quét vôi mỗi tuần một lần.

Nơi đầu tiên ở Bắc-kỳ có y sĩ được trả lương để cung cấp dịch vụ y tế là Hải-Dương. Sau đó, Hải-Dương có nhà thương chữa bệnh cho người bản xứ, vấn đề vệ-sinh được chú trọng và việc cung cấp dịch vụ y-tế đã khiến dân chúng hài lòng.

Sở Thú-y mỗi tỉnh có một thanh-tra người Pháp và một thú y sĩ người Việt. Trâu bò cũng được chủng ngừa để ngăn ngừa dịch bệnh.

Một viên Y-chính thanh-tra ở Hà-Nội có trách nhiệm điều hành các y sĩ làm việc ở các sở y tế của các tỉnh. Trong tỉnh có những sở chữa bệnh và dưỡng bệnh gồm có nhà thương, nhà hộ sinh, nhà chữa bệnh nặng và bệnh truyền nhiễm (trại phung). Chẳng hạn tỉnh Hà-Đông (Bắc-kỳ) có một nhà thương thành lập năm 1910, có một nhà hộ-sinh lập năm 1918, và có thêm 19 trạm y tế. Trong mỗi nhà thương có một y sĩ, một cô đỡ, năm người nam nữ khán hộ, một người thợ giặt, hai người phu (y công) trông nom các phòng và một người đàn bà làm công nhật.

Trong nhà thương lại chia ra các sở khác nhau để khám và chữa bệnh nhân:

- sở chữa thuốc và nuôi người bệnh miễn phí;
- sở khám bệnh miễn phí;
- sở khám những người bị nghi là có bệnh phung;
- sở để mổ những bệnh nhẹ.

Trong nhà thương lúc nào cũng đông người đến để được khám bệnh và chữa thuốc. Bệnh thường thấy nhất là bệnh sốt rét ngã nước, bệnh đau mắt, bệnh thuộc về bộ tiêu hóa như kiết lý, bệnh thuộc về bộ hô hấp như bệnh đau cuống phổi nặng hoặc kinh niên, bệnh ngoài da, thương tích trên người vì té ngã, đánh nhau.

Ở Hà-Nội lúc ấy, có một nhà thương để chữa trị ung-độc bằng chất “quang”.

Hà-Nội, Sài-Gòn, Nha-Trang có Viện Pasteur chữa trị bệnh chó dại cho những người bị chó dại cắn.

Ở mỗi tỉnh có nhiều nhà thuốc do khán hộ trông coi việc phát thuốc cho dân chúng.

Ở vùng quê, cũng có nhà thuốc chữa và phát thuốc cho dân.

Mỗi năm có chủng đậu và tiêm thuốc trừ bệnh dịch tả trong tất cả các tỉnh.

Trại phong hủi thuộc quyền quan Chánh Y-viện Bắc-kỳ và quan công-sứ của tỉnh trông coi. Trại có một y sĩ, hai người nam và nữ khán hộ, hai người phu. Những người có bệnh phong hủi được ở thành làng, mỗi tháng được nhà nước cấp lương. Người nào làm chức dịch lại được lương bổng riêng và nhà nước cấp nhà cửa cho ở.

Chính quyền cho lập trại hủi để cho những người bị bệnh đến đây ở, thường là bệnh nặng, tránh cho họ đi ra ngoài và truyền bệnh cho người khác. Người bệnh nhẹ thì ở nhà để chữa trị và chính phủ cho người đến săn sóc.

Chính quyền cho tập trung tất cả những người bị hủi vào trong trại. Người hủi không còn đi lang thang khắp phố chợ, hay các làng để xin ăn. Trại hủi được lập ở một nơi xa thành phố, mỗi người bệnh có nhà hay phòng riêng, nơi đây được giữ gìn sạch sẽ. Nơi trại có sân vườn trồng cây để người bệnh làm việc tiêu khiển hoặc sinh lợi.



Trại hủi ở hạt Hà-đông. Những gian nhà làm bằng lá.
Mỗi gian hai người ở.

“Trại hủi ở hạt Hà-đông. Những gian nhà làm bằng lá.
Mỗi gian hai người ở.”

Y sĩ được chính quyền gửi đi các làng để chữa bệnh đau mắt, dân chúng được chữa bệnh miễn phí. Ngoài ra, dân các làng cũng được chủng đậu miễn phí.

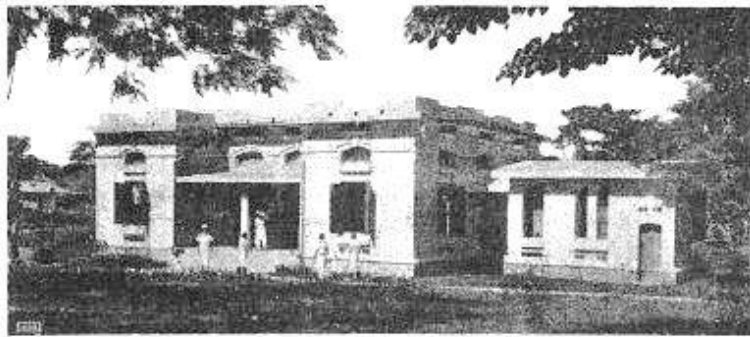


Cuộc trị bệnh đậu mùa.
Nhà chế thuốc giống đậu ở Hà-đông.

“Cuộc trị bệnh đậu mùa.
Nhà chế thuốc giống đậu ở Hà-đông.”

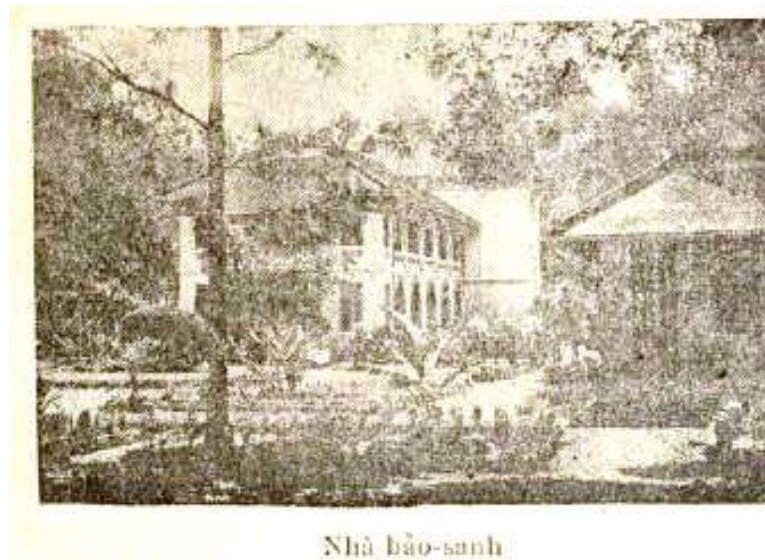
Những nơi nhiều rừng và vùng trung du hay có bệnh sốt rét. Chính phủ lưu tâm đến việc chữa trị sốt rét bằng cách nhập cảng thuốc quinine phẩm chất tốt để phát cho quân nhân. Thợ thuyền, công nhân làm việc tại những nơi này cũng được chủ hay đốc công phát thuốc quinine.

Chính phủ thuộc-địa và bảo-hộ lập nên nhiều nhà thương ở các tỉnh, phủ, quận, huyện; mỗi nhà thương đều có nhà hộ-sinh, có bác-sĩ chuyên môn và cô đỡ thạo việc để giúp các bà mẹ trong việc sinh sản. Các cô đỡ tốt nghiệp Trường Thuốc ở Hà-Nội mà trong chương trình học, sự sạch sẽ trong việc hộ-sinh được nhấn mạnh. Các nhà hộ-sinh thường làm theo một kiểu: có một phòng kê 10 cái giường, một căn phòng để sinh đẻ và một căn nhà để cô đỡ ở. Cô đỡ có một nữ khán hộ và một người đàn bà làm công phụ giúp việc.



La maternité de l'hôpital de Quang-Ngai (Annam).
Nhà hộ-sinh ở nhà thương Quảng-Ngai (Trung-Kỳ).

“Nhà hộ-sinh ở nhà thương Quảng-Ngai (Trung-Kỳ)”.



Nhà bảo-sanh

Nhà bảo-sanh tỉnh Trà-Vinh (1930)

Congrégation des Sœurs de Saint-Paul, 5, rue Saint-Jacques, Chartres (E.-et-L.)



7. - COCHINCHINE. — HOPITAL DE TRA VINH. Visite du Docteur.

Nhà thương Trà-Vinh

Sở dưỡng-đường tỉnh Trà-Vinh có nhà thương và nhà bảo sanh. Trông coi dưỡng-đường là một y sĩ người Pháp, một y sĩ người Việt phụ tá, nhiều nam nữ điều dưỡng và một cô mụ. Trông coi về vệ sinh được giao cho các bà phước.

Sau khi chiếm Nam-kỳ, người Pháp đã nghĩ ngay đến dịch vụ y tế, nhưng ban đầu chỉ cung cấp dịch vụ trong phạm vi quân sự. Chung quanh khu nhà thương Đồn-Đất, có xây một dưỡng-đường quân-binh: “Hôpital militaire”, sau đổi tên là Hôpital Grall. Khu vực nhà thương Đồn-Đất do đề-đốc thủy-sư Jauréguiberry tạo dựng khi quân binh Pháp mới đặt chân đến Nam-kỳ. Ở đây, Jauréguiberry cho xây một căn nhà tạm cho đề-đốc ở và làm việc, một dưỡng-đường quân-binh, một thánh đường (1860) và một nhà in để in những giấy tờ công văn.

Nhà thương đầu tiên và xưa nhất là nhà thương Chợ-Quán, cất trên đất thuộc làng xưa “Phú Hội Thôn” tại Sài-Gòn, thành lập năm 1862. Dưỡng-đường Chợ-Quán do cha Lefèbvre sáng lập để nuôi những người nghèo bị bệnh tật, không thể làm việc được. Lúc đầu, dưỡng-đường ở khu Chợ Cũ, sau này được đem về Chợ-Quán và giao cho các sơ dòng Saint-Paul đảm nhiệm. Dưỡng-đường Chợ Rẫy có từ khoảng thập niên 1880.

Trường đào tạo nữ hộ sinh: “Ecole de sages-femmes” thành lập năm 1904 ở Chợ-Lớn. Vào ngày đặt viên đá đầu tiên để xây trường nữ hộ sinh, thống-đốc Nam-kỳ cho biết là về y-tế, một nhà thương chữa bệnh cùi (phung) đã được thành lập và sử dụng được vào đầu năm 1905, một trường dạy trẻ em khiếm thị tại Chợ-Quán đang hoạt động, một trường thực hành y khoa bản xứ đã thêm vào môn đỡ đẻ và lớp đào tạo y tá chủng ngừa (infirmiers vaccinateurs). Mỗi một tỉnh ly sẽ có một y sĩ Âu Tây (Pháp) về làm việc để giúp các bà mụ và các y tá chủng ngừa. Nhờ

có việc chủng ngừa, số trẻ em sơ sinh giảm từ vòng từ 20% đến 70%, tám ngày sau khi sinh ra đời.

Chính quyền cho mở lớp nam y tá tại bệnh viện Chợ-Quán, đặt thêm ngạch nhân viên điều-dưỡng bản-xứ, ngạch y-tá bản-xứ.

Une école de sages-femmes à Cholon. —
Fin novembre, on a posé solennellement à Cholon la première pierre de l'école des sages-femmes indigènes. M. Rodier, lieutenant-gouverneur de Cochinchine qui assistait à la cérémonie a dit :

« Messieurs, l'institution dont nous jetons les bases n'est qu'un article du programme que je me suis tracé ; une léproserie a été créée, qui fonctionnera à compter du 1^{er} janvier prochain ; l'école des jeunes aveugles de Choquan qui avait une existence précaire, a été réorganisée sur des bases solides, une école pratique de médecine indigène a été instituée avec sa section d'accouchements et sa section pour former des infirmiers vaccinateurs. Le service médical vient d'être réorganisé dans les provinces. Je veux avoir dans chaque chef-lieu de province un médecin européen avec, pour l'aider, les bamu et les infirmiers vaccinateurs que j'ai demandés à MM. les docteurs Benaf et Augier, de vouloir bien former dans la nouvelle école.

« Le service volant et intermittent de la vaccine sera alors remplacé par un service permanent et fixe. Grâce à cet ensemble de mesures, nous verrons probablement diminuer la mortalité infantile effroyable qui varie de 20 à 70 0/0, rien que pour les huit premiers jours qui suivent la naissance ; ce sera un moyen d'amener l'accroissement de la population et de procurer à la colonie la main-d'œuvre tant désirée dans ce pays, la mortalité infantile devrait être d'autant plus faible que toutes les mères allaitent elles-mêmes leur nouveau-né et que l'avortement et l'infanticide sont des pratiques à peu près ignorées.

« Si nous réussissons, messieurs, ceux qui auront été nos collaborateurs dans cette œuvre auront mérité de la Cochinchine. »

Voici les statistiques de la maternité indigène de Cholon, qui existe déjà depuis plusieurs années et près de laquelle on va construire l'école des sages-femmes indigènes, depuis le 1^{er} janvier 1901 jusqu'au 31 novembre 1903.

En 1901, entrées 70, sorties 60 : accouchements 53, accidents et mort-nés 10, nés viables 43, décès 2 ; journées d'hospitalisation 1.710.

En 1902 : entrées 220, sorties 190 ; accouchements 179, accidents et mort-nés 13 ; nés viables 166, décès 5 ; journées d'hospitalisation 7.250.

En 1903, entrées 332, sorties 325, accouchements 284, accidents et mort-nés 30, nés viables 254, décès 8 ; journées d'hospitalisation 9.751.

Bulletin du Comité de l'Asie Française Juin 1904



COCHINCHINE – Cholon – Hôpital de la Maternité
Œuvre d'Assistance publique

Chính phủ thuộc-địa lập ra nhà thương công ở các thành phố lớn để cung cấp dịch vụ y tế miễn phí cho dân chúng và công chức. Dân chúng đến các nhà thương này được khám bệnh miễn phí; bệnh nhân giàu có mới phải trả tiền.

Sở Dưỡng-đường của các tỉnh ở Nam-kỳ gồm có nhà thương và nhà bảo sanh. Trông coi các cơ sở này có một y sĩ người Pháp, một y sĩ người Việt phụ tá, nhiều nam nữ điều dưỡng và cô mục để chăm sóc người bệnh. Việc trông coi về vệ sinh thì giao cho các bà phước.

Năm 1899, một dưỡng-đường được thiết lập tại tỉnh lỵ Bến-Tre. Dưỡng-đường này gồm:

- một trại lều làm nơi ăn ở cho các dì phước và trữ thuốc men;
- một trại trệt cho nam bệnh nhân;
- một chủng viện cho nữ bệnh nhân;
- một nhà lá để phụ nữ đến sinh đẻ, bệnh nhân nan y và bệnh nhân mắc bệnh truyền nhiễm: nơi đây có các nữ tu trông nom.

Dưỡng-đường có 80 giường bệnh vào cuối năm 1899. Số bệnh nhân càng ngày càng tăng. Bảo sanh viện nhà lá sau này được xây lên bằng gạch và giao cho một nữ hộ sinh người Pháp trông coi. Năm 1912, bệnh viện có một trại dành cho bệnh nhân giàu có nằm, phải trả tiền. Năm 1923, có trại cùi, nhà xác. Năm 1927, trại giải phẫu được tăng cường nhiều dụng cụ giải phẫu cần thiết và dụng cụ khử trùng.

Đến năm 1945, mỗi quận đều có một bệnh viện và một nhà bảo sanh. Trong các làng lớn đều có trạm cứu thương, trạm bảo sanh từ năm 1911. Lý do phải có nhà bảo sanh và trạm bảo sanh là vì cách đỡ đẻ của các bà mục, cô đỡ ở thôn quê theo phương pháp cổ truyền, không biết cách giữ vệ sinh, dùng miếng chai bần hoặc dao kéo không khử trùng để cắt rốn trẻ sơ sinh nên nhiều trẻ sơ sinh chết vì bị phong đòn gánh.

Mỗi trạm bảo sanh và trạm cứu thương ở các quận thường có một y-sĩ Đông-Dương, một nữ hộ-sinh, một hoặc hai y-tá.

Y sĩ trị bệnh ngoài nhiệm vụ chính trông nom trạm cứu thương còn phải kiểm soát những nhà bảo sanh trong khu vực dưới quyền mình. Y sĩ bắt buộc phải diễn thuyết về vệ sinh trong các trường, khám bệnh tại các trung tâm mình có trách nhiệm.

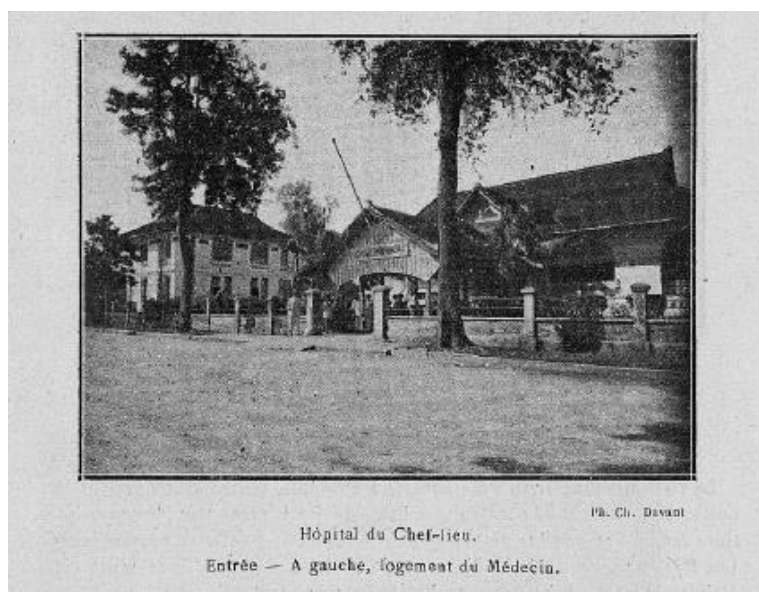
Tùy theo dân số trong châu thành, số giường bệnh tăng lên; tùy theo dân số trong mỗi quận, số trạm bảo sanh cũng gia tăng. Năm 1929, châu thành tỉnh Bến-Tre có 2 trạm bảo sanh, quận Ba-Tri có 4 trạm bảo sanh, quận Mỏ-Cày có 6 trạm bảo sanh, quận Thạnh-Phú có 1 trạm. Năm 1930, dưỡng đường tỉnh lỵ tỉnh Bến-Tre gồm 10 trại với 278 giường và một bệnh viện thực hành (clinique) tại châu thành.

Cho đến năm 1945, tổ chức y tế ở các tỉnh lỵ, điển hình tỉnh Bến-Tre, có số nhân viên như sau:

- trưởng ty y tế kiêm giám đốc bệnh viện với 2 bác sĩ phụ tá;
- 15 y tá;
- 5 nữ hộ sinh;
- 15 nữ tu (một số người Pháp);
- 5 lao công

Cơ sở y tế gồm có: 1 trại dành cho bệnh nhân trả tiền, trại nam, trại nữ, nhà bảo sanh, trại bệnh truyền nhiễm, phòng thuốc ngoại chẩn, nhà dưỡng lão, tất cả đều miễn phí cho dân chúng chỉ trừ “trại nhà giàu”.

Ở mỗi bệnh xá, cơ sở y tế quận, có một bác sĩ, một nữ hộ sinh và một lao công. Các làng lớn trong tỉnh đều có trạm bảo sanh.



Bệnh viện tỉnh lỵ Long-Xuyên



Bệnh xá Chợ-Mới (Long-Xuyên)

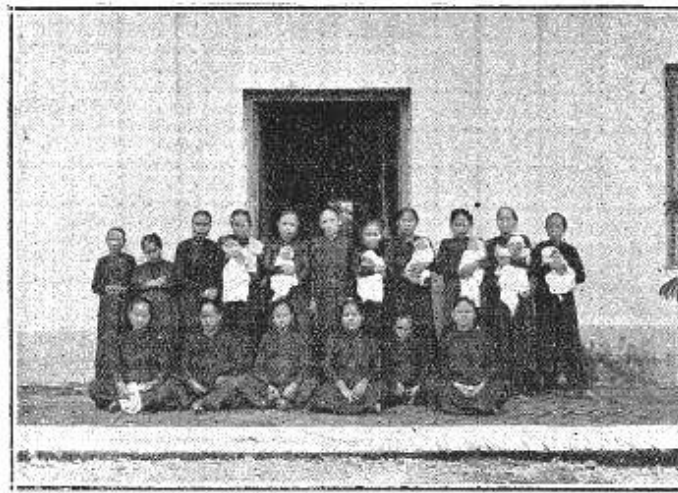
Chợ-Mới (Long-Xuyên) có nhà bảo sanh từ năm 1917, có bệnh xá từ năm 1923.

HÔPITAL DE CULAOGIÉNG
En outre de l'établissement hospitalier officiel, la province possède encore un hôpital congréganiste tenu à Culaogieng par les sœurs de la Providence



Etablissements des Sœurs de la Providence de Culaog-jieng. (Groupes d'hospitalisés)
Ph. Ch. Davant

Bệnh viện Cù-lao Giềng do các nữ tu dòng Providence trông coi



Ph. G. Baran

Etablissements des Sœurs de la Providence de Culoai-Gieng : Maternité.

Nhà bảo sanh ở Cù-lao Giềng do các nữ tu dòng Providence trông coi

Thốt-Nốt là một trung tâm thương mại quan trọng thời thuộc Pháp. Nhà bảo sanh Thốt-Nốt được thiết lập từ ngày 15-9-1910, có một nữ hộ sinh trông coi thường trực. Mỗi sáng thứ năm, y sĩ của tỉnh đến viếng thăm và khám bệnh nhân.

Ở phía nam Qui-Nhon có bệnh viện Qui-Hòa còn được gọi là Trại Cùi hoặc Trại Phung Qui-Hòa. Khí hậu nơi đây mát mẻ, dễ chịu. Bệnh viện Qui-Hòa do cha Paul Maheu (1869-1931) sáng lập và đặt tên là “La proserie de Qui-Hòa”. Bệnh viện có bác sĩ Lemoin và hai nữ tu giúp điều trị cho 150 bệnh nhân bị bệnh cùi. Thời gian này, Qui-Hòa và Qui-Nhon bị núi đèo ngăn cách, chưa có đường bộ, phương tiện giao thông duy nhất là ghe thuyền. Năm 1932, các nữ tu dòng Phan-xi-cô tiếp tục công việc thiện nguyện ở đây cho đến năm 1945 mới về Pháp.



HANOI – Un pavillon de malades à l’Hôpital de Lanessan

Trường Đại-học Y-khoa Đông-Dương và Viện Pasteur là hai biểu tượng cho sự thành công của nền y khoa Tây-phương tại Việt-Nam. Nhưng Y-khoa Tây-phương vẫn không hoàn thành được tròn nhiệm vụ của mình vì lòng tin vào Đông-y vẫn tồn tại trong dân chúng.

Thời đó, người Việt-Nam nghèo khổ, khi bệnh, họ đành chịu chẳng chữa trị gì cả, để tự nhiên khỏi hay là ... tự nhiên chết! Người Việt nào khá giả hơn, đi đến một thầy lang bốc thuốc nam hoặc thuốc bắc để chữa bệnh cho đến khi nào, một là hết tiền, hai là gần chết thì mới chịu vào nhà thương. Lúc ấy, bác sĩ tây-y cũng bó tay. Người Việt nào giàu có thì vừa đến bác-sĩ tây-y, vừa dùng thuốc đông-y. Nếu bệnh khỏi, người bệnh và gia đình thường lại cho rằng nhờ Đông-y mà khỏi bệnh.

Mặc dù trong khi học Y-khoa sinh viên được học bổng, nhưng kỳ thi gắt gao quá khiến cho ít người muốn theo đuổi ngành Y. Năm 1933, có một y-sĩ cho 62 000 người dân, kể cả y-sĩ dân y và quân y, bác-sĩ y-khoa và y-sĩ tốt nghiệp tại Hà-Nội. Chưa kể, sau khi tốt nghiệp, y-sĩ Đông-Dương không đủ bệnh nhân để sống bằng nghề y. Chỉ có các thành phố lớn và đông dân như Hà-Nội, Chợ-Lớn, Nam-Vang, Hải-Phòng mới có đông bệnh nhân. Y-sĩ không thể kiếm sống nếu ở tại những thành phố vừa vừa, ít dân hơn, chỉ vì dân chúng chưa tin tưởng ở ngành Tây-y.

Do những lý do vừa kể mà số sinh viên xin vào ngành y không nhiều.

Năm 1912, y-sĩ thanh-tra Clarac nhận thấy là không bệnh nhân nào đến tái khám tại nhà thương. Họ chỉ đến một lần để hỏi bệnh rồi không trở lại. Họ nhận được thuốc miễn phí mà không biết ích lợi của thuốc.

Vì không hiểu biết về Tây-y, bệnh nhân đòi hỏi những điều thật vô lý. Có bệnh nhân đòi được giải phẫu mà thực ra không cần giải phẫu, người cần được giải phẫu để cứu mạng sống của họ lại không chịu để cho giải phẫu. Có bệnh nhân muốn được chụp quang-tuyến không cần biết là quang-tuyến chụp để làm gì.

Bệnh nhân và gia đình thường chấp nhận để các thầy thuốc đông-y chữa trị một thời gian, khi bệnh không thuyên giảm hoặc trở nặng, bấy giờ họ mới tìm đến bác-sĩ hay nhà thương Tây thì thường đã trễ hoặc bệnh quá nặng. Họ chờ đợi là bác-sĩ tây-y phải chữa cho bệnh chóng dứt trong vài ngày dù các y-sĩ tây-y không hứa hẹn gì, nhưng họ lại không theo đúng lời dặn của bác-sĩ trong việc uống thuốc và kiêng cử. Người ta còn nghĩ là nếu bác-sĩ tây-y không chữa được bệnh mà thầy thuốc đông-y đã bó tay, như vậy thì tây-y hay đông-y có khác gì nhau?

Nếu y-khoa Tây-phương còn không được dân chúng tin tưởng, làm sao dân chúng có thể tin vào các phương pháp vệ-sinh mà kết quả dài lâu chứ không ở ngay trước mắt được.

Giáo-sư y-khoa J. Bablet, trong một lần hội-nghị tại Đại-học Đông-Dương năm 1932, đã đưa ra nhận xét về vấn đề niềm tin vào Tây-y trong dân chúng để phòng ngừa và chữa trị bệnh lao như sau:

“ Thành lập các phòng y-tế, nhà thương, các trạm phòng ngừa bệnh, chưa thể gọi là đủ được. Chúng ta cần giáo dục dân chúng để họ biết vai trò của những cơ sở này, thuyết phục về sự ích lợi của những nơi này, lấy được niềm tin của dân chúng.”

Ông bảo rằng vấn đề giáo dục dân chúng là một công cuộc dài lâu và chông gai. Không phải chỉ các y-sĩ có trách nhiệm giáo dục dân chúng về niềm tin với Tây-y mà tất cả các thầy cô

giáo, tất cả những người có học đều cần đóng góp vào việc này. Chưa kể, các thầy cô giáo còn phải hiểu biết rõ hơn về Tây-y để có thể tin tưởng vào Tây-y và ích lợi của vệ-sinh. Các trẻ em, nhất là học trò, với đầu óc trong trắng, dễ nhập tâm những thói quen tốt. Tuy không hiểu lý thuyết nhưng học trò sẽ giữ những thói quen mà các em đã được học từ thầy cô và tập tại trường.

Tuy nhiên, thử thách lớn nhất vẫn là sự cạnh tranh giữa hai nền y-khoa Tây-phương và Đông-phương, y-khoa hiện-đại và y-khoa truyền-thống. Từ khi người Pháp đến Việt-Nam (1858) cho đến thập niên 1930, khoảng 70 năm người Pháp hiện diện ở Đông-Dương, Tây-y vẫn chưa thuyết phục được người dân về sự ích lợi của y khoa hiện đại, y-khoa hiện-đại vẫn chưa có được một chỗ đứng đáng kể như y-khoa truyền-thống.

Dân chúng nhìn nhận Tây-y với những phương tiện kỹ thuật hiện đại như kính hiển vi, máy chụp hình bằng quang tuyến, có khả năng định bệnh chính xác. Nhưng họ cho rằng thuốc bắc, thuốc nam bên Đông-y hợp với thể chất sinh lý của người Việt hơn.

Để gây niềm tin và giữ bệnh nhân, các thầy lang mua những tấm bảng lớn vẽ hình cơ thể con người, những tấm ảnh quang tuyến, các quyển sách của Pháp trong đó có những câu hỏi về y-khoa phổ-thông dành cho người dân thường như “*Le Larousse Médical*”, “*Mon Docteur*” để cho bệnh nhân thấy là họ, các thầy lang đông-y, cũng chịu khó tổng hợp cả hai nền Đông-y và Tây-y trong việc định bệnh. Sau đó, các thầy lang sẽ chẩn bệnh, khám bệnh nhân, và cho toa thuốc bắc hoặc thuốc nam. Cách làm việc này khiến người bệnh hài lòng và khâm phục vì định ninh rằng thầy lang chẩn bệnh theo Tây-y, còn việc chữa trị thì theo Đông-y.

Một số rất nhỏ tây-y-sĩ đọc thêm về sách thuốc đông-y để có thêm kiến thức giảng giải cho bệnh nhân, và có khi phải tổng hợp cả Đông-y và Tây-y trong việc chữa trị.

Những người theo Tây-y cho rằng Đông-y có thể có giá trị chẩn bệnh và chữa bệnh, nhưng khuyết điểm của nền y-khoa truyền-thống này là việc đào tạo các thầy thuốc. Các thầy lang tự học bằng cách nào không ai biết. Họ không bị khảo thí, họ không có bằng cấp. Họ vừa là “y-sĩ” vừa là “dược-sĩ”. Họ cho bệnh nhân uống thuốc do chính họ bào chế và ấn định liều lượng.

Những quảng cáo về toa thuốc gia truyền, quảng cáo về dược thảo chữa đủ các chứng bệnh vẫn còn lan truyền trên báo chí và trong dân chúng. Điều này có ảnh hưởng đến sự thực hành Tây-y trong việc chăm sóc sức khỏe cho dân chúng vì vẫn có người tin vào những lời quảng cáo này.



Ngày Nay số 79

VỎ - VẦN - VÂN DƯỠC - PHÒNG

Chủ-nhân Y-học sĩ **VỎ-VẦN-VÂN** bảo-chế - THUDAUMOT

BINH HO

Vẫn biết bệnh ho là tại nơi phổi, song nguyên-nhơn gốc bệnh mà phát ra ho đều khác nhau xa. Cách trị thì tìm gốc trị bệnh, tìm ngọn trị ho, dùng phương độc trị thì bệnh ho nào uống thuốc này, trước bổ đường khí huyết tạng phủ, sau trừ bệnh ho, thì dầu cho ho lâu mau nặng nhẹ thế nào cũng hết đặng.

N. 19 - Phụ-khoa điều-huyết chỉ khái hoàn

Các chứng ho của đàn bà là bởi: Hoặc kinh nguyệt không đều, hoặc hậu-sản, huyết điều ra ít, huyết trắng ra nhiều, hoặc tìm yếu thiếu máu hồi hộp, trong ngực, ăn ngủ không đặng, hoặc phổi nóng và yếu mà sanh ra, hoặc người tuổi tác lớn âm dương khuy tảo, khí huyết lưỡng suy, tỷ vị yếu, phổi yếu biến sanh ra phong đàm mà sanh ho.

Bất luận ho đàm nhiều, đàm ít, rạc tức nơi ngực, ho ra bọt trắng, đàm xanh, đàm vàng, hãy uống « Phụ-khoa điều huyết chỉ khái hoàn » thì bệnh hết dứt.

Đơn bà có thai, đơn bà mới sanh bị ho uống càng hiệu nghiệm.

Giá mỗi hộp (5 hoàn)..... 0 \$ 80

N. 20 - Nam-khoa bổ khí chỉ khái hoàn

Đàn ông bị bệnh ho là bởi: Hoặc lao tâm lao lực, nội-thương âm thực, ngoại cảm phong hàn, tiêu nhiễm lâu ngày, tỷ yếu sanh đàm, phổi yếu sanh ho. Hoặc tiêu-thien bất túc, hậu thiên thất nghi, lửa sắc quá độ thành ra Mộng-trịch, Di-tinh và Huyết tinh, lâu ngày thần suy, hỏa thanh, tìm yếu, phổi nóng, mà sanh ra ho, ho lâu ngày đóng phổi, trong phổi có vit thương, rặng tức nơi ngực, ho ra đàm xanh, đàm v. n. đ. m. trắng và nhớt, mỗi ngày đều ớn nóng lạnh, trong mình mệt nhọc ăn ngủ không đặng. Hãy uống phục: « Nam-khoa bổ khí chỉ khái hoàn » bệnh ho lần lần hết tuyệt, ăn ngủ đặng, bồi bổ sức lực.

Giá mỗi hộp (5 hoàn)..... 0 \$ 80

Thuốc này là thuốc bổ trừ ho, trường phục lâu ngày thì bệnh ho hết dứt ăn ngủ đặng, bồi bổ sức lực trong mình, rất nên hiệu nghiệm.

Tân Văn Tuần Báo 18 Août 1934

Thượng-Hải **LÔI THIÊN NHỨT**

LỤC THẦN THỦY


Chuyên - trị cảm mạo nhức đầu, đau bụng, ỉa, mửa, trúng phong, trúng hàn và những bệnh nguy cấp như thiên-thời.

Ngoại trị như răng, ghê lở, cho súc vật uống thuốc này đều được hiệu-nghiệm.

BÔNG-PHÁP
ĐỘC-QUYỀN QUẢN-LÝ

THÁI - HÒA
104, Rue Gaudot - CHOLON.

Có danh tiếng khắp mọi nơi: Thượng-hải, Hồng-kong và Canton cũng nghe danh tiếng.



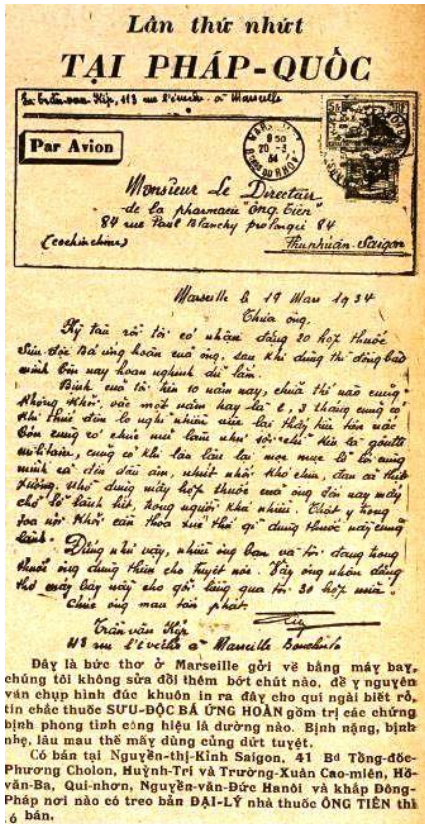
VINH-SANH-HOÀ

60, Rue Chaigneau
SAIGON

Bổn-hiệu chuyên-môn bảo-chế các thứ thuốc Bắc, hốt thuốc thang và đại-lý bán đủ thứ thuốc cao đơn hoàn tán.

Giá tính phải chăng.

Tân Văn Tuần Báo 18 Août 1934



Tân Văn Tuần Báo 18 Août 1934

Ngày Nay số 80, 10 Octobre 1937

Các thầy lang có thể có một bài thuốc gia truyền, truyền từ đời ông, cha đến con, cháu. Bài thuốc gia truyền dùng để chữa trị cho nhiều bệnh và có thể gây hại cho một số bệnh nhân. Nhưng không có ai hoặc cơ quan nào thanh tra để tìm hiểu công việc của các thầy lang. Một số thầy tự học từ các sách Đông-y cổ truyền, dựa theo nguyên lý âm dương, bắt mạch bệnh nhân và cho thuốc theo bài bản trong sách *Bản-thảo cương-mục*.

Dù rằng có một số thầy lang bị mang tiếng là “lang băm” vì học không đến nơi đến chốn, làm nghề thuốc không lương tâm, hiển nhiên còn nhiều thầy lang tận tâm đức độ giúp người nên dân gian mới có câu ngợi khen “lương y như từ mẫu”.

Nếu con người là cái vốn của xã hội, của đất nước, thì việc chăm sóc sức khỏe cho người dân là công việc cần quan tâm nhất. Nếu không có con người thì không có nhân lực để nghĩ ra sáng kiến, tạo ra sản phẩm và khai thác những vùng đất mới. **Con người chính là tài nguyên quan trọng nhất của đất nước.**

Do đó, y-khoa và y-tế công-cộng phải đến được tất cả ngõ ngách của thành phố, tất cả các làng mạc của đất nước.

Thời ấy, ở Việt-Nam bệnh lao, sốt rét, nhiễm trùng mắt, phong cùi và giang mai hoành hành mạnh nhất. Mỗi người bệnh không những gây tốn phí tiền bạc cho gia đình mà còn làm

thiệt hại cho nền kinh tế quốc gia. Nếu y-khoa và y-tế công-cộng phát triển thì cả người dân và đất nước đều có lợi.

Tuy nhiên, vấn đề thiết yếu trong việc chọn cách chữa trị theo Tây-y lại chính là vấn đề “tiền”. Đa số dân Việt lúc ấy hẳn còn nghèo. Nhiều gia đình nghèo không có đủ cơm mà ăn, phải ăn độn với khoai, sắn; họ chỉ ăn thịt vào dịp tết hay một dịp nào đặc biệt trong làng. Đối với họ, nền Tây-y dành cho những người giàu có. Thuốc tây rất đắt. Lương một người thư ký phải dùng để nuôi cả gia đình từ cha mẹ đến vợ con. Nhu cầu của mọi người trong gia đình không phải chỉ có thức ăn, còn cần quần áo và nhiều thứ chi tiêu khác nữa. Do đó, khi người chủ gia đình bị bệnh, họ không muốn nằm nhà thương tây; y-sĩ tây-y cho toa mua thuốc tây, họ càng không mua, chỉ vì quá tốn kém. Họ chọn đến thầy lang, vì không phải nằm nhà thương, thuốc ta lại hợp túi tiền. Giá thuốc tây khá đắt đối với túi tiền người dân thường. Làm sao thuốc tây được bán với giá vừa phải cho người dân là một vấn đề cần giải quyết. Giới tiểu công chức và tiểu thương đã không đủ tiền chữa trị theo Tây-y thì những người dân lao động và nhà nông lại gặp khó khăn nhiều hơn.

CÓ BỊ BỆNH
đau trong ruột
nên ngừa trước

Bộ máy tiêu-hóa vật - thực của người ta, nếu có rồi bị bệnh là gì? Con người máu huyết say kém làm cho cái bao tử (Dạ dày) gần sức vận-động, nên dễ ăn uống không tiêu được. Bởi do ăn trong bao-tử, mới anh ra sên lải bón uất, sinh ruột, đau bụng...

Đau bụng có nhiều chứng: Đau bụng với, đau bụng máu, đau bụng bón, đau bụng kiết, đau bụng gò có cục và đau bụng hơi.

Mấy chứng bệnh trong bao tử, đau ruột vừa kể trên, ai đã bị mau mau lo điều-trị, nếu để lâu ngày nó mọc mụt ở dạ dày hoặc thủng ruột thì rất nguy hiểm khó chữa! Bệnh mới phải ra mua ngừa trước, xin hãy nài mua cho được một phượng thuốc bột gia truyền hiệu Đức-Trong Annam là một thứ thuốc hồi đó đến bây giờ Annam minah mới có lần thứ nhất và xin nhìn kỹ cái nhãn người-sao năm nhánh của chúng tại tòa Saigon uống trong 11 lần thì thấy giảm bệnh, đã có nhiều người đáng rồi rất công hiệu. **Mỗi gói 0 \$ 60.**

Nhà thuốc ĐỨC-TRONG ANNAM, số 353, đường Cây Mai gần đến Cây Mai Cholon.

Để bán Nguyễn-thị-Kính, Saigon; Văn-vô-Vân Bentre Trà Vinh; Nghĩa-Trọng, Cantho; Nguyễn-thành-Liêu, Vinhlong; Nguyễn-thị-Linh Sadee; Đồng-thị-Dồi Longxuyen; Lý-công-Quan, Soctrang; Đuọc-Yến, Baclieu; Nam-Cương, Mỹtho; Nguyễn-hữu-Út Dépôt Pharmacie Normale Tây-ninh; Huỳnh-Trí, Nam-sơn; Minh-Nguyễn, Phanhiệt; Hiệu Thuận-

Ngoài thứ thuốc họ bỏ
phải PHÒNG-LAO BỒ-PHÉ
TINH của nhà thuốc LA-
TRỌNG-KÝ ở Cái-răng ra,
tôi không bằng lòng mua
thứ nào khác. Vì nó rất
công hiệu

XUÂN TÂY ĐỒ

Tân Văn Tuần Báo 18 Aoút 1934

Xuân Tây Đô 1944

NHỜ KHOA-HỌC PHÁT MINH: THUỐC BỒ TIM

LA - TRỌNG - KỶ

MỖI HỘP DO HỘI ĐỒNG HÓA GIÁ ĐỊNH 14 \$

Mỗi hộp đựng ba ve uống 7 ngày — Sớm, chiều, tối (Thuốc nước)

Thuốc chế theo phương pháp cổ truyền; nhiều kinh nghiệm, bình nằng uống 2 hay 3 hộp, nhẹ uống 1 hộp dứt bình. Phối chế nhiều chất thuốc thượng đẳng, dung hòa được liệu theo khoa bí truyền phát minh. Thơ mua thuốc xin kẻ rõ đàn ông hay đàn bà uống, vì 2 thứ khác nhau.

Mua thuốc bằng mandat hay cách lãnh hóa giao ngân cũng đặng. Mandat và thơ xin đề cho chủ nhà thuốc.

M. LA - THUẬN - HƯƠNG
30, Quai de l'Appentement — Cẩi rằg

Nhà thuốc **LA - TRỌNG - KỶ** CẢI RANG phối chế. Giá thuốc do sở hội đồng hoá giá định cho bán. Trên 2000 đại-lý khắp Saigon-Cholon và lục-lĩnh có bán.

Xuân Tây Đô 1944

CUNG HẠ TÂN XUÂN

Cầm tập kỹ gữ này lại ngay 44 Bd. Saintenoy Cantho mua có trư huê hõng nhiều :

THUẬN GIA BẢ BÒ (chế toàn thuốc bên Tàu).

Trị nhưc mỗi, giúp ăn ngon ngũ dược.
Các nhà sang trọng và thê tháo thích dùng.

FORCETONIC là của bđn công ty Đại Lý Độc quyền toàn xứ Đông Pháp.

Mua buôn đo :

ETS THUẬN - GIA & C^{IE}
CANTHO - SAIGON - RACHGIA

TẠI RACHGIA, bđn công ty chuyên mầu làm Mệch nha và bột bánh in, chà bằng máy lửa. Bảo kiết trắng và mịn.

Xuân Tây Đô 1944

THUỐC HO



Thư thuốc ho bột này là một thư thuốc ho tốt nhất.

Bất luận nhiễm bệnh lâu mau hoặc già, trẻ đều hợp dùng.

Xin nhớ nhìn nhận hiệu này kéo lăm.

DiệpVinhXuân
15 RUE CANTON
CHOLON

DIỆP-VĨNH-XUÂN
15, Rue de Canton, 15
CHOLON

Tân Văn Tuần Báo 18 Août 1934

SỐT RẾT-LẬU NGAY RẤT CÓ HẠI ĐẾN THÂN THỂ PHẠT - LÃNH - HOÀN ĐẠI - QUANG

Trừ khỏi bệnh sốt rết rất hay. — Phàm những chứng sốt rết có cơn, sốt rết lâu ngày sốt rết liên miết, sốt rết ngắt quãng, rết rớt rết nhiều nóng ít, hay là rết ít nóng nhiều, hết thấy các chứng thuốc về ngược lại, hãy uống thuốc Phạt-Lãnh-Hoàn Đại-Quang đều khỏi hẳn, trừ tuyệt mọi rết, không khi nào phát lại. Nhưng là ở những nạn ngược, sớm làm chườm khí rất nặng, nếu hay sinh ra chứng rết rùng, nếu rết sâu thuốc này thì phòng thán thì chẳng lo chi hết.

Mỗi lọ giá 0\$10 — 12 lọ giá \$500

ĐẠI - QUANG ĐƯỢC - PHÒNG

29 — PHỐ HÀNG NGANG — HANOI — GIẤY NÚ SỬ: 876

TIÊU-thuốc «Sư Đứu Quảí Hiệp» đã ra số 7 để biểu không. Xin nhớ đón xem.

Imprimerie TIẾNG-DÂN — HUE

HUYỆNH-THỰC-KHANG

Tiếng Dân 9 Septembre 1937

TUẦN-LỄ NHI-ĐỒNG

Tuần-lễ Nhi-đồng được kết-quả rất mỹ mãn, tỏ rằng xã-hội rất chăm nom tới con trẻ, chẳng luận đông tây; vì con trẻ ngày nay, tức là người gánh vác việc xã-hội mai sau. Nhưng muốn phấn đấu với đời, tất phải có thân-thể mạnh khoẻ, tinh-thần hoạt bát mới được. Bệnh cam-tích (sán lả) rất có hại cho thân-thể con trẻ, chẳng nên để nó dây dưa lâu ngày, muốn con trẻ sau này được mạnh thì nên trừ bệnh cam-tích (sán lả).

Hãy dùng Cam-tích tán, nhân con Bươm-Bướm của nhà thuốc Đại-Quang là thuốc rất hay mà Lục-châu đều biết danh tiếng.

Mỗi gói giá . . . 0\$10 Có bán khắp nơi.

ĐẠI-QUANG ĐẠI-DƯỢC-PHÒNG
27, Boulevard Tổng-Bác-Phương — CHOLON Tél. 1019

Tân Văn Tuần Báo 18 Août 1934

Một nhà thuốc lớn nhất và lâu năm hơn hết
của người Annam

14
năm

VỎ-DÌNH-DẪN

đanh
tiếng

ĐẠI-DƯỢC-PHÒNG

(sáng lập năm 1921)

323, Rue des Marins - CHOLON
118, Rue d'Espagne - SAIGON

ĐAU NHỨC TRONG GÂN KHỚ NGŨ

Chúng tôi có chế một thứ thuốc lạ nhất, khắp nước Nam chưa
có ai biết chế. Ấy là thuốc KIM-TINH-ĐƠN. Sự hiệu-nghiệm trên
người không sai một.

Trị về bệnh thần-kinh, như các chứng vui buồn, hôn giặc
không chứng, sơ sệt khớp xương vô lối. Những người hay đau nhức
trong gân lúc trở trời tiết, khó ngủ yên, hoặc đang ngủ, hay giật
tay chân, dùng thuốc này hay lắm. — Thuốc trị tuyệt bệnh nhức
đau đống, đau lưng rung tay.

Những người lối ngày làm lụng mệt nhọc, khi nằm xuống thì
đau rúm từ chi, hoặc vì lo rầu phiền muộn, óc bất suy nghĩ mãi,
nên không ngủ được, dùng một ve thuốc này thấy hiệu nghiệm liền.

Thuốc không có vị độc, không làm say, làm ghiền. Uống thuốc
rồi đi ngủ, sáng thức dậy thấy khoẻ khoắn, tinh-thần tươi tỉnh.

Những người có tật kinh dùng KIM-TINH ĐƠN liền tiếp 1 tháng
bớt kinh.

Giá 1 hộp 10 ve 2p.40 — 1 ve 0p.25

ĐÀN ÔNG HỐI KHÍ LỰC, ĐAU LƯNG

Muốn cho có thứ thuốc uống vào thì được sanh tính, bề huyết,
cường lực, tráng dương, phải dùng nhiều dược-liệu mua ở ngoài-
quốc giá đắt như vàng và có đủ khí-cụ tinh xảo mới chế được.
Nơi xứ Đông-dương chỉ có nhà thuốc chúng tôi báo chế được thứ
thuốc hay ấy, để hiệu là ĐỆ-NHỨT-TU-LAI-TINH. — Mấy người
xanh xao bại nhược mỗi gối đau lưng, vì bởi sắc dục quá độ, tinh
huyết khô kiệt, vì bởi di tinh, mộng tinh lâu ngày, manh rồi mà
thiếu dưỡng, dùng vài hộp thì sức lực thấy mau phục rồi.

Thuốc thật mạnh, đại bổ khí huyết, cường kiện sức lực. Người
thường dùng nó thấy hàn hải vui vẻ, hoạt động hùng hào.

Giá 1 hộp kiến 6 hoàn... 1p.50

ĐÀN BÀ HƯ HUYẾT, ẨM SUY, BẠCH ĐÁI

Thuốc PHỤ-NỮ-KIM-PHỤNG-HOÀN của chúng tôi, trị về bệnh đàn-
bà thật hay. Bất luận ai ai cũng đều nghe tiếng.

Đàn bà đường kinh trời sụt, bạch-đái, bạch-dâm, đau bụng có
cục, tử-cung hàng lạnh, khó bề thọ thai, hoặc đậu thai rồi hay làm
tiểu sần, các chứng khác vì bởi huyết xấu sanh ra, dùng thuốc này
thật hay

Người có thai, dùng dưỡng thai rất qui.

Giá 1 hộp 6 hoàn... 1p.00

XIN LƯU Ý. — Các thứ thuốc của chúng tôi đều có bán ở các
cửa hàng Annam và Khách trên 500 chỗ.

Mua từ 1p sẽ có cho thêm 1 hộp 2 viên CỬU-LONG-HOÀN đáng
1p.10 đáng sung thứ. Thuốc CỬU-LONG-HOÀN là thuốc Đại-Bổ có
đanh lâu nay, ai ai cũng đều nghe tiếng.

Tân Văn Tuần Báo 18 Oăt 1934

Mặc dù các cơ quan y-tế công-cộng và trạm y-tế được thành lập trong khoảng 30 năm từ đầu thế kỷ đến thập niên 1930, vấn đề vệ sinh vẫn chưa được áp dụng một cách phổ biến, nhất là trong trường hợp các bà mẹ đỡ đẻ. Sau sáu tháng học hành tại nhà thương và bảo sanh viện, nhiều bà mẹ đã quên những gì đã học về vệ sinh.

Hiểu biết về vệ sinh là một lợi ích của y-học Tây-phương. Giữ gìn vệ sinh là một lợi ích dễ dàng và ít tốn kém cho người dân thường trong việc chăm sóc sức khoẻ. Môn vệ sinh cần được dạy tại các trường học cho trẻ em, và dạy tại trường sư phạm, nơi đào tạo các thầy cô giáo tương lai. Chính các thầy cô giáo này sẽ đem những cách thực hành về vệ sinh dạy bảo học trò, huấn luyện các em để cho các em tập được thói quen tốt.

Trong niên học 1932-1933, khoa-trưởng Thalamas, giám-đốc cơ quan giáo-dục phổ-thông tại Đông-dương (Directeur de l'Instruction Publique en Indochine) đã tổ chức những buổi hội-nghị về xã hội và y-tế công-cộng tại Đại-giảng-đường Đại-Học và rất được hoan nghênh. Những người đến dự gồm các thành phần trong giới trí thức, Tây có, Việt có, công chức, sinh viên, học sinh các trường cao đẳng. Ai cũng mong rằng những hội-nghị như thế sẽ đến các thành phố nhỏ hơn và các tỉnh thành khác chứ không phải chỉ có ở thành phố lớn.

Từ năm 1934, hai bác-sĩ Luyện và Chương ra một tờ báo về y học phổ thông bằng tiếng Việt, tên báo là *Báo-An Y-Báo*. Ký giả Nguyễn Văn Nam viết trong *Nhật-Tân* những bài báo đả kích các “lang băm”.

Trường Thuốc và Tổng-hội sinh-viên các trường cao-đẳng có ban truyền bá vệ sinh và phổ-thông y-học đi về các làng để chỉ dẫn dân chúng tập thói quen vệ sinh trong đời sống hằng ngày, khuyến khích chủng ngừa và chữa bệnh bằng tân-y-học.

Trong giai đoạn đầu tiên, mỗi năm có khoảng mười, mười lăm y-sĩ xuất thân từ Trường Y Dược Hà-Nội. Thập niên 1930, số y sĩ tốt nghiệp tăng gấp 20 lần. Người ta mong rằng “những đại-sứ hạng nhất của văn minh” (*premiers ambassadeurs de la civilisation*) sẽ đem sự phấn chấn tinh thần và khoẻ mạnh thể chất đến nơi nào họ làm việc. Các y sĩ Việt-Nam sẽ giúp phổ biến và quảng bá sâu rộng nền Tây-y vào trong xã hội Việt-Nam.



Tân Văn Tuần Báo 18 Août 1934



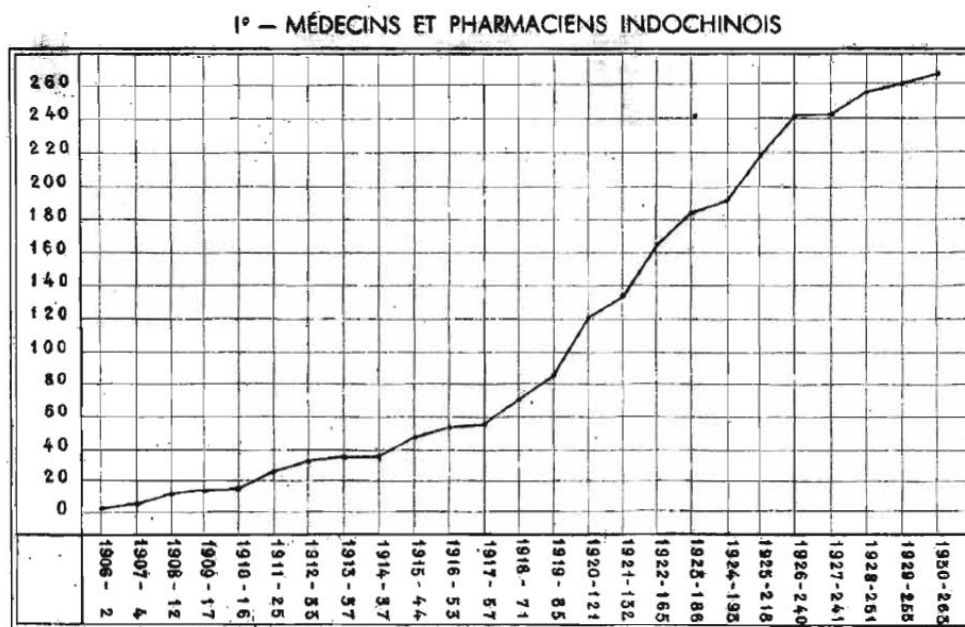
COCHINCHINE – Cholon - Hôpital municipal



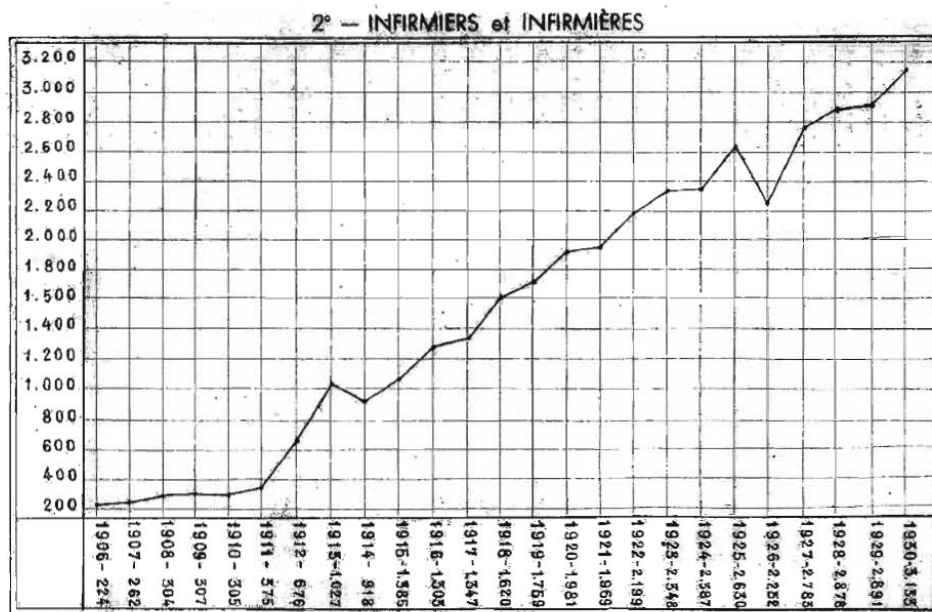
- Khoan khoan, không được đổ bộ vội. Tiêm thuốc trừ tà chưa đã?

Ngày Nay số 83, 31 Octobre 1937

Sau đây là các biểu đồ về nền y tế Đông-Dương kể từ sau khi tổ chức y tế Đông-Dương “Assistance Médicale en Indochine” được thành lập.

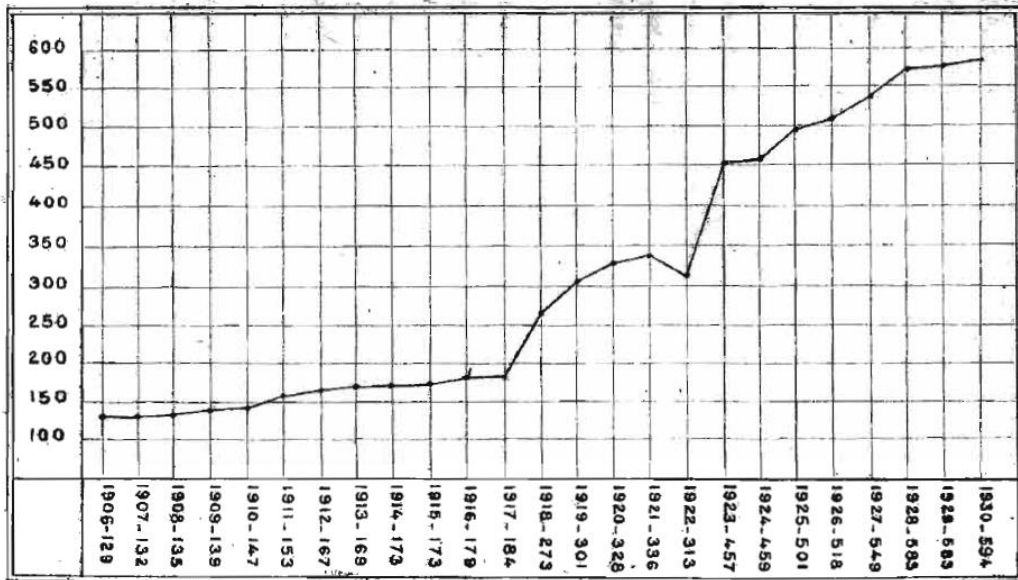


Médecins et pharmaciens indochinois



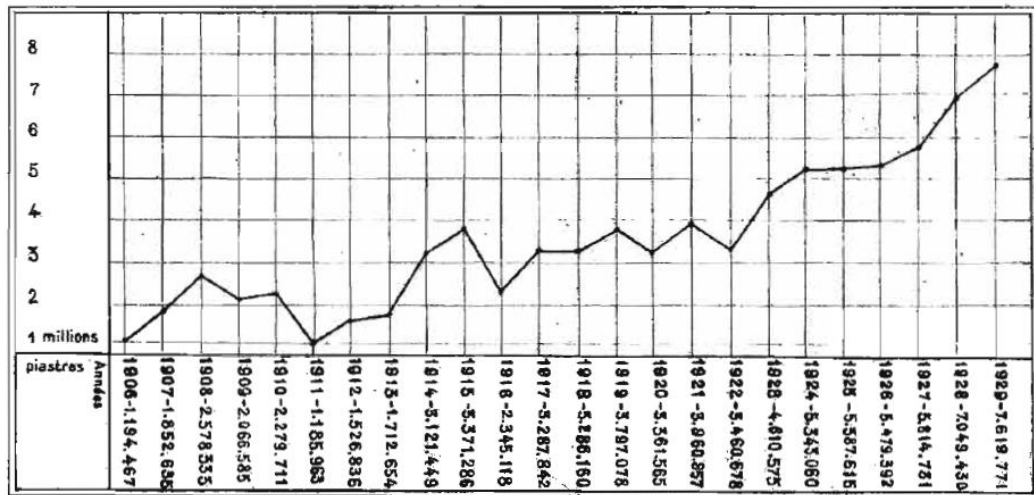
Infirmiers et infirmières

3° - FORMATIONS SANITAIRES



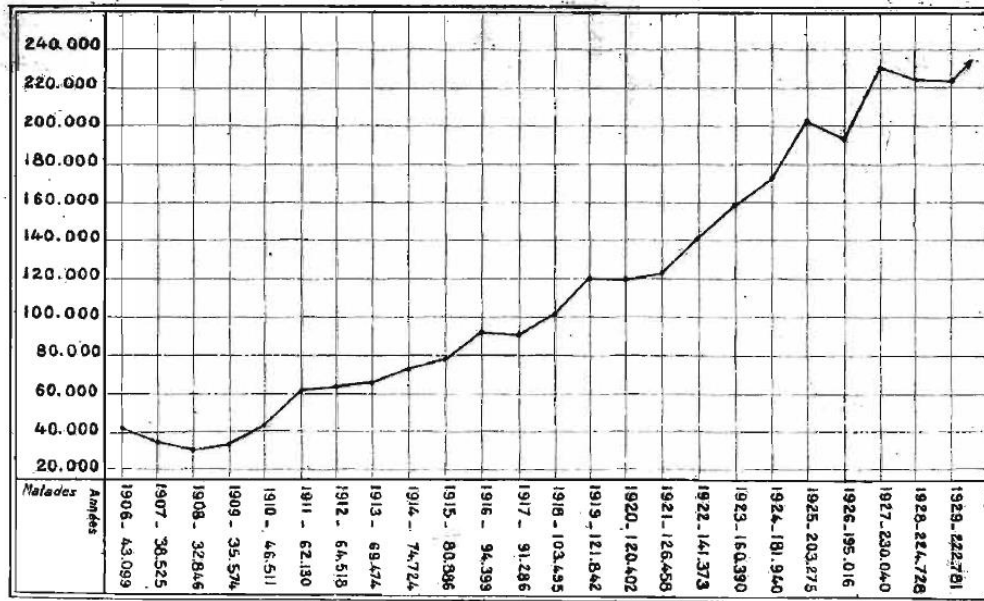
Formations sanitaires

4° - BUDGETS DE L'ASSISTANCE



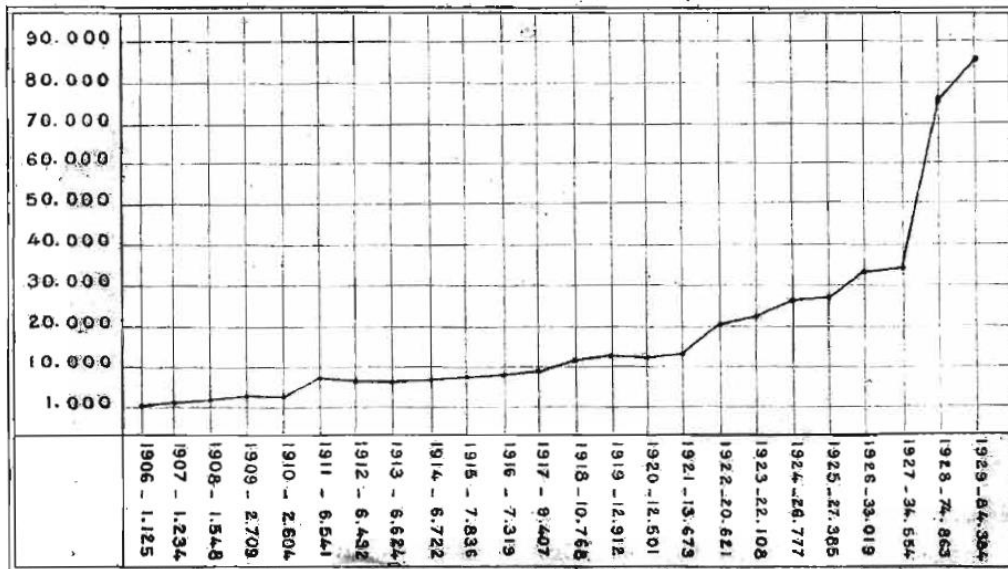
Budgets de l'Assistance Médicale

5° - NOMBRE DE MALADES HOSPITALITÉS



Nombre de malades hospitalisés

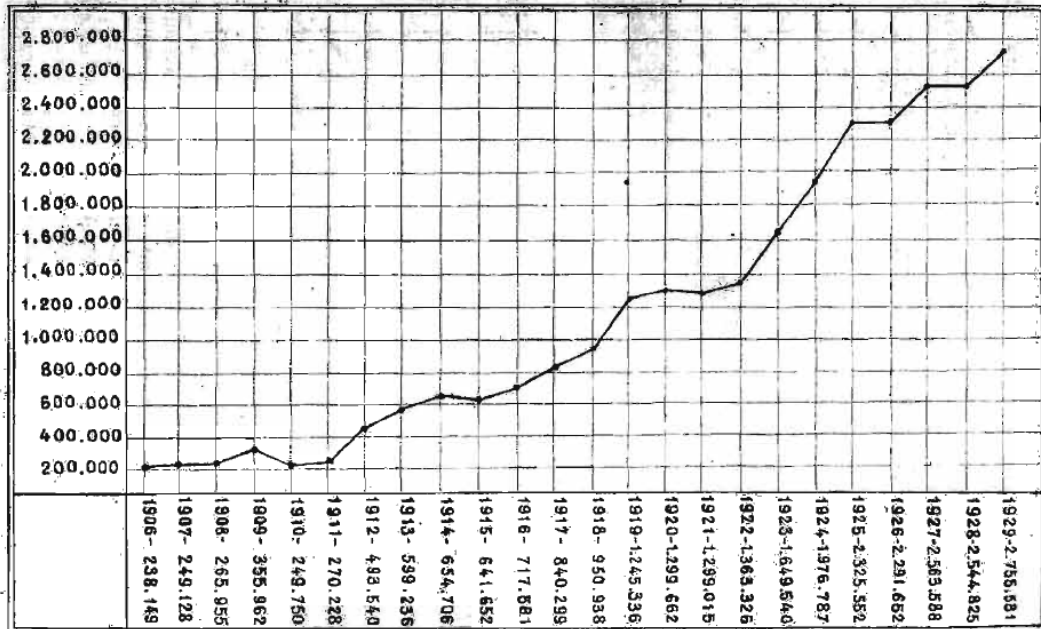
6° - ACCOUCHEMENTS PRATIQUES DANS LES MATERNITÉS, LES HOPITAUX ET PAR LES SAGES-FEMMES MOBILES



NOTA : 30% des accouchements sont encore pratiqués par des matrones dans la ville de Hanoi même (D^r B. JOYEUX)

Accouchements pratiques dans les maternités, les hôpitaux et par les sages-femmes mobiles

7° - MALADES CONSULTANTS



Malades consultants

*

***Sự đóng góp của giới trí thức tân học trong việc cải thiện dân sinh thời thuộc Pháp.** – Ở một nước nông nghiệp như Việt-Nam, dân thôn quê đông hơn dân thị thành. Ở Bắc-kỳ, 95% dân chúng ở thôn quê, ở Nam-kỳ là 85%. Đời sống của người dân quê ở ngoài Bắc và miền Trung vất vả hơn ở trong Nam vì ruộng ít, dân nhiều, thường hay có nhiều thiên tai: lũ lụt, nắng hạn. Sự khốn khổ của người dân quê ảnh hưởng rất nhiều đến đời sống trẻ thơ miền quê. Vì phải lam lũ làm việc quanh năm mà không đủ ăn đủ mặc, người dân quê không còn thì giờ rảnh để trông nom con cái. Trẻ em từ nhỏ không được chăm nuôi từ tẻ thường hay bị bệnh tật vì ăn không đủ chất bổ và không giữ phép vệ sinh. Trẻ em lây bệnh lẫn cho nhau cho nên số trẻ em yếu tử cao, những trẻ còn sống thì yếu đuối bệnh tật. Ngoài sự thất dưỡng và ăn ở không theo phép vệ sinh, trẻ em còn lêu lổng chơi những trò đại dột nguy hiểm, có thể xảy ra tai nạn, như rủ nhau trèo cây hái trái, xuống ao sông tắm lội. Không ai trông nom, trẻ con còn có thể bị bắt cóc. Ngoài ra lại thêm cái hại về phương diện tinh thần, trẻ con rủ rê đàn đúm tập nhiễm tính xấu.

Nhận thấy hoàn cảnh bi đát của trẻ em thôn quê như thế, năm 1922 Hội Khai-trí Tiến-đức đã cổ động việc thành lập Ấu-trĩ-viên tại các làng. Chủ bút *Nam-Phong*, tổng thư ký Hội Khai-Trí Tiến-Đức là học giả Phạm Quỳnh được Hội cử đi các nơi diễn thuyết thuyết phục người dân tổ chức Ấu-trĩ-viên. Hội được nhà nước cho phép tổ chức và bảo trợ cho nhiều Ấu-trĩ-viên thành lập ở Bắc-kỳ. Năm 1924, có 11 Ấu-trĩ-viên hoạt động ở các làng trong bốn tỉnh Hà-Đông, Hải-

Dương, Hưng-Yên và Bắc-Ninh. Ấu-trĩ-viên nào đông thì có khoảng 100 em được đem đến gửi mỗi ngày; Ấu-trĩ-viên nào vắng thì có khoảng 20 em. Trung bình thì mỗi Ấu-trĩ-viên có khoảng 50, 60 em.

Hội Khai-trí Tiến-đức giúp tiền để thành lập, huấn luyện bảo mẫu để họ biết cách trông nom trẻ, trợ cấp thêm vào chi dụng hằng ngày của Ấu-trĩ-viên. Hội đứng ra cổ động quyên tiền cho Ấu-trĩ-viên, người thì góp tiền, người thì cho gạo, đồ chơi, đồ dùng. Chính phủ cung cấp thuốc men cho những bệnh thông dụng.

Sự thành lập Ấu-trĩ-viên đã ảnh hưởng đến đời sống của một số trẻ em thôn quê thời đó. Những trẻ em này được ăn uống đầy đủ, học tập phép vệ sinh, được dạy dỗ tử tế để có căn bản trở nên những người tốt cho xã hội tương lai.

Ở Hà-Nội, các sinh viên Trường Thuốc tổ chức chiếu bóng để giúp bệnh nhân nghèo nằm tại nhà thương Bảo-hộ. Ở Sài-Gòn, ông bà Nguyễn Đức Nhuận, điều hành tạp chí *Phụ-nữ Tân-văn*, tổ chức hội chợ phụ nữ, đấu xảo nữ công để gây quỹ lập viện dục anh.

Người đầu tiên phát triển môn thể dục ở Bắc-kỳ và tổ chức việc huấn luyện thể dục theo phương pháp Âu Tây là Nguyễn Quý Toàn. Từ đầu thập niên 1910, ông được gia đình cho sang Pháp du học và ông đã chọn học về khoa thể dục. Trong những năm du học bên Pháp, ông nhận thấy các nước văn minh như Pháp, Anh, Hoa-Kỳ đều chuộng thể dục, đặt thể dục ngang hàng với đức dục và trí dục trong khi ở Việt-Nam thể dục ít được ưa chuộng. Ông có ý định khi nào trở về nước sẽ sáng lập một trường thể dục để đem ích lợi cho dân chúng.

Khi về nước, năm 1917 ông được bổ làm giáo sư trường Bảo-hộ kiêm dạy cả khoa thể thao. Cuối năm 1917, ông khởi sự thi hành việc lập trường thể dục. Đốc-lý Hà-Nội Jabouille cho ông được tùy ý chọn khu đất nào thích hợp với công việc của ông. Ông tìm được khu đất “trường bán cũ” ở dốc Hàng Gà, rộng 18,000 thước vuông, cây cỏ mọc đầy. Khu đất không xa thành phố và có xe điện chạy đến, lại ở nơi thoáng khí và đủ rộng để làm nơi tập thể dục. Ông nhờ đốc-lý Hà-Nội đưa đơn lên phủ thống-sứ Bắc-kỳ duyệt y. Thống-sứ Saint-Caffrey duyệt y cho ông và ông Trịnh Văn Hội ký tờ hợp đồng thuê có kỳ hạn, ba năm, sáu năm, chín năm, mỗi năm trả một đồng tiền thuê. Trong tờ hợp đồng có nói rõ ràng: “Khi nào còn trường Thể-dục thì khu đất ấy là của trường Thể-dục kể từ năm 1918. Hễ trường có tan thì khu đất ấy giao trả thành phố. Mong rằng trường được tồn tại vĩnh viễn!”

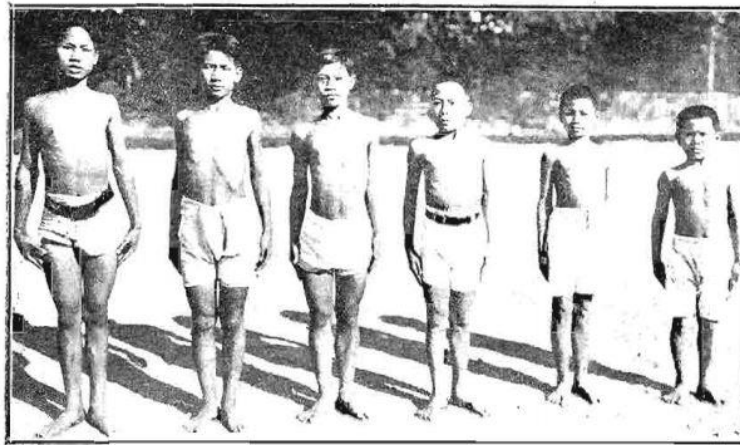
Nguyễn Quý Toàn ứng ra một số tiền \$700 đồng để lấp ao. Phủ toàn-quyền Albert Sarraut cho \$200. Thống-sứ Bắc-kỳ cho \$500, thành phố Hà-Nội cho \$50, Fontaine - chủ nhà máy rượu - tặng sách và \$500. Tiền này được dùng làm vườn cảnh (parc), trong vườn cảnh có sân đánh tennis, sau này làm thêm sân đá bóng và trồng cây to. Dưới bóng cây, có mắc đu để trẻ em đến chơi. Bạch Thái Bưởi, chủ hãng tàu thủy, tặng \$500 để làm buồng tắm (bains et douches). Nguyễn Quý Toàn soạn quyển sách *Thể-dục chi-nam* (Guide pratique d'exercices physiques et de jeux scolaires) với mục đích bán sách lấy tiền gây quỹ cho trường Thể-dục và cổ động thể dục trong nước.

Từ tháng 2 đến tháng 12 năm 1919, khu đất hoang gồ ghề, lầy lội trở thành ngôi trường Thể-dục. Nguyễn Quý Toàn đã thực hiện được giấc mơ trong những ngày du học với tất cả sự

kiên tâm trì chí của riêng ông và sự tài trợ của những nhà hảo tâm đất Bắc-kỳ. Ông hết sức chú trọng phát triển thể dục vì nhận thấy thể dục cần thiết trong hoàn cảnh xã hội đương thời:

- Nhà ở, trường học chật hẹp, ẩm thấp, không thoáng hơi;
- học sinh học nhiều, mỗi mệt, dễ bị bệnh lao;
- không khí thành phố không tốt vì đông dân;
- thị dân lao tâm lao lực, ăn uống quá độ, du hí quá mức;
- thợ thuyền dễ bị suy nhược hơn dân quê vì ở nhà quê chỗ ở rộng rãi, không khí trong lành;
- thời buổi cạnh tranh về kinh tế, thợ thuyền cần phải khoẻ mạnh mới có sức làm việc;
- trẻ con nhà quê gây còm xanh xao, bụng ỏng, mắt toét vì thiếu vệ sinh và thể dục.

Vào thời ấy, thể dục là lối sinh hoạt hoàn toàn mới, môn thể dục hầy còn lạ đối với dân chúng. Để khuyến khích dân chúng tập thể dục, Nguyễn Quý Toàn trình bày những ích lợi của thể dục và chỉ dạy một phương pháp giản dị. Trong tập sách *Thể-dục chỉ nam*, ông chỉ dẫn phép tập tuần tự, từ lớp đồng-ấu cho đến lớp cao-đẳng các trường tiểu học (từ 7 tuổi cho đến 13, 14 tuổi). Phép tập này theo phương pháp tự nhiên: “Méthode naturelle” của Hébert, một nhà dạy thể dục người Pháp, xướng ra đầu tiên. Phép tập này chỉ áp dụng những sự vận động tự nhiên của thân thể, không cần sử dụng nhiều đến các dụng cụ để tập.



Hanoi. — Tràn thể-dục
Mấy nhà võ-cử tương-lai.

Hanoi. – Tràn thể-dục
Mấy nhà võ-cử tương-lai.

Năm 1922, chính phủ bảo hộ ban hành lệnh dạy thể thao trong các trường. Tập *Thể-dục chỉ nam* được thầy giáo các trường Pháp-Việt dùng để dạy học sinh. Dân chúng quen dần với sinh hoạt thể dục và thể thao. Hoạt động này trở thành một cái “mốt” được dân chúng ưa thích. Chẳng hạn ở Vĩnh-Yên, hội thể thao sinh hoạt rất hăng hái. Vĩnh-Yên có một sân vận động. Nơi đây mỗi buổi sáng sớm các công chức, những người già và cả phụ nữ đều ra sân tập các môn điền kinh và thể thao. Vĩnh-Yên có một hội bơi thuyền, một hội quần vợt và một hội đá bóng.

Thể thao trở thành một phong trào rất thịnh hành và phát triển nhanh chóng từ Nam chí Bắc. Cả ba miền Nam, Trung, Bắc, thanh niên nam nữ để công phu học tập chơi bóng vợt (tennis), bóng bàn (ping pong), nhảy cao, đi bộ, đi xe đạp. Môn đánh bóng vợt rất phổ biến trong giới trẻ. Thứ năm hoặc chủ nhật nào có cuộc thi “banh tròn” (football) hay “banh vợt” (tennis), học trò ở các trường lũ lượt đi xem như ngày hội.

Ứng-Hoát, một y-sĩ bản-xứ (médecin auxiliaire), soạn quyển *Y-sinh chỉ nam* (Guide pratique pour les infirmiers, Hà-Nội 1922) để chỉ dẫn cho giới y tá các phương cách trong việc chăm sóc bệnh nhân. Sách được bác sĩ Hermant viết lời mở đầu (Préface) như sau:

“Voici un manuel depuis longtemps nécessaire. Il est né de la constatation souvent faite que le rendement du personnel infirmier ne correspondait pas toujours à sa bonne volonté et à son désir de bien faire. Et cela parce qu’il est impossible à ce personnel de trouver dans des ouvrages spéciaux l’instruction nécessaire et appropriée. Certes, beaucoup de bons manuels d’infirmiers existent; mais écrits en français, contenant nécessairement un assez grand nombre de mots techniques, ils sont d’une lecture malaisée et souvent incompréhensible à la plupart des infirmiers. Il importait donc de mettre en leurs mains un outil plus facilement utilisable.

C’est à ce travail que s’est adonné Mr le Médecin auxiliaire Hoat, soucieux d’être à la fois utile aux malades et à ceux qui les soignent. Les infirmiers y trouveront après une revue rapide des devoirs qui leur incombent un exposé claire succinct des différentes médications qu’ils auront à appliquer.

Conçu et écrit au contact des nécessités quotidiennes de la vie d’hôpital, ce manuel représente, on peut le dire, ce qu’il est nécessaire de bien connaître pour devenir un bon infirmier. Aussi je ne doute pas qu’il ne trouve auprès d’eux le succès que mérite le travail consciencieux et désintéressé de mon distingué et cher collaborateur.

Dr. HERMANT.” [Tổng thanh-tra Y-tế Đông-Dương] ghi chú của tác giả

*Bản dịch tiếng Việt (Traduction de la préface) trong *Y-sinh chỉ nam*:

“Quyển sách này cần-thiết đã lâu. Sở-dĩ làm ra là vì đã nhiều phen tăng trông thấy mấy thầy y-sự không có sách thích-dụng để đọc cho biết phương-pháp, nên dầu có lòng nhiệt-thành muốn làm cho xứng chức mà không thể nào làm được như-ý sở nguyện. Vẫn biết rằng các thứ sách nói về khoa điều-hộ xuất hiện đã nhiều, nhưng hiềm-vì những sách ấy làm bằng chữ pháp lại dùng nhiều tiếng riêng khó hiểu, mấy thầy y-sự phần nhiều không thấu triệt được hết nghĩa lý; vậy nên cần phải có một quyển sách cho vừa dùng hơn.

Nay ông Hoát đã hết sức kê cứu làm ra bản sách này, trước là có ý ích cho người săn-sóc kẻ đau, sau lại ích cho người đau nữa. Xem sách này thì mấy thầy sẽ hiểu rõ nghĩa-vụ của mình và sẽ biết những cách chữa bệnh thường ngày gặp.

Quyển sách này, tác-giả xem xét công việc cần-dùng hằng ngày trong nhà thương mà làm ra, nên tôi thiết tưởng rằng có thể dạy cho mấy thầy y-sự những điều cần phải biết mới tinh được nghề mình.

Vậy tôi chắc rằng mấy thầy y-sự sẽ hăm-hở đọc quyển sách này, mà người phụ-tá quý trọng và thân-thiết của tôi đã cố công làm ra.”

Tập sách *Y-sinh chỉ nam* gồm những chương chỉ dẫn về bồn phận đối với người bệnh, bồn phận đối với thầy thuốc, đối với bà con người bệnh, giữ vệ sinh cá nhân của mình và cho người bệnh trong khi làm việc ở nhà thương đến khi về nhà, giữ sạch sẽ buồng của bệnh nhân, biết cách hỏi bệnh khi bệnh nhân vào nhà thương, biết cách chăm sóc và giữ gìn vệ sinh cho bệnh nhân nằm nhà thương, để ý việc ăn uống của bệnh nhân, cho bệnh nhân uống thuốc, cách rửa tay, cho thuốc mê, v.v...



Ngày Nay số 4

Đối với những ai đã từng du học ở Pháp hoặc đi qua khu phố Tây ở các tỉnh thành nước Việt, ai cũng công nhận rằng tình trạng vệ sinh của người Việt cần phải được quan tâm đến. Qua nhãn quan của y sĩ Trần Đình Nam, người dân quê sống không một chút vệ sinh nào. Ông nhận thấy bao nhiêu bệnh tật của người mình sinh ra từ chỗ thiếu vệ sinh.

Ông bảo hãy thử nhìn nơi sinh sống hằng ngày của người dân quê thì rõ: trong túp lều tranh, ông đã thấy “lũ trẻ trần truồng chơi trước cửa, mình mảy lấm láp những dất, người mẹ thời sót rét run cầm cập, nằm rên trong xó nhà. Cả nhà có một cái giường, đưa con gái lớn dọn com đặt mấy cái bát trên giường; người cha thời mắt lồm vào, bụng phình ra, đương lợp những chỗ hồng trên mái tranh. Cái túp thấp lè tè, chỉ có mấy cái phên che gió lạnh đục. Ngay cạnh đấy thời bò lợn lằm lầy trong đồng gio bản...”

Kể cả những nhà gọi là khá hơn, cảnh tượng cũng không khác mấy. Ở đâu ông cũng thấy “trẻ con dơ dáy, người lớn xanh xao, đồ ăn hôi hám, quần áo mốc meo, góc nhà đầy những rác, ruồi muỗi khắp mọi nơi, buồng chái chật hẹp, cửa chớp đóng im, trông cái cảnh lang tạ, vào đến nơi mà ngót.” (*Nam Phong* février 1923)

Trần Đình Nam đã biết đến việc tổ chức Âu-trĩ-viên của hội Khai-trí Tiến-đức, những sự cổ động về thể thao thể dục, việc lập những phòng chẩn bệnh của cơ quan y tế. Ông tin rằng mọi việc này có thể đạt được kết quả tốt đẹp hơn nếu phép vệ sinh được truyền bá. Thời bấy giờ, số người biết quốc ngữ đã nhiều nhờ tiếng Việt được dạy ở các lớp bậc tiểu học. Trần Đình Nam đề nghị ra một tờ báo phổ thông về vệ sinh, bán giá rất rẻ, in rất nhiều để truyền bá được khắp mọi nơi. Ông kêu gọi những người có lòng đối với đất nước, nhất là những người trong giới y sĩ đã từng học ở Pháp và biết những gì đoàn thể y sĩ Pháp đã làm cho dân của họ, cùng chủ trương ra một tờ báo để truyền bá phép vệ sinh.

Sau khi du học ở Pháp về, Nguyễn Tường Tam – còn được biết với bút hiệu Nhất Linh – có cơ hội đi cùng mẹ và em gái một chuyến du lịch từ Bắc vào Nam. Đi tới đâu, Nguyễn Tường Tam cũng kêu “nước mình chậm tiến quá, hằng bao nhiêu thế kỷ cũng chả có gì thay đổi.” Bất ngờ trong chuyến đi này, ông đã nhìn thấy một kiểu nhà làm bằng vật liệu bản xứ: tre và rom, nhưng trông gọn gàng khéo léo. Hẳn ông đang nghĩ đến một kiểu nhà mới cho người mình?

Không chỉ riêng ông, bất cứ thanh niên tân học nào cũng có thể nhận ra sự khác biệt về cách ăn ở của người Việt và người nước ngoài. Trong số họ có nhiều người mong muốn làm được một điều gì để thay đổi đời sống của người dân.

Đó là lý do chính khiến cho Hội Ánh Sáng ra đời. Ngày 16 tháng 8 năm 1937, tại Nhà Hát Lớn (Hà-Nội), Nguyễn Tường Tam đã đọc một bài diễn văn về ý nghĩa xã hội của Hội Ánh Sáng. Mục đích của Hội không ngoài việc thay đổi cho xã hội tốt đẹp và việc làm đầu tiên của Hội là làm nhà cho dân nghèo và thợ thuyền ở. Nguyễn Tường Tam nhận xét “chín phần mười nhà An-nam ta là nhà hang tối”. Ông muốn cho người dân nghèo hiểu rằng tuy nghèo nhưng người ta vẫn “có cách sống một đời đáng sống”, “không cần phải tốn nhiều tiền đổi thành một căn nhà sáng sủa, sạch sẽ, có cả vẻ mỹ thuật nữa.” (*Ngày Nay* số 74, 29 août 1937)

Hội Ánh Sáng chú trọng vào việc làm thay đổi quan niệm của người dân nghèo, muốn cho họ hiểu là họ cần và có thể cải thiện đời sống vật chất của họ, cho họ biết rằng “những cái về vật chất là những cái cần thứ nhất trong đời họ”.

Công việc của Hội là làm sao tìm ra “một nền mỹ thuật bình dân, rẻ tiền nhưng vẫn là mỹ thuật” và giúp người dân nghèo hiểu rằng họ có quyền được hưởng “cái vui thú sống một đời tuy nghèo nhưng vẫn đẹp đẽ, tươi sáng.” Hội tự giới hạn trong mục đích sau: “Dựng nhà cho dân nghèo ở, và tìm tòi một lối kiến trúc mới có thể làm kiểu mẫu được cho những dân nghèo khác. Tìm tòi những cách ăn ở mới, một nền mỹ thuật bình dân và bảo ban, khuyên dạy họ cho họ biết, họ hiểu, họ làm gương cho người khác để nâng cao cái mực sống của dân lên ngang hàng với mực sống của dân các nước văn minh.”

Châm ngôn của Hội Ánh Sáng là “Xã Hội, Nhân Đạo, Cải Cách”.

Hội Ánh Sáng gồm những người trí thức trẻ như nhà văn Hoàng Đạo Nguyễn Tường Long, nhà văn Nguyễn Tường Phượng, luật sư Vũ Đình Hoè, giáo sư Tôn Thất Bình, nhà văn Khái Hưng Trần Khánh Giur, họa sĩ Tô Ngọc Vân, trong đó nhà văn Nhất Linh Nguyễn Tường Tam hiển nhiên là người quan trọng nhất trong việc cổ động anh em trẻ. Hội có sự tham dự của hai kiến trúc sư Nguyễn Cao Luyện và Hoàng Như Tiếp, giúp việc vẽ miễn phí kiểu mẫu nhà và cắt nghĩa cách thức xây cất. Hội kêu gọi sự đóng góp của các hội viên, chính phủ bảo hộ trợ cấp, tiền của các nhà hảo tâm tặng, tổ chức những buổi văn nghệ gây quỹ.



Ngày Nay số 82

Vũ Văn Cận trong ban Truyền-bá Vệ-sinh và Tân-y-học của Tổng-hội sinh viên trường Đại-học Đông-Dương đã đưa ra một chương trình tổ chức vệ sinh ở thôn quê: thành lập ban khảo sát các vấn đề vệ sinh trong làng và lập thống kê; lập ban vệ sinh; lập ban trông nom tiểu nhi và sản phụ; lập ban y tế; mở lớp huấn luyện nhân viên vệ sinh. (“Vệ-sinh ở thôn quê”, *Thanh-Nghị* số 15, 16 juin 1942)

Bác sĩ Vũ Văn Hòe viết về “Trách nhiệm cha mẹ đối với sức khoẻ của con cái” (*Thanh-Nghị* số 35, 16 avril 1943). Ông nói rằng lúc chưa có con thì cha mẹ phải tự ngăn ngừa những chứng bệnh phong tình như giang mai, lậu, không uống rượu và hút thuốc phiện; khi có con thì phải giữ vệ sinh, cho con cái ăn uống bổ dưỡng và điều độ, ở nơi thoáng mát, tránh xa những người bị bệnh truyền nhiễm như bệnh lao; khi con có bệnh, không nên “đi lễ thần cúng thánh” mà nên tìm đến các thầy thuốc Tây-y.

Nguyễn Trinh Cơ, lưu trú sinh viên tại bệnh viện Yersin Hà-Nội viết về mục đích và chương trình “truyền-bá vệ-sinh và phổ-thông y-học” (*Thanh-Nghị* số 57, 11 mars 1944)). Tác giả cho biết rằng nguyên nhân gây ra mọi chứng bệnh là ở sự “tối tăm mê muội” của người dân: không biết vệ sinh là gì, sống bừa bãi cầu thả, nước uống không lọc không đun sôi, nhà ở xây ngay cạnh chuồng lợn, khi bị bệnh thì không đến nhà thương, v.v... Theo một cuộc điều tra và thống kê của bác sĩ Nguyễn Xuân Nguyên thì tuổi thọ trung bình của người dân quê Việt Nam vào khoảng 25, 26 tuổi, vào lúc mà người ấy có thể có sức lực đóng góp nhiều nhất cho xã hội và gia đình. Sức khoẻ người dân ảnh hưởng rất lớn đến tương lai dân tộc. Người dân bị bệnh tật

hoặc chết yếu chỉ vì họ không được học và không được biết đến những cách để bảo vệ mạng sống.

Để giúp dân chúng hiểu về bệnh lao, bác sĩ Lê Văn Ngôn đã viết một quyển sách giảng giải về bệnh lao và cách chữa trị. Sách được giải thưởng của hội Khuyến-học ở Sài-Gòn. Bác sĩ Nguyễn Đình Hoàng cũng ra một quyển sách có tên là *Bệnh lao y học phổ thông* trong đó ông nói về lịch sử bệnh lao, vi trùng lao, cách lan truyền, cách trị bệnh và làm sao bài trừ bệnh lao. (*Thanh-Nghị* số 118, 28-7-1945)

ĐÃ CÓ BÁN

Một quyển sách mà ai ai cũng mong chờ, cũng nên đọc đây là người mạnh, người phổi yếu, người bị lao.

BINH HO LAO

nhiệm vụ phương pháp ngừa lao, săn sóc người phổi yếu và tiếp dưỡng người bị lao của

BÁC-SĨ LÊ-VĂN-NGÔN

TỔNG PHÁT HÀNH:

Hanoi: Hiệu sách Đông-Tây 135 Hàng Bông

Saigon: Nhà sách Nguyễn Khánh-Đàm, 12 Rue Saurourain.

Có in ít bản giấy đẹp hảo hạng. Xin mua trước nơi Quy Nguyễn Khánh-Đàm.

GIỚI THIỆU.

BINH HO LAO của Bác-sĩ Lê-văn-Ngôn là quyển sách rất cần cho các gia-tình, trong mấy tuần bác-sĩ Lê-văn-Ngôn đã cho ta biết những phương-pháp ngừa lao, săn sóc người phổi yếu và tiếp dưỡng cho người bị lao.

Thật là một quyển sách rất có ích vì đến đây bệnh lao là một chứng bệnh thuộc về « từ chứng nan y » nên những sách nói về bệnh ấy vẫn có ích cho nền khoa học xứ này.

Sách in đẹp, dày hơn 300 trang do Nguyễn-Khánh-Đàm 12 Rue Saurourain Saigon lòng phát hành và hiệu sách Đông-Tây 135 phố Hàng Bông Hanoi đứng đại lý.

Tri Tân xin mừng Bác-sĩ Lê-văn-Ngôn đã đem sở học giúp ích cho khoa-học và xin vui lòng giới thiệu quyển « **bệnh ho lao** » với độc giả thân yêu.

Tri-Tân số 83 và số 87 , 1943

ĐÃ CÓ BÁN

VIỆT NAM VĂN-HỌC SỰ YẾU

DƯƠNG QUẢNG HAM Giáo sư trường Trung Học Bảo Hộ Hà-nội - 500 trang khổ lớn 15x22

DANH TỪ Y HỌC (TẬP A VÀ B)

PHẠM KHÁC QUẢNG Y-khoa Bác-sĩ - LÊ KHÁC THIÊN Ngoại-trú Y-sinh

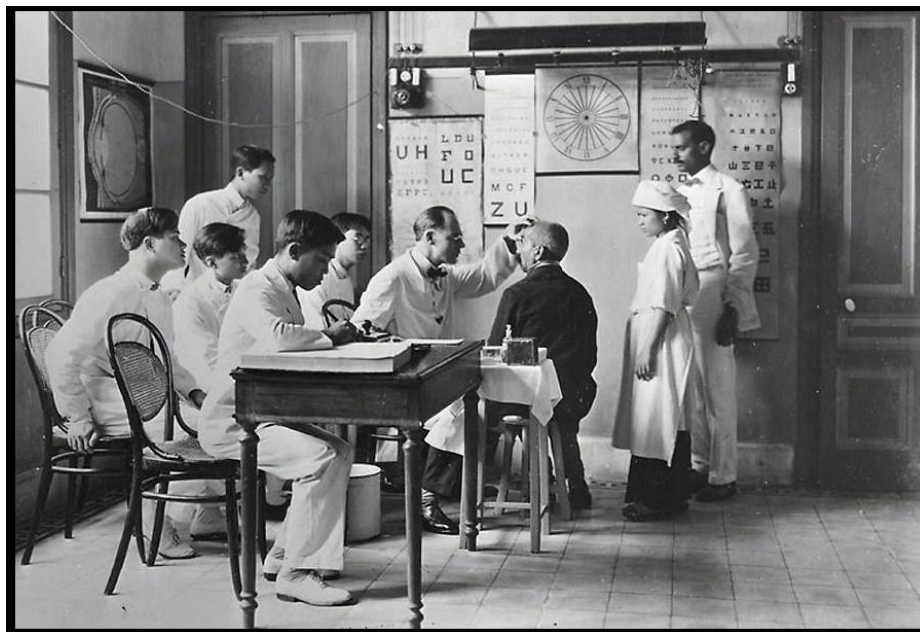
ĐẠI NAM HÌNH PHÁP

LÊ TRUNG CHÁNH Luật-khoa Tiến-sĩ Thâm Phán tại tòa Thượng-thẩm H. 1.35) trang khổ 13x20

Nhà in **XUÂN THU, 214, Hàng Bông - Hanoi**

Tri-Tân số 170, 14 Décembre 1944

*



Một buổi khám mắt – 1921



LUNETTERIE MY-KHOUAN

Đông-Pháp Thời-báo 19 Juin 1928

Phụ Lục A

Sau đây là tiểu sử một số y sĩ và bác sĩ trong thời thuộc Pháp mà chúng tôi đọc thấy trong khi viết bài biên khảo này. Phần phụ lục chỉ sơ lược đưa ra một số ví dụ điển hình về các y sĩ và bác sĩ tốt nghiệp và hành nghề ở Đông-Dương vào những thập niên đầu của thế kỷ thứ 20.

* Y sĩ **Lê Văn An** sinh năm 1881 ở Thiêng-Đức (Vĩnh-Long, Nam-kỳ). Tốt nghiệp trường Y Đông-Dương ở Hà-Nội năm 1908. Được bổ làm y sĩ phụ tá tại nhà thương tỉnh Cần-Thơ (Hôpital provincial de Cần-Thơ) năm 1908. Được giao nhiệm vụ phòng ngừa các bệnh dịch hạch, dịch tả và đậu mùa tại miền nam Trung-kỳ năm 1914. Trong thời gian từ năm 1914 đến năm 1924, ông trở về phục vụ tại nhà thương tỉnh Cần-Thơ, làm việc tại nhiều trạm cứu thương của tỉnh, trông coi khu vực điều trị các bệnh nhân bị bệnh truyền nhiễm ở Nhà-Bè (Gia-Định), điều hành Sở Vệ-sinh của tỉnh Gò-Công. Từ năm 1924 đến năm 1933, ông điều hành bệnh viện Tân-Định (Sài-Gòn). Thời gian này, ông tích cực phổ biến những ích lợi của nền y khoa Tây phương đến dân chúng, được nhớ đến là một y sĩ tận tâm với chức nghiệp và có lòng nhân hậu đối với người nghèo.

* Bác sĩ **Nguyễn Văn Thịnh** sinh năm 1888, đỗ thủ khoa của trường Y Dược Hà-Nội năm 1907. Ông sang Pháp học tiếp tại Đại học Y khoa Paris, nội trú các bệnh viện Paris, làm việc tại Viện Pasteur Paris, viết luận án trong thời gian này và tốt nghiệp tiến sĩ y khoa. Ông hoạt động trong chính trường Nam-kỳ trong thời gian lâu dài và được chính phủ Trần Trọng Kim (1945) ủy thác việc cứu đói cho đồng bào miền Bắc (nạn đói năm Ất Dậu).

Tháng Năm năm 1946, Hội-đồng Tư-vấn (Conseil consultatif) Nam-kỳ ủy cho bác sĩ Thịnh ký bản hiệp ước Pháp – Nam-kỳ (convention franco-indochinois). Ngày 30-5-1946, cao ủy d'Argenlieu công nhận nước Cộng-hòa Nam-kỳ là một quốc gia tự do có chính phủ, quốc hội, quân đội, tài chính riêng, là thành phần của Liên-hiệp Đông-Dương và Liên-Hiệp-Pháp. Ngày 1 tháng Sáu năm 1946, tại khuôn viên Pigneau de Béhaine, nền Cộng-hòa Nam-kỳ tự-chủ được tuyên bố trước dân chúng. Bác sĩ Nguyễn Văn Thịnh là chủ tịch chính phủ và bộ trưởng bộ Nội vụ. Phó chủ tịch và bộ trưởng bộ Quốc phòng Nội vụ là đại tá Nguyễn Văn Xuân.

*Bác sĩ **Trần Như Lâm** sinh năm 1896 ở Minh-Lương (Rạch-Giá). Sau khi tốt nghiệp trường Cao-đẳng Y Dược ở Hà-Nội năm 1922, ông được sang Pháp học tiếp. Ông có các bằng về Stomatologie (khẩu-bệnh-học) năm 1926, bằng Electro-Radiologie (điện-quang liệu-pháp) năm 1928 của Đại học Paris. Ông đỗ tiến sĩ y khoa năm 1928 với luận án “Etude radiologique de la situation et des rapports de l'estomac normal”.

Ông được bầu làm nghị-viên tư-vấn thuộc-địa (Conseiller Colonial) trong các niên khóa 1930-1934, thuyết trình viên về Ngân-sách, đại diện Đông-Dương trong Ủy-ban Tài-chính ở Paris (Commission Monétaire de Paris) năm 1933-1934.

*Bác sĩ **Nguyễn Xuân Chữ** sinh năm 1897 tại xã Phù-Long, huyện Mỹ-Lộc, tỉnh Nam-Định (Bắc-kỳ). Ông học trường trung học Bảo-Hộ ở Hà-Nội và tốt nghiệp trường Y Dược Kiêm-bị năm 1925. Ông được bổ vào tổ chức y tế thời ấy ở Bắc-kỳ là “Brigade Mobile d’Hygiène et de Prophylaxie” (Đội Lưu Động Vệ Sinh và Phòng Ngừa). Ông sinh hoạt chính trị từ khi còn là sinh viên, đã có lúc là đảng viên đảng Phục-Việt.

Ông qua đời ngày 4-12-1967 ở Sài-Gòn khi đang là chủ-tịch Hội-đồng Quản-trị Viện Ung-thu Quốc-gia.

* Bác sĩ **Vũ Ngọc Anh** sinh năm 1901 ở Hà-Nội, học sinh trường Puginier và Albert Sarraut, tốt nghiệp năm 1922 với bằng Danh-dự của trường, vào học tại trường Cao-đẳng Y Dược ở Hà-Nội, rồi sang Pháp tiếp tục học ở Đại học Y khoa Paris và đỗ tiến sĩ y khoa năm 1928, được xếp hạng nhì trong số 40 thí sinh năm 1928, với hạng tối ưu (très honorable), luận án tiến sĩ viết về “La chique de bétel en Indochine” (Miếng trầu ở Đông-Dương).

Ông về nước, làm việc cho bộ Y tế và cố vấn liên bang. Ông viết một bài nói về việc chủng đậu đặt trong trách nhiệm các bà mẹ, được sở Y tế địa phương cho in và phát hành trong tất cả các tỉnh Bắc-kỳ. Năm 1939, ông được cử làm đại biểu Đông-Dương đi dự hội nghị về bệnh sốt rét do Hội Quốc-Liên tổ chức tại Mã-Lai. Năm 1940, ông là thành viên trong Hội Tư Vấn Kinh Tế và Tài Chánh Đông-Dương. Tháng Ba năm 1945, sau khi Nhật đảo chánh chính phủ thuộc địa, Đế Quốc Việt Nam được thành lập. Bác sĩ Vũ Ngọc Anh được mời làm bộ trưởng bộ Y tế và Dân Sinh trong chính phủ Trần Trọng Kim. Trong lần ra Hà-Nội của nội các Trần Trọng Kim vào tháng Bảy năm 1945 để thu xếp việc thu hồi các công sở của chính phủ, bộ-trưởng Vũ Ngọc Anh đi quan sát các bệnh viện ở Thái-Bình, tử nạn vì bị trúng bom đạn của máy bay Hoa-kỳ. Tổng-trưởng nội-các Trần Trọng Kim đã viết về mục đích chuyến đi của nội các và về bác sĩ Vũ Ngọc Anh như sau trong hồi ký *Một Con Gió Bụi*:

“Tôi ra Hà Nội, cùng đi có các ông Hoàng Xuân Hãn Bộ Trưởng Bộ Giáo Dục, ông Vũ Văn Hiến Bộ Trưởng Bộ Tài Chánh, ông Vũ Ngọc Anh Bộ Trưởng Bộ Y Tế, đề phòng khi điều đình được ổn thỏa, sẽ lấy lại các công sở.

Đi lúc bấy giờ rất khó khăn, ngày đêm tàu bay Mỹ sang đánh phá phải đêm đi ngày nghỉ. Ra đến Hà Nội được mấy ngày ông Vũ Ngọc Anh đi về Thái Bình thăm nhà và xem những bệnh viện vùng ấy, rồi đến khi trở về gần Bản Yên Nhân, bị tàu bay Mỹ bắn chết.

Thế là trong nội các mất một ông Bộ Trưởng rất tận tâm về việc nước, và chúng tôi mất một người bạn hòa nhã và trung thành.”

*Bác sĩ **Đặng Vũ Lạc** sinh năm 1902 ở Hành-Thiện (Nam-Định), cháu của tổng-đốc trí-sĩ Hoàng Huân Trung, gọi tổng-đốc Hoàng Huân Trung là cậu. Bác sĩ Lạc và bác sĩ Hoàng Cơ Bình là hai anh em họ, con cô con cậu. Ông đỗ tú tài Pháp năm 1921, và tiến sĩ y khoa năm 1927 với luận án được chấm điểm cao. Bác sĩ Lạc làm việc cho chính phủ bốn năm (1928-1932), sau đó ra mở phòng mạch tư: Clinique Henry-Coppin tại Hà-Nội. Ông là thành viên Hội-đồng Cố-vấn thành-phố, chủ tịch Hội Thể-thao Việt-Nam. Ông tham gia hoạt động chính trị, phụ tá đảng

trưởng Đại-Việt Quốc-Dân-Đảng Trương Tử Anh điều hành xứ-bộ miền Bắc. Ông mất năm 1948.

*Bác sĩ **Trần Quang Đệ** sinh năm 1905 tại Mỹ-Long (Sa-Đéc), học Trung-học ở Chasseloup-Laubat (Hà-Nội) và Toulon (Pháp). Ông học chứng chỉ PCB (Sinh Lý Hóa) ở Marseille và được nhận vào Trường Y khoa ở Paris. Ông là cựu nội trú các nhà thương ở Paris trong các năm 1932-1936. Ông tốt nghiệp tiến sĩ y khoa chuyên ngành phẫu thuật sau khi trình luận án năm 1935 với đề tài: “Tumeurs à myélopaxe des synoviales articulaires”. Trở về nước, ông làm bác sĩ giải phẫu trong bệnh viện Lalung-Bonnaire. Năm 1947, bác sĩ Đệ phụ tá giáo sư Massias điều hành chi nhánh Y khoa Sài-Gòn của Đại học Hồn hợp Y Dược ở Hà-Nội đồng thời thành lập khu Bệnh lý phẫu thuật A tại bệnh viện Chợ Rẫy. Năm 1948, bác sĩ Đệ và bác sĩ Phạm Biểu Tâm là hai vị bác sĩ Việt Nam đầu tiên đậu thạc sĩ (Agrégé) ở Paris.

*Bác sĩ **Phan Huy Quát** sinh năm 1908 ở Hà-Tĩnh, tốt nghiệp trường Y Hà-Nội năm 1936. Ông được bổ vào chức vụ bộ-trưởng bộ Giáo-dục (1950) và bộ-trưởng bộ Quốc-phòng (1950-1954) trong chính phủ Quốc-Gia Việt-Nam (1949-1955). Sau hiệp-định Genève (1954), ông vào Sài-Gòn. Năm 1965, sau đảo chính và chỉnh lý của các quân nhân, chính phủ dân sự thành hình với chủ tịch Thượng Hội đồng Quốc gia Phan Khắc Sửu làm quốc-trưởng và bác sĩ Phan Huy Quát làm thủ-tướng. Sau tháng Tư năm 1975, ông và gia đình không di tản. Ông tìm cách vượt biên nhưng không thành, bị bắt giam vào khám Chí-Hòa và mất năm 1979.

*Bác sĩ **Hoàng Cơ Bình** sinh năm 1909 ở Hà-Nội, tốt nghiệp trường Y Dược Hà-Nội năm 1933, sang Pháp học tiếp y khoa và trình luận án ở Faculté de Médecine ở Paris năm 1935, chuyên môn về khẩu-bệnh-học (stomatologie). Sau đó bác sĩ Bình về nước, mở phòng mạch tư ở Hà-Nội. Bác sĩ Bình sáng lập và làm giám đốc công ty khai thác mỏ than Société indochinoise des Charbonnages de Bắc-Hạ. Trong thời gian từ năm 1950 đến năm 1954, bác sĩ Bình làm chủ nhiệm kiêm chủ bút nhật báo *Giang-Son* qua bút hiệu Thái-Vân. Năm 1951, ông làm chủ-tịch Tiểu-ban Bắc-Việt Nghiên-cứu Quốc-Hội. Năm 1953-1954, ông làm phó chủ-tịch Nhóm Thống-Nhất, hội viên dân cử Hội-đồng thành phố Hà-Nội. Năm 1954, ông được cử làm Đại-diện Chính-phủ (Quốc-Gia Việt-Nam) đảm nhiệm chức vụ chủ-tịch Ủy-ban Bảo-vệ Bắc-Việt.

Sau hiệp định Genève (1954), bác sĩ Bình và gia đình vào Sài-Gòn sinh sống.

Năm 1964, ông là chủ-tịch sáng lập Khối Xã-hội Dân-chủ.

Năm 1965, ông cùng các chiến hữu miền Nam, Nùng, Thổ, sáng lập Khối Quốc-Gia Chống Cộng. Cùng năm, ông đắc cử vào Hội-đồng Đô-thành.

Năm 1967, bác sĩ Bình ra ứng cử tổng-thống trong liên danh “Xã Hội Dân Chủ” nhưng không thành công.

Sau tháng Tư năm 1975, bác sĩ Hoàng Cơ Bình bị đi tù cải tạo; nhờ giáo sư Hoàng Minh Giám can thiệp, bác sĩ Bình ra khỏi trại năm 1977 nhưng không được về Sài-Gòn với gia đình mà bị quản thúc ở quê nhà là làng Vẽ (Đông-Ngạc) nơi có từ đường họ Hoàng. Bác sĩ Bình tạ thế ngày 30-10-1988 và được an táng tại nghĩa trang họ Hoàng ở làng Vẽ.

*Đặc biệt thời gian này khi mà hầu hết y sĩ là nam giới, nữ bác sĩ đầu tiên là bà **Henriette Bùi Quang Chiêu**, sinh năm 1906 tại Hà-Nội, thứ nữ của giáo sư Nông-học (agronome) và chính khách Bùi Quang Chiêu. Bà được gia đình cho sang Pháp học năm 15 tuổi, đậu tú tài Pháp và được nhận vào trường Y khoa ở Paris năm 1926. Bà tốt nghiệp tiến sĩ y khoa năm 1934 và trở về nước năm 1935. Bà chuyên về sản khoa và nhi khoa, được bổ làm trưởng khoa Hộ sinh cho bệnh viện sản khoa ở Chợ-Lớn. Ngoài việc làm tại bệnh viện, bà còn mở lớp huấn luyện các cô đỡ. Bà làm chủ ngôi biệt thự ở số 28 đường Testard (Trần Quý Cáp, Sài Gòn) mà bà dùng làm dưỡng đường sản phụ khoa. Sau Hiệp-định Genève năm 1954, bà tặng dưỡng đường cho chính phủ Quốc-gia Việt-Nam làm trường Đại-học Hỗn-hợp Y Dược (Faculté mixte de Médecine et de Pharmacie).



Bác sĩ Henriette Bùi
Tân Văn Tuần Báo 18 Août 1934



Souverains et Nobilités d'Indochine

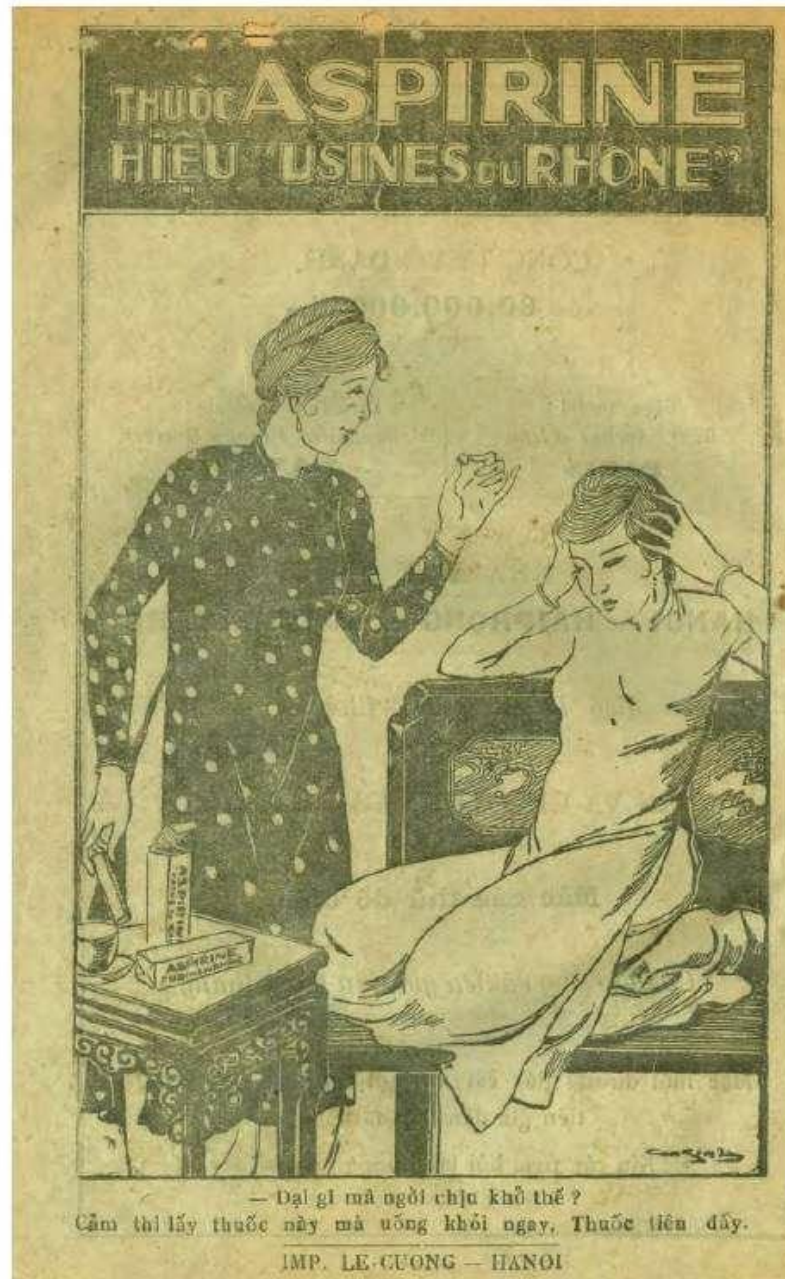


*Nữ bác sĩ **Lê Thị Hoàng**, sinh năm 1910 ở Thạch-Hãn (Quảng-Trị), học Collège Đồng-Khánh (Huế). Bà sang Pháp học tiếp trung học và y khoa tại Pháp (1933-1937), tốt nghiệp tiến sĩ y khoa năm 1937 với luận án: “Protection de l’Enfance en Indochine – essais étude médico-sociale”. Bà có bằng tốt nghiệp về các ngành: médecine coloniale (y học thuộc địa), vệ sinh (hygiène), nhi khoa (puériculture), y tế học đường (médecine scolaire), sản phụ khoa (gynécologie), giải phẫu cấp cứu (chirurgie d’urgence). Bà trở về Việt-Nam năm 1937, làm việc tại các nhà thương ở Tourane, Huế, và có phòng mạch tư ở Sài-Gòn vào năm 1940.

*Nữ bác sĩ **Hồ Vĩnh Ký** nữ danh Nguyễn Thị Sương, sinh năm 1910 ở Gò-Công (Nam-kỳ). Bà vào học Collège des Jeunes Filles indigènes ở Sài-Gòn năm 1924. Năm 1927, bà được gia đình cho đi sang Pháp học ở Lycée de Versailles, tại Nice và Aix-en-Provence. Bà thi đậu Bac II về triết học. Bà ghi danh học chứng chỉ P.C.N. (dự bị y khoa) tại Paris và năm sau bà được nhận vào Đại học Y khoa Paris và học đến năm 1934. Gia đình gọi về và cho bà ra Hà-Nội

học Y khoa năm 1935 và đỗ tiến sĩ y khoa năm 1940 với luận án: “Statistique de rupture de grossesse tubaire”.

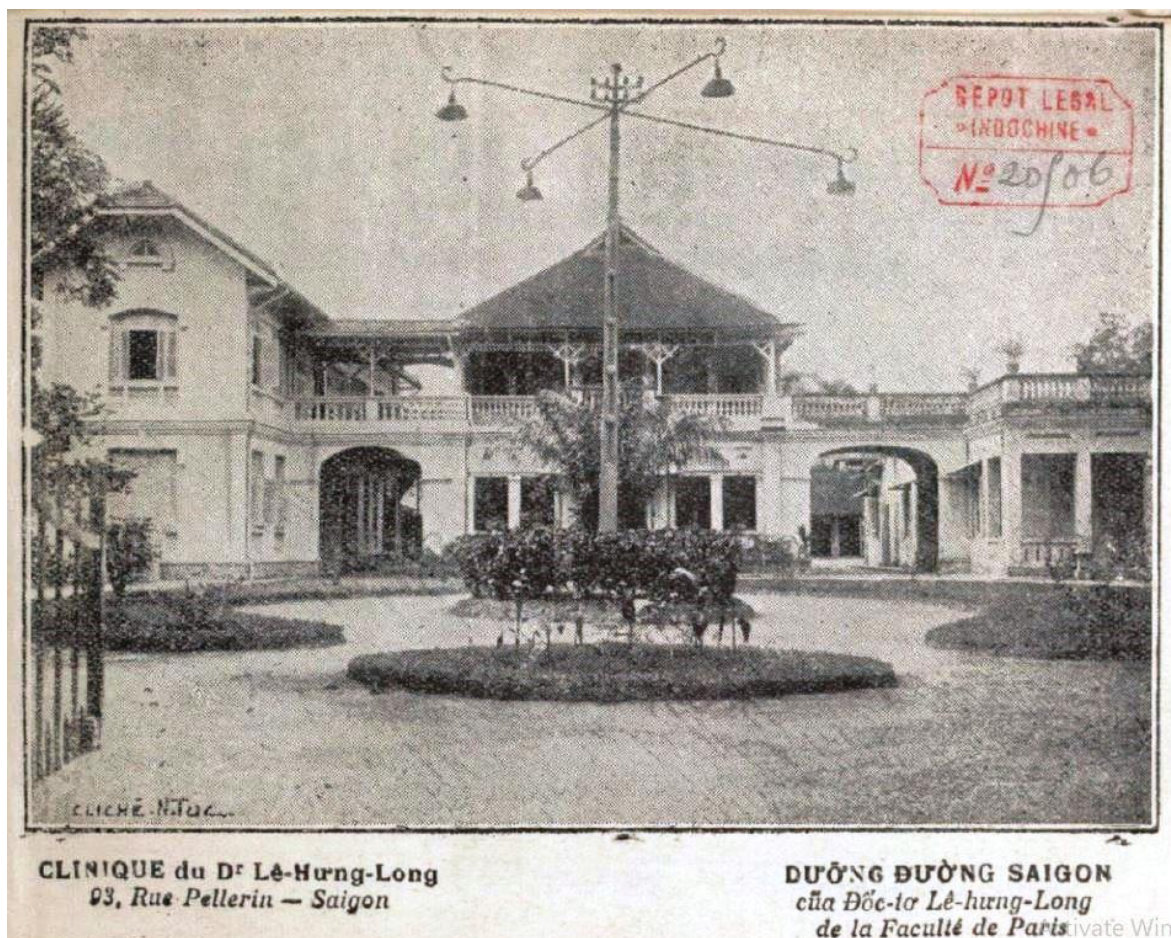
Bà tham gia hoạt động chính trị và xã hội ở Nam-bộ. Cuối tháng 7 năm 1945, bà lãnh đạo Phụ-Nữ Tiên-Phong, một hoạt động xã hội tương đương với Thanh-Niên Tiên-Phong lúc bấy giờ dành cho phụ nữ.



Từ Dân Văn Uyển 1er Septembre 1940

Phụ Lục B

Clinique du Dr Lê-Hung-Long
Dưỡng-Đường Saigon



Đang khi du học ở Paris về ngành Y, bác sĩ Lê Hưng Long đã có cơ hội quan sát nhiều nhà thương tại Paris và London. Từ đó ông mang hoài bão lập “một nhà thương riêng” của người Việt “xứng đáng với kinh đô Saigon”. Dưỡng-Đường Saigon được quảng cáo là trang bị bằng những dụng cụ mới mẻ, xây trên khu đất kang trang, khoáng đãng của thành phố và hợp với tiêu chuẩn vệ sinh.

Bệnh viện chia ra: phòng khám bệnh, lầu bên trái có 20 phòng dưỡng bệnh và lầu bên phải là phòng mổ trang bị máy móc hiện đại. Lầu phía sau dành cho bệnh nhân bị bệnh truyền nhiễm. Phòng khám bệnh mở hằng ngày để khám bệnh và cho toa thuốc. Bác sĩ Long có nhận đi thăm bệnh tại nhà trong trường hợp bệnh nhân không đến được bệnh viện.

Kề sơ những bệnh điều trị trong Dưỡng-Đường Saigon :

A.— *Các bệnh phổi, ho lao v. v.*

Có máy riêng bơm hơi trong phổi (*pneumothorax artificiel*), chích thuốc, rút nước, mũ, máu trong lá phổi. Mổ và cắt gân phổi. Tiếp dưỡng các bệnh đau phổi. Ho lao, thổ huyết, suyễn, sưng phổi đều trị bằng cách thức kim-thời (Rọi kiên, thử đám, v. v.).

B.— *Bệnh trái tim*

Có đồng hồ đo sức mạnh trái tim, đo mạch máu. Các bệnh trái tim hoặc mới hoặc lâu năm đều trị dặng hết.

C.— *Bao tử, ruột, gan*

Đau, nhức, sưng bao tử, mửa mật xanh v. v. ung độc cùng lở bao tử. Dưỡng-đường Saigon có máy rút nước trong bao tử và rửa bao tử.

Gan nở lớn cùng rút nhỏ, có mũ trong lá gan, đau gan, vàng da. Sưng ruột, ruột dư sưng, đau trĩ, kiết nặng, v. v.

Dưỡng-Đường của Đốc-tơ LÊ-HUNG-LONG; 93 đường Pellerin, Saigon

D.— *Các bệnh về đường tiêu-tiến đàn-ông và đàn-bà. Đau thận, cát, bọng dái, ngọc-hành...*

Có kiến soi bọng dái và đường tiêu. Đi tiểu đường, có đá trong bọng dái hay đi tiểu có cát sạn, sưng bọng dái, bí dái v. v.

E.— *Bệnh phong-tinh*

Dương mai, lậu, di-tinh, mộng-tinh v. v. Trị theo kim-thời không đau đớn chi cả; mũ mau dứt. Có máy điện đốt trong ngọc hành và trong tử-cung.

F.— *Bệnh ngoài da*

Lở, ung-độc, bạc-dầu, đơn, phung, đời v. v.

G.— *Bệnh đàn-bà và bệnh về thai nghén:*

Thuộc về tử-cung như sữa tử-cung cho thai nghén, ung độc tử-cung v. v. huyết bạch, mổ tử-cung, nạo tử-cung.

H.— *Nội khoa*

Đau ban : ban bạch, ban đen, ban đỏ ; trái đậu, rét rừng, đẹn khóa v. v. Bồn thân bác-sĩ Lê-hung-Long khám bệnh, từng mạch và cho thuốc.

Dưỡng-Đường của Đốc-tơ LÊ-HUNG-LONG; 93 đường Pellerin, Saigon

I.— *Những bệnh mỗ.*

Nếu nhằm bệnh cần phải mỗ thì mỗ tại bệnh-viện chớ không có đem đi nơi khác. Nơi đây có đủ đồ mỗ và xem sóc hằng-hỏi không hề xảy ra việc chi thiệt hại.

NHÀ MỠ TRONG DƯƠNG-ĐƯƠNG SAIGON

Nhà mỗ rộng-rải, các cửa đều lọng kiến không có chút gió bụi lọt vào. Đồ đạc, kềm, kéo, dao mỗ v. v. đều hấp hơi lên tới 170 nhiệt độ, cho đến bông gòn cũng hấp hơi kỹ lưỡng lắm.

Mỗi khi có mỗ-xẻ thì *chính tay bác-sĩ Lê-Hưng-Long* mỗ, người chụp thuốc mê và coi chừng đồng hồ, đến người tiếp sức bác-sĩ Lê-hưng-Long đều là những quan đốc-tơ có bằng y-khoa tắn-sĩ tại Paris về.

Công cuộc mỗ xẽ lo rất là tiêm-tắt châu đáo. Nếu như nhằm bệnh mất máu nhiều, cùng bệnh nguy thì có máy sang máu người mạnh qua người đau để cứu-cấp tức thì.

Dương-Đương của Đốc-tơ LÊ-HƯNG-LONG, 93 đường Pellerin, Saigon

Từ khi khai trương dương-dương, tôi đã mỗ được nhiều bệnh khó khăn, nay đều mạnh cả.

NHÀ BẢO SANH TRONG BỆNH-VIỆN SAIGON

Tại bệnh-viện cũng có mở phòng bảo-sanh. Ai *đễ khó cách gì* bác-sĩ Lê-hưng Long cũng sanh hộ được cả. Rất tiện cho dân-bà dễ trong bệnh-viện Saigon, vì dương hồi dễ mà có sự chi trắc trở xảy đến, thì có phòng mỗ gần bên, đồ đạc đủ sẵn, cứu cấp liền không sợ nguy. Ví vự như đưa con mắt kẹt trong bụng mẹ thì bác-sĩ Lê-hưng-Long mỗ tử-cung đem bảo-tử ra; như thế đã cứu mẹ lại cứu con.

Như có làm băng thì ở đó có sang máu, như có mỗ hay dễ kềm thì cũng có đồ dễ sẵn bên tay. Lâu nay tôi đã cứu được nhiều người dễ khó hay sảo thai.

NHÀ BẢO CHẾ VÀ PHÒNG THỬ VI-TRÙNG

Tại bệnh-viện có máy và đủ đồ phụ tủng thử máu, đàm, phần, nước tiểu, mủ, để kiểm trùng lao, trùng dương mai v. v.

Dương-Đương của Đốc-tơ LÊ-HƯNG-LONG; 93 đường Pellerin, Saigon

Có nuôi bọ và thỏ từng lồng riêng để chích thuốc thử vi-trùng và thử tánh được.

GIÁ TIỀN PHÒNG VÀ CÁCH ĐIỀU TRỊ CÙNG THUỐC MEN

Hai chục giang phòng trong bệnh-viện đều riêng ra hết, không có thông đồng nhau như những nhà thương thường thấy. Số phòng này chia ra làm hai hạng :

1— Hạng 6 đồng một ngày.

2— Hạng 3 đồng một ngày.

Cách bày trí trong phòng cũng có thứ tự và rất tiện cho người bệnh ở, nhất là mỗi phòng đều có nhiều cửa khoảng-khoát lắm.

Trong mỗi phòng đều có một cái giường ruột gà rất rộng, một cái mùng lưới từ trên trần nhà buông phủ xuống, có một cái tủ kiếng lớn cho bệnh nhơn để đồ, có bàn bureau, ghế, table de nuit, có chỗ tắm (douche), chỗ rửa mặt (lavabo), cầu tiêu máy, nước

Dưỡng-Đường của Đốc-tơ LÊ-HUNG-LONG ; 93 đường Pellerin, Saigon

chảy thâu đêm dùng bao giờ cũng có. Ngoài ra còn đèn điện và quạt máy.

Hạng phòng thứ nhất thì đồ ăn theo tây. Hạng phòng thứ nhì thì đồ ăn annam. Tuy có sự khác giá như vậy, song hai hạng phòng đồ đạc không khác gì mấy, và **CÁCH SĂN SÓC LO LẮN CHO BỆNH NHƠN VẤN Y NHƯ MỘT.**

Bệnh nhơn nằm nơi hai hạng phòng này chỉ chịu thêm tiền thuốc thôi. Mỗi ngày được bác-sĩ Lê-hưng-Long đến thăm mạch hai lần và có sự chỉ uất trực thì có sẵn ở bên luôn. Có một ông đốc-tơ nữa phụ giúp đốc-tơ Lê-hưng-Long mỗi ngày xem sóc và tiêm thuốc. Nằm nơi đây giá tiền như thế đem so-sánh với tiền đến khám bệnh (consultation) thì thật nhẹ hơn rất nhiều.

Đàn-bà đến bệnh-viện sanh cũng có chỗ từ-tế năm giá như định (prix forfaitaire) có ba hạng.

Dưỡng-Đường của Đốc-tơ LÊ-HUNG-LONG ; 93 đường Pellerin, Saigon

Nằm sanh nơi đây phải đúng 15 ngày mới về được. Bệnh-viện ở đầu cũng thế, chớ không phải cố ý lưu lại mà lấy tiền cho nhiều.

Nên biết rằng người đàn-bà sanh rồi từ 10 tới 15 ngày hay có một chứng bệnh rất nặng, nếu xảy ra mà không cho thuốc kịp và săn sóc kỹ thì ít ra người bệnh phải nằm mà uống thuốc trong 6 tháng trường mới mạnh được. Vì vậy mà phải buộc người đàn-bà tới sanh phải đúng 15 ngày mới được về.

Trong 15 ngày nằm tại bệnh-viện *tiền phòng, tiền sanh, tiền thuốc, tiền đồ phụ-tùng* cho người đàn-bà và đưa trẻ :

Hạng nhứt là 170 đồng

Hạng nhì là 110 đồng

Hạng kế đó là 80 đồng

Hạng 80 đồng là giá riêng chuẩn cho người ít tiền thôi chớ cách săn sóc chăm nom từ người mẹ tới đứa con cũng vẫn như hai hạng trên.

Dưỡng-Đường của Đốc-tơ LÊ-HUNG-LONG; 93 đường Pellerin, Saigon

CÁCH SĂN SÓC BỆNH NHƠN

Bệnh nhơn nằm tại bệnh-viện bao giờ cũng được săn-sóc kỹ lưỡng từ môn an chỗ tới cách trị bệnh.

Mỗi ngày được quan thầy coi bệnh và lấy nhiệt-độ hai lần, sớm mới và chiều. Ngoài ra bệnh nặng ắt phải lấy nhiều lần hơn nữa.

Nhằm chứng bệnh phải trị cho chắc ý thì bác-sĩ Lê-hung-Long sẽ thử dăm, thử máu hoặc thí nghiệm bệnh và thuốc trị vào mấy con thú dả nuôi sẵn như bọ và thỏ theo khoa-học tân thời.

CÁCH NUÔI BỆNH

Mỗi một người bệnh đều có một tấm giấy biên rõ chứng bệnh (*fiche des malades*), có tờ coi nhiệt độ (*feuilles de température*) và cái hồ sơ bệnh (*Dossier des malades*) để biết bệnh xảy đời làm sao và thuốc trị gia giảm thế nào.

Nói tóm bệnh-viện Saigon là nơi đáng cho đồng-bào dễ lòng tin-nhiệm trong lúc ốm đau.

Dưỡng-Đường của Đốc-tơ LÊ-HUNG-LONG; 93 đường Pellerin, Saigon

Giá tiền nơi đây dẫu nhẹ và cách săn-sóc lại hết lòng. Các người giúp việc trong DUỠNG-ĐƯỜNG SAIGON đều là người có kinh nghiệm lâu năm trong y-giới và đã cứu khỏi nhiều người bị bệnh ngặt nghèo.

Công-cuộc của bác-sĩ Lê-hưng-Long làm ngày nay không phải tới đây mà gọi là châu tất hoàn-toàn dẫu. BINH-VIỆN SAIGON còn mở nhiều phòng khám-bệnh chuyên môn nữa. Bệnh nào đều có chỗ riêng xem nghiệm và mỗi nơi đều do một nhà chuyên-môn (spécialiste) cai quản, như phòng rọi kiếng chạy diên, trồng răng, chữa bệnh lở tai, lở mũi, con mắt v. v.

Tương đồng-bào không nên bỏ qua mà không tán thành một công cuộc rất ích lợi cho người Annam do người Annam lập ra vậy.

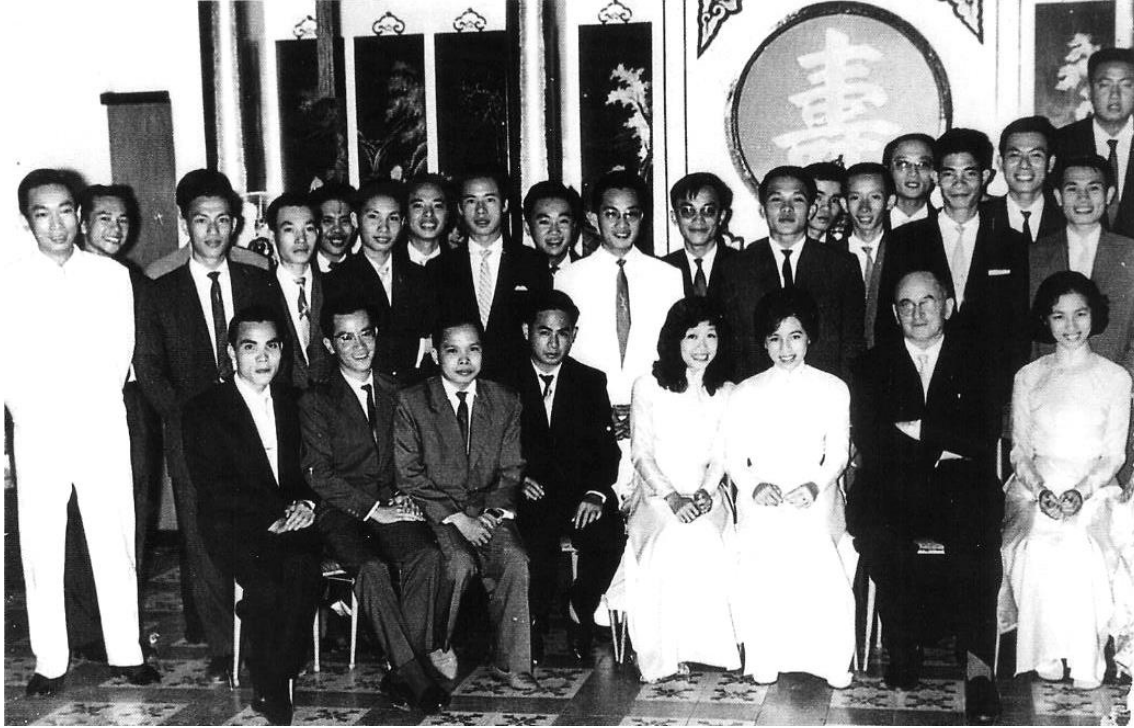
Dưỡng-Đường Saigon

của Docteur LÊ-HƯNG-LONG

de la Faculté de Médecine de Paris

93, Rue Pellerin, Saigon

Phụ Lục D



Giáo sư A. Rivoalen ngồi giữa hai nữ sinh viên y khoa mặc áo dài trắng.
(Hình ảnh do bác sĩ Hoàng Cơ Lân cung cấp)

Tham khảo

Bergot (Erwan). *Gendarmes au combat- Indochine 1945-1955*, Presses de la Cité, Paris 2006.

Bùi Văn Xuân. *Địa-dư tỉnh Trà-Vinh*, Bền-Tre 1930.

Bừu Hiệp. *La Médecine française dans la vie annamite*, Hanoi 1936.

Cucherousset (Henri). *Xứ Bắc-kỳ ngày nay*, Hanoi 1924.

Cucherousset (Henri). *L'Indochine d'hier et d'aujourd'hui*, Hanoi 1926.

Duvernoy (Victor). *Province de Longxuyen*, Hanoi 1924.

Đào Văn Hội. *Tân-An Ngày Xưa*, Sài Gòn 1972.

Đông-Pháp Thời-báo Saigon 1928 (Kho Sách Xưa - Huỳnh Chiếu Đăng)

Gonzalès (Jacques). *Histoire de la naissance et du développement de l'Ecole de Médecine de Hanoi*, Histoire des Sciences médicales, Paris 1996.

Gouvernement de l'Indochine. *Souverains et Notabilités d'Indochine*, Hanoi 1943.

Hà-Đông tỉnh Địa dư chí, Hanoi 1925.

Huard (L.). *La Guerre du Tonkin*, Paris 1890.

Lê Hung Long. *Dưỡng-Đường Saigon*, 1935 (Kho Sách Xưa – Huỳnh Chiếu Đăng).

Michitake Aso. *Patriotic hygiene: Tracing new places of knowledge production about malaria in Vietnam, 1919-75*. Journal of Southeast Asian Studies / Volume 44 / Issue 03 / October 2013, p 423-443.

Monnais (Laurence). *Preventive medicine and “mission civilisatrice”*, Montréal 2006.

Nguyễn Duy Oanh. *Tỉnh Bền-Tre trong lịch sử Việt Nam*, Sài Gòn 1971.

Nguyễn Hòa Cát. *Recueil des Actes émanant de l'Autorité française et intéressant les Annamites de la ville de Hanoi - Nghị-định về việc vệ-sinh và lệ tuần-thành, thành-phố Hanoi*, Hanoi 1919.

Phan (Dung). *The Story Behind Hanoi's Rat Massacre of 1902*, Theculturetrip.com, 2017.

Tân Văn Tuần Báo 1934. (Kho Sách Xưa- Huỳnh Chiếu Đăng)

Toan Ảnh. *Tín ngưỡng Việt-Nam*.

Trần Đình Thái. *Ai có về Qui-Nhon*, Sài Gòn 1973.

Ứng Hoát. *Y-sinh chỉ nam*, Hanoi 1922.

Ngô Thị Quý Linh. *Lịch Sử Việt Nam Thuộc Pháp*, Hoa Kỳ 2002.

Ngô Thị Quý Linh. *Việt Nam và Công Cuộc Duy Tân*, Hoa Kỳ 2019.

Tác giả Ngô Thị Quý Linh

- Thành lập nhà xuất bản Ý Linh từ năm 1989 và phát hành những sách của chính tác giả: bộ Tủ Sách Gia Đình: *Tôi Yêu Quê Tôi (I-X)*; *Lược Sử Triết Lý Giáo Dục Việt Nam* (1997), *Lịch Sử Việt Nam Thuộc Pháp 1858-1945* (2002), *Việt Nam Và Công Cuộc Duy Tân* (2019), *Phật Giáo Việt Nam* (2021).
- Dạy tiếng Việt tại một số trường Việt ngữ ở Houston từ năm 1997
- Cố vấn cho Children's Museum of Houston thực hiện triển lãm *Dragons and Fairies* năm 2004
- Hiệu trưởng trường Truyền Thống Việt từ năm 2006
- Phụ trách chương trình Văn Hóa Việt trên đài Saigon Houston từ năm 2007

Tác giả cẩn chí

Tháng Tám năm 2022

*Tác giả xin cảm ơn bác sĩ Hoàng Cơ Lân đã xem lại các danh từ y khoa.

Nếu còn điều gì thiếu sót, đó là lỗi của tác giả, xin độc giả vui lòng lượng thứ và chỉ bảo.